Nº 41 Novembre 1920

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

KHẢO VỀ CHÍNH-TRỊ NƯỚC PHÁP (1)

V

CÁCH TỔ-CHỨC QUYỀN TƯ-PHÁP

2. — Các tòa-án vi-cảnh

1. — Cách tổ-chức. — Tòa án trị-an khi nào xử về hình-sự thì gọi là « tòa-án vi-cảnh » *(tribunal de simple police)*. Khi xử về vi-cảnh cũng như xử về dân-sự, quan án trị-an ngồi có một mình, chỉ có một người lục-sự giúp việc mà thôi.

Chức chưởng-lý thuộc về quan cảnh-sát (*commissaire de police*) tổng sở-tại. Nếu có nhiều quan cảnh-sát thời quan Tổng-chưởng-lý cử một người hay là mấy người kiêm chức ấy. Khi nào quan cảnh-sát mắc bận hay là ở tổng sở-tại không có quan cảnh-sát nào, thời quan Tổng-chưởng-lý cử quan cảnh-sát một chợ khác trong tổng, hay là một quan trợ-thẩm của quan án trị-an, hoặc một viên thị-trưởng hay là phó-thị-trưởng trong hàng tổng cũng được. Khi nào người được cử ra thế cũng lại mắc bận thời hoặc là thị-trưởng, phó-thị-trưởng, hay là một người nghị-viên chợ sở-tại tổng tiện-thị được quyền thay.

2. — Thủ-tục. — Người phạm tội vi-cảnh bị đòi ra tòa thời chỉ gửi cho cái giấy cáo (*avertissement*) thường mà thôi, cho khỏi tiền lệ-phí ; người nào đình-nhật không ra thời mới giao mỗ-tòa đòi. Trừ những trường-hợp đặc-biệt, còn thời hạn xuất-tịch là 24 giờ. Phiên tòa mở công-đồng, quan án trị-an có viên lục-sự ngồi giúp việc, quan chưởng-lý đứng xin khép luật, khi nào cần phải người làm chứng thời cho đòi đến hỏi.

Nếu người phạm tội vi-cảnh bị tòa đòi mà không ra thời xử khuyết-tịch. Xử xong, thông-đạt án cho biết, nếu không thuận, có quyền phản-đối, phản-đối thời hoặc khai ngay dưới tờ thông-đạt, hoặc làm giấy giao cho mỗ-tòa trong hạn ba ngày.

Khi nào án xử phạt bạc hay là bồi-thường quá 5 quan, hay là phạt giam, thời mới có quyền kháng-án. Kháng-án thời phải làm giấy khai ở phòng lục-sự tòa án vi-cảnh đã kết án ấy. Nếu người bị cáo có mặt thời hạn kháng-án là 10 ngày kể từ ngày kết án, nếu người bị cáo khuyết-tịch thời kể từ ngày thông-đạt. Đơn kháng-án do tòa án trừng-trị xử.

3. — Các tòa-án trừng-trị

1. — Cách tổ-chức. — Tòa án trừng-trị (*tribunal correctionnel*) tức là tòa án dân-sự đặt phiên riêng để xử các

(1) Xem *Nam-Phong* số 31, 32, 36, 37.

khinh-tội và các đơn kháng-án vi-cảnh. Vậy cách tổ-chức không khác gì tòa án dân-sự.

2. — *Mấy điều sơ-lược về việc dự-thẩm hình-sự.* — Những người được xét-nghiệm các trọng-tội, khinh-tội và vi-cảnh-tội là những hạng sau này : lính tuần, lính kiểm-lâm (*gardes forestiers*) (thuộc về những sản-vật và trong khu-hạt bọn đó phải coi), quan cảnh-sát, thị-trưởng và phó-thị-trưởng, quan án trị-an, quan hiến-binh (*officier de gendarmerie*), quan chưởng-lý và quan dự-thẩm (*juges d'instruction*). Các quận-trưởng và cảnh-sát-sảnh-trưởng ở Paris cũng có quyền được tự mình xét-nghiệm những tội phạm về hình-luật, hay là yêu-cầu chơ các viên tư-pháp-cảnh-sát (*officiers de police judiciaire*) phải xét-nghiệm.

Cứ thông-thường thời đại-khái thể-thức như sau này. Thí-dụ có một việc trộm. Viên quan cảnh-sát hay là quan hiến-binh, hoặc chính mình nhận được tin báo, hoặc tuân lệnh quan chưởng-lý đã nhận được tin báo, phải thân-hành tra xét.

(Đấy là thí-dụ một việc khinh-tội mới phạm; nhưng có khi việc cũ cũng có thể đem ra tra-xét được, miễn là không quá hạn tiêu-duyệt-thời-hiệu, là trọng-tội 10 năm, khinh-tội 3 năm, và tội vi-cảnh 1 năm.) — Vả quan chưởng-lý hễ biết tin một việc phạm, bất-cứ biết cách thế nào, là được quyền truyền cho tra xét để trừng-trị, trừ mấy cái trường-hợp riêng cần phải có người bị thiệt làm đơn thưa mới trừng-trị được thì không kể (như việc báo-quán, việc săn-bắn trong ruộng đất người ta, v. v.)

Nếu tra xét mà đủ chứng-cớ là có tội, thời quan chưởng-lý trực-cáo (*citation directe*) người phạm lên tòa án trừng-trị.

Nếu việc phiền-phức hơn thời quan chưởng-lý ủy cho quan dự-thẩm phải thẩm-tra (*information*), nghĩa là gọi người chứng đến để hỏi, nên xét-nghiệm gì thời truyền cho xét-nghiệm, hoặc cần phải giám-định thời mượn người giám-định, để thu-thập đủ chứng-cớ cho rõ cái tội. Trong những trường-hợp luật đã định, quan dự-thẩm ấy có quyền truyền bắt người bị-cáo, hoặc người ấy vắng mặt thời tống-trát đòi lên hỏi.

Khi đã thẩm-tra xong thời quan dự-thẩm đệ bút-lục lên cho quan chưởng-lý xét, rồi quan chưởng-lý làm một tờ cáo-tội (*réquisitoire*) nói việc nên xét-xử thế nào.

Bấy giờ quan dự-thẩm mới làm tờ thẩm-trạng (*ordonnance du juge d'instruction*). Nếu xét ra việc không đủ chứng-cớ làm tội được, thời trong tờ thẩm-trạng kết rằng việc nên bỏ đi không xử nữa. Tờ thẩm-trạng ấy gọi là thủ-tiêu-thẩm-trạng (*ordonnance de non-lieu*).

Nếu xét ra việc đủ chứng-cớ làm tội được, thời nếu là khinh-tội trong tờ thẩm-trạng xin đệ người bị-cáo ra tòa-án trừng-trị, nếu là tội vi-cảnh xin dệ ra tòa-án vi-cảnh.

Thuộc về trọng-tội thời thủ-tục dự-thẩm cũng thế ; nhưng nếu dự-thẩm rõ người bị-cáo phạm trọng-tội thời quan dự-thẩm trong thẩm-trạng phải nói rằng bút-lục sẽ chuyển-đệ lên quan Tổng-chưởng-lý tại tòa phúc-thẩm (*procureur général près la cour d'appel*), để quan Tổng-chưởng-lý lại chuyển-đệ lên ban tố-cáo trọng-tội (*chambre des mises en accusation*).

Không phải một quan chưởng-lý có quyền xin trừng-trị các khinh-tội trọng-tội. Người riêng cũng có quyền ấy, khi việc có thiệt-hại đến mình. Như người bị-trộm có thể thân-hành đến trình quan dự-thẩm, đứng tên

mình cáo kẻ ăn trộm để đòi bồi-thường, thế gọi là đứng tư-tố (*partie civile*), đối với quyền cáo-tố của quan chưởng-lý thay mặt xã-hội gọi là công-tố (*partie publique*) ; như thế quan tư-pháp cũng phải ra tay thẩm-tra và trừng-trị, nhưng khi ấy thời người tư-tố phải chịu tiền lệ-phí và phải ký-quĩ một khoản tiền để đảm-đương. Nếu tòa xử có tội, thời người tư-tố lại có thể kiện người bị-tội để đòi lại những tiền lệ-phí đã xuất ra. Nếu chính quan chưởng-lý tố-cáo người phạm-tội, thời bên tư-tố cũng có thể xin kèm thêm việc đòi bồi tổn-hại của mình vào đấy được.

Sau nữa, người bị-hại lại có thể tố-cáo thẳng lên tòa trừng-trị được, khi ấy thời tòa án không những phải xét một cái đơn xin bồi tổn-hại, mà lại phải xét cả việc hình-sự, và nếu quả đáng-tội thời phải luận tội, dù quan chưởng-lý không yêu-cầu mặc lòng.

Sau hết, khi người phạm-tội bị bắt đương-trường (*flagrant délit*), nghĩa là giữa lúc vừa phạm-tội xong, hay là trong một thời-hạn gần đó, thời có thể giải lên tòa án lập-tức, quan chưởng-lý chỉ hỏi qua và phát giấy tống-giam (*mandat de dépôt*) mà thôi ; nhưng người phạm vẫn được xin một hạn ba ngày để chạy chống.

3. — *Ra phiên tòa.* — Việc đã dự-thẩm theo thủ-tục như trên, bấy giờ mới đệ ra tòa ; tòa đặt phiên công-đồng để xét xử, trừ khi việc cần phải xử kín thời không kể ; nhưng khi ấy thời lúc tuyên-án vẫn phải công-đồng.

Thường thường ra tòa thời cách-thức như thế này : quan chánh-tòa hỏi người bị-can, người làm chứng phải đứng ở ngoài, rồi lần-lượt cho gọi từng người vào hỏi, trước khi nói phải tuyên-thệ rằng mình xin nói thật. Xong rồi quan chưởng-lý đứng lên cáo-tội, yêu-cầu luận tội theo pháp-luật ; nếu việc khó thời phải diễn-giải, rồi bàn-bác các chứng-cớ. Rồi đến thày kiện chống cãi. (Nếu người bị-can không thể thuê được thày kiện thời phải làm đơn cho ông hộ-biện-tịch-trưởng, hay là cho quan chánh-tòa, xin cử một người thày-kiện giúp không). Xong cả rồi, thời tòa kết án, hoặc kết ngay, hoặc để phiên sau.

Nếu người bị-can vắng mặt, hay là có mặt mà không chịu xuất-tịch, thời tòa xử khuyết-tịch, rồi thông-đạt án cho biết, trong hạn năm ngày kể từ khi thông-đạt có thể phản-đối được. Song nếu người bị-án không nhận được tờ thông-đạt, hay là không biết án vì không có giấy thi-hành, thời có thể phản-đối cho đến hết kỳ-hạn tiêu-duyệt-thời-hiệu (nghĩa là 5 năm).

Sự phản-đối, không có thể-thức gì riêng cả ; có thể làm giấy giao cho mõ-tòa được ; nhưng thường-thường thời người bị án thân-hành đến phòng chưởng-lý mà xin ký một tờ khai phản-đối. Người nào làm đơn phản-đối thời ngày phiên tòa sau phải ra, hay là tòa đã định phiên nào thời phiên ấy phải có mặt, nếu không thời không thể phản-đối lần nữa được.

Hạn kháng-cáo là 10 ngày ; nếu án kết đối-tịch thời bắt đầu từ ngày kết-án, nếu án khuyết-tịch thời bắt đầu từ ngày thông-đạt. Muốn kháng-cáo thời phải làm tờ khai ở phòng lục-sự tòa án đã xử ; viết thơ không không được, người bị án phải ký tờ khai kháng-cáo mới được. Nếu bị giam, thời viên lục-sự phải thân-hành đem giấy đến nhà tù cho ký.

Quan chưởng-lý và bên tư-tố cũng có quyền được kháng-cáo (quan Tổng-chưởng-lý thời được một hạn 2 tháng).

4. — Tòa-án phúc-thẩm

Cách tổ-chức. — Cách tổ-chức tòa phúc-thẩm để xử về hình-sự cũng

giống như tổ-chức để xử về dân-sự. Chỉ khác là có chia ra hai ban như sau :

1° Một ban phúc-thẩm khinh-tội (*Chambre des appels de police correctionnelle*) để xét xử về các đơn kháng-cáo những án của các tòa-án trừng-trị trong quản-hạt.

Người bị án đã làm đơn kháng-cáo lên ban ấy thời có giấy đòi đính hôm nào phải ra tòa. Tới phiên tòa, một quan thẩm-phán đọc một tờ báo-cáo về việc ấy ; thày kiện cãi ; quan chưởng-lý thỉnh-cầu, rồi tòa thẩm-định ; bấy nhiêu việc đều làm ở trước phiên tòa, giữa công-chúng (trừ khi nào phải xử kín thời không kể).

Thường thường những người làm chứng đã khai ở tòa trừng-trị rồi thời không phải khai nữa, vì lời khai đã biên vào giấy phiên (*feuille d'audience*) của tòa-án trừng-trị rồi. Song tòa cũng có thể cho đòi lại những người ấy được, cùng truyền dùng đủ mọi cách mà tra-hỏi thêm cho rõ việc.

Người bị án được hạn ba ngày để thượng-cáo lên tòa Thượng-Thẩm ; án đối-tịch thời bắt đầu từ ngày tuyên lời thẩm-định ; án khuyết-tịch thời bắt đầu từ ngày thông-đạt.

2° Một ban tố-cáo các trọng-tội để đệ lên tòa đại-hình (*Chambre des mises en accusation*).

Khi nào quan án dự-thẩm đã đệ một việc lên quan Tổng Chưởng-lý vì là việc trọng-tội thời quan Tổng Chưởng-lý đem việc ấy ra trình tại ban tố-cáo, ban này bèn họp riêng lại (nghĩa là không họp thành phiên tòa công) để dự xét, hễ việc không đủ chứng-cớ thời thẩm-định là việc không thành án (*non-lieu*), hễ việc xét ra chỉ là một khinh-tội mà thôi thời chuyển lại cho tòa trừng-trị xét-xử, hễ việc xét ra đủ chứng-cớ là một trọng-tội thời mới chuyển lên tòa đại-hình.

Sau khi ban tố-cáo kết thẩm-định chuyển lên tòa đại-hình như trên, thời quan Tổng Chưởng-lý biên một tờ lược kê các tội-trạng người bị-cáo : thế gọi là tờ cáo-tội (*acte d'accusation*).

Tờ cáo-tội- ấy cùng tờ thẩm-giao (*arrêt de renvoi*) đều cho thông-đạt cho người bị-cáo biết. Rồi quan Chánh-tòa Đại-hình (hay là một quan án nào do quan Chánh Đại-hình cử ra) cho đòi người bị-cáo chiếu lệ tra hỏi (*interrogatoire de forme*), rồi cho một hạn năm ngày, nếu không thuận theo lời thẩm-định của tòa thời được lên thượng-cáo tại Thượng-thẩm.

5. — Tòa-án Đại-hình

1° — *Cách tổ-chức.* — Tòa Đại-hình (*Cour d'assises*) là tòa-án về hình-sự chuyên xét xử các trọng-tội, và một vài khinh-tội theo đặc-cách trong luật ngày 29 tháng 7 năm 1881 về tân-văn báo-chỉ (*la presse*).

Mỗi quận có một tòa Đại-hình.

Quận nào có tòa dự-thẩm thời Đại-hình họp ở nơi sở-tại tòa dự-thẩm; còn các quận khác thời thường họp ở nơi quận-lỵ.

Tòa đại-hình có quan-tòa (*magistrats*), và bồi-thẩm (*jurés*). Bồi-thẩm là những người kỳ-hào trong hạt đã được biên tên vào một cái sổ riêng để đem ra rút thăm, ai trúng thời được sung vào chức ấy.

1° Quan tòa thời có : một quan Chánh tòa, do quan Chánh nhất tòa Dự-thẩm (*Premier Président de la Cour d'Appel*) ký thẩm-lệnh (*ordonnance*) cử, và hai quan án ở tòa-án đệ-nhất-thẩm nơi sở-tại làm phụ-thẩm, cũng cử theo cách trên.

Quan chưởng-lý thời nếu tòa họp ở nơi sở-tại tòa dự-thẩm, tức là quan Tổng Chưởng-lý, tổng-hộ-biện, hay là

phó tổng-chưởng-lý; nếu tòa họp ở nơi không có tòa dự-thẩm thời tức là quan Chưởng-lý cùng phó chưởng-lý ở nơi ấy.

2° Bồi-thẩm là những người dân biết đọc biết viết, không mất công-quyền dân-quyền, không thuộc vào những trường-hợp vô-năng-lực (*incapacité*) hay bất-đắc-kiêm (*incompatibilité*) như trong luật đã định, và đã có tên trong những sổ biên-tập theo cách như sau này.

Sổ bồi-thẩm. — Mỗi tổng đặt một hội-đồng họp các thị-trưởng trong hàng tổng, quan án trị-an làm chủ-tọa, để chọn những người dân nào xem ra đủ tư-cách sung chức bồi-thẩm được, kê thành ra một cái sổ thứ nhất. Rồi lại mỗi huyện đặt một hội-đồng họp các quan án trị-an trong hàng huyện cùng với các quận-hạt-nghị-viên (người nào vắng thời lấy huyện-hạt-nghị-viên thay), quan chánh tòa án đệ-nhất-thẩm làm chủ-tọa, đem cái sổ trên ra xét, lọc rút lại một nửa. Sau hết thời các sổ hàng huyện ấy đem tập-họp hết cả lại ở nơi sở-tại tòa Đại-hình, rồi bao nhiêu những phiếu biên tên mỗi người bồi-thẩm bỏ vào trong một cái hộp niêm-phong. Lại kê một cái sổ các bồi-thẩm phụ nữa, nhưng chỉ biên những người có trụ-cư ở nơi sở-tại tòa Đại-hình mà thôi; các phiếu sau ấy để vào một hộp riêng.

Trước mỗi khóa đại-hình (mỗi ba tháng có một khóa) thời quan Chánh tòa Dự-thẩm hay là quan chánh tòa đệ-nhất-thẩm (ở những quận nào không có tòa dự-thẩm) họp phiên tòa công, đem các hộp ra rút thăm lấy 36 bồi-thẩm chính và 4 bồi-thẩm phụ. Người nào trúng thăm thời do quận-trưởng thông-đạt cho biết. Người nào được giấy mời mà không ra tòa được thời phải làm tờ cáo quan Chánh tòa Đại-hình, đính theo cả các giấy-má làm chứng, nhất là các chứng-thư của thày thuốc.

Các khóa đại-hình. — Đính ngày nào mở khóa đại-hình, thời tòa Đại-hình họp. Quan Chánh tòa, hai quan phụ-thẩm, quan Chưởng-lý, viên lục-sự, phải có đủ mặt cả, ai ngồi chỗ nấy. Các viên bồi-thẩm cũng phải đủ mặt ở đấy. Quan Chánh tòa tuyên-bố mở khóa đại-hình, rồi viên lục-sự xướng tên các bồi-thẩm; xướng đến tên mỗi người phải thưa « tôi đây », và bấy giờ nếu có cớ gì không muốn ra ngồi bồi-thẩm thời phải khai lên.

Sổ các bồi-thẩm cho khóa ấy đã kê xong rồi, thời quan tòa mời các viên bồi-thẩm vào một phòng gần đấy, cho đứng trước mặt những người bị-cáo phải xử phiên ấy, rồi rút thăm lấy mười-hai người ra ngồi bồi-thẩm. Thảy-kiện hay quan Chưởng-lý không ưng ai làm bồi-thẩm có quyền cáo-khước (lúc rút thăm và sau khi các bồi-thẩm người nào không muốn ra tòa đã khai lên rồi, quan Chánh tòa phải liệu số vé trong hộp mà nói trước cho biết có thể cáo-khước được đến mấy người). Khi cáo-khước không cần phải nói rõ vì lẽ làm sao.

Đầu mỗi phiên xử mỗi việc đều phải rút thăm như thế.

Phiên tòa. — Xong rồi, các quan tòa vào lập phiên, các bồi-thẩm ngồi vào chỗ. Quan chánh tòa xét tên họ người bị cáo, rồi đọc lời tuyên-thệ cho các bồi-thẩm nghe. Lời tuyên-thệ đã có câu sẵn như sau này : « *Các ông phải thề và hứa trước mặt Thiên-Chúa và trước mặt mọi người rằng các ông sẽ hết sức cẩn-thận mà xét những tội tên Mỗ... bị-cáo ; không thiên-vị mà để hại đến quyền-lợi của người bị-cáo hay-là quyền-lợi của xã-hội đứng cáo ; không nên tư-thông cho ai biết, dẫu khi đã*

kết-nghị rồi cũng vậy ; không nên để bụng ghen-ghét hay là bụng độc-ác, bụng sợ-hãi hay là bụng thương-yêu ; phải nghe lời cáo-tội, lời hộ-biện, rồi cứ trong lương-tâm nghĩ thế nào quyết-định như thế, cho được thập-phần công-bằng, thập-phần chánh-đáng, mới xứng tư-cách con người tự-do thành-thực ». Quan tòa đọc xong câu ấy thời mỗi viên bồi-thẩm dơ tay phải lên nói rằng : « *Tôi xin thề như thế* ». Đoạn rồi viên lục-sự đọc lời thẩm-định chuyển-giao và tờ cáo-tội.

Bấy giờ mới gọi tên những người làm chứng để vào ngồi một buồng bên cạnh.

Quan chánh tòa hỏi người bị cáo. Nghĩa-vụ quan tòa là phải hết sức công-bình, phải bảo cho người bị-cáo biết mình bị cáo những tội gì, và cho phép được thuyết-minh các lẽ để chống-chế.

Hỏi người bị-cáo xong thời hỏi đến người làm chứng, mỗi người cũng phải tuyên-thệ, nói rằng : « *Tôi thề xin nói thực, không ghen-ghét ai, không sợ-hãi ai, việc thế nào cứ thực mà nói.* »

Quan chưởng-lý đứng lên bày-tỏ biện-bác các chứng-cớ, rồi kết-luận và yêu-cầu nên kết-án thế nào.

Kế đến thày kiện cãi ; đoạn rồi quan Chánh-tòa hỏi người bị-cáo có muốn nói thêm gì nữa không. Sau hết quan Chánh tuyên-cáo rằng cuộc công-nghị đã xong. Bấy giờ mới đưa cho mỗi người bồi-thẩm một cái sổ kê những câu hỏi để cho mỗi người phải trả lời.

Các viên bồi-thẩm vào trong phòng riêng, người ngoài không ai được vào, trừ khi phải hỏi-han gì thời mới cho mời quan Chánh tòa vào mà thôi. Quan chánh tòa vào phải có thày kiện và lục-sự theo sau.

Khi bộ bồi-thẩm đã kết-nghị rồi, thời toàn-bộ đều trở lại phòng xử án, rồi trước các quan tòa ngồi đông đủ cả (trừ người bị-cáo đem ra đứng chỗ khác), người bộ-trưởng (*chef du jury*) đứng lên đọc câu kết-nghị rằng : « Xin lấy danh dự, lấy lương-tâm, thề trước Thiên-Chúa, trước mọi người, bộ bồi-thẩm chúng tôi kết-nghị như sau này.... », rồi xướng lần-lượt từng câu hỏi, mỗi câu trả lời thế nào và có nên châm-chước các khinh-giảm-tình-trạng không. Quan Chánh tòa xét ra lời kết-nghị phải phép thời cho gọi người bị-cáo, rồi viên lục-sự đọc lời kết-nghị cho người bị-cáo nghe.

Nếu bộ bồi-thẩm trả lời rằng không đáng tội thời quan tòa tuyên án tha và truyền giải-phóng cho người bị-cáo.

Nếu bộ bồi-thẩm trả lời rằng đáng tội, thời quan Chưởng-lý yêu-cầu luận-tội, thày kiện và người bị-cáo phân-giải lẽ riêng, rồi quan tòa bàn nhau mà tuyên án làm tội,

Người bị án có quyền được ba ngày tròn (tính tự nửa đêm nọ đến nửa đêm kia) để thượng-cáo lên tòa Thượng-thẩm.

Án khuyết-tịch. — Khi người bị cáo trốn đi mất, thời việc do quan tòa xử, không phải có bồi-thẩm. Tòa kết án gọi là án khuyết-tịch (*contumace*). Nếu sau bắt được người bị-án, thời án khuyết-tịch trước bỏ (trừ khi tiêu-duyệt-thời-hiệu rồi thời không kể), và việc lại đem ra xử lại, đặt bộ bồi-thẩm như thường.

Nói về những qui-tắc riêng về các việc tân-văn ngôn-luận. — Luật ngày 29 tháng 7 năm 1881 về quyền tự-do ngôn-luận bằng các báo-chỉ tân-văn, định lệ rằng phàm các tội phạm bằng báo-chỉ tân-văn hay là bằng cách « công-bố » (*publication*) khác, như diễn-thuyết, nói to tiếng hay dọa-nạt người ta ở nơi công-chúng, thời là thuộc về tòa đại-

hình xét-xử. Luật ấy cùng với luật ngày 11 tháng 6 năm 1887 và 16 tháng 3 năm 1893 cải lại luật ấy, cũng có nói rõ những trường-hợp nào là các tội ấy có thể đặc-cách đem ra tòa án trừng-trị và tòa án vi-cảnh được.

Thủ-tục về việc tân-văn ngôn-luận, thuộc về những việc đệ ra tòa đại-hình xét, có khác thủ-tục về hình-sự thường.

Có nhiều việc (tỉ như sàm-báng người nào hay là đoàn-thể nào) phải có đơn thưa thời tòa mới xét được.

Tờ cáo-tội của quan Chưởng-lý và giấy đòi (*citation*) cũng có thể-thức riêng.

Quan án dự-thẩm không thể tịch-ký những báo hay sách có xúc-phạm (*publications délictueuses*), và chỉ được quyền giam cứu (*détention préventive*) trong mấy trường-hợp đã định mà thôi.

Hạn làm đơn thưa chỉ được có ba tháng mà thôi.

Lại như về việc sàm-báng các quan-lại Nhà-nước, nếu người bị cáo có thể bày-tỏ chứng-cớ rằng mình nói phải thời tòa không thể làm tội được.

Khi nào có lệnh quan án dự-thẩm và quan Chưởng-lý đứng khống-tố thời ban tố-cáo làm giấy thẩm-giao; nhưng không phải làm tờ cáo-tội.

Người bị thiệt cũng có thể trực-tiếp thưa lên tòa Đại-hình được; phải xin quan Chánh tòa ban cho cái lệnh định ngày nào phải đem việc ra tòa.

Khi thượng-cáo lên Thượng-thẩm, không phải ký-quĩ tiền phạt (*consignation d'amende*). Tòa Thượng-thẩm trong hạn mười ngày kể từ khi nhận được bút-lục phải xét ngay.

6.— Thượng-phán viện

Cách tổ chức, Quyền-hạn. — Thượng-phán viện (*Haute Cour de justice*) tức là Thượng-nghị-viện họp lại để xét những việc như sau này:

1º Xét xử quan Giám-quốc phạm tội phản-quốc, hay là những khinh-trọng tội thường-phạm khác;

2º Xét xử quan Tổng-Trưởng các bộ phạm tội trong khi thi-hành quyền-chức mình.

3º Xét xử những người riêng phạm tội khởi loạn trong nước.

Khi nào xử quan Giám-quốc và các quan tổng-trưởng thời do Hạ Nghị-viện đứng lên tố-cáo cho Thượng Nghị-viện xét-xử: nhưng không có luật nào định rõ về thủ-tục phải theo. Luật ngày 10 tháng 4 năm 1889 chỉ định thủ-tục về việc những người phạm-tội khởi-loạn trong nước mà thôi.

Thượng-phán-viện do sắc-lệnh quan Giám-quốc tập-hợp, gồm hết cả các ông thượng-nghị-viên bầu-cử từ trước ngày sắc-lệnh chiêu-tập.

Quan Giám-quốc lại hạ sắc-lệnh cử trong các quan tòa phúc-thẩm và thượng-thẩm lấy một quan Tổng-chưởng-lý và các quan Tổng-hộ-biện để sung chức chưởng-lý. Tổng Thư-ký của Thượng Nghị-viện thì sung chức lục-sự Thượng-phán-viện, có những tham-biện lục-sự giúp việc.

Thủ-tục. — Phiên công-đồng thứ nhất thời đọc lời sắc-lệnh tập-hợp Thượng-nghị-viên làm Thượng-phán-viện, và đọc tờ cáo-tội của quan Tổng-chưởng-lý. Thượng-phán-viện bèn truyền phải điều-tra dự-thẩm.

Việc điều-tra dự-thẩm ấy thời giao cho một hội-đồng có 9 người, mỗi năm đã bầu sẵn. Ông chánh hội-đồng ấy cùng với mấy ông hội-viên khác sung chức quan án dự-thẩm, phải tìm tra các chứng-cớ. Xong rồi thời chuyển-giao bút-lục cho bên chưởng-lý và bên bộ-biện.

Kế hội-đồng lại chuyển làm ban tố-cáo và thẩm-định nên tố-cáo hay

nên miễn - tố. Khi nào thẩm - định nên tố - cáo thời việc mới đem ra Thượng-phán-viện họp phiên tòa công để xét. Sau khi các chứng-nhân đã khai, bên chưởng-lý đã yêu-cầu, bên bị-cáo cùng hộ-biện đã chống-cãi, thời tòa hạ thẩm-định lần thứ nhất về sự có tội hay không. Nếu quả là có tội thời mới hạ thẩm-định lần thứ nhì luận- tội thế nào.

Thượng - phán - viện đã thẩm-định kết-án rồi, thời không được kháng-cáo ở đâu nữa, dẫu thượng-cáo lên Thượng-thẩm cũng không được vậy.

7. — Các tòa-án binh

Phàm những binh-lính cùng những người có bằng cấp hay là có ủy-nhiệm về việc binh, hễ phạm tội gì mà không có người ngoài đồng-phạm, thời thuộc những tòa-án riêng gọi là tòa-án binh (*juricdictions militaires*) xét-xử.

Thuộc về lục - quân thời tòa-án binh có ba hạng : một là tòa « hành-quân thường-phán (*prévôtés*), hai là tòa « quân-phạm hội-nghị » (*conseils de guerre*), ba là tòa « kiểm-sát hội-nghị » (*conseil de revision*).

Tòa hành-quân - thường - phán là những tòa-án thường để xét-xử những binh-lính phạm các tội vi-cảnh trong khi hành-quân.

Mỗi tòa có một ông hành - quân phán-quan (*prévôt*), xử một mình và có một viên lục-sự giúp việc ; phạt giam không được hơn sáu tháng, phạt bạc không được hơn hai trăm quan ; có quyền bắt bồi tổn-hại tới 150 quan.

Quân-phạm hội-nghị thời mỗi một quân-đoàn (*corps d'armée*) phải đặt một tòa ; hội-nghị có bảy người, tùy chức-phẩm người bị-cáo mà lựa cử. Mỗi việc giao một người ủy - viên điều-tra dự-thẩm, rồi làm tờ báo-cáo. Lại chọn trong những hàng tướng-tá (*officier supérieur*) hoặc tại-chức, hoặc hồi-hưu, lấy một người phái-viên của chánh-phủ (*commissaire du gouvernement*) để sung chức chưởng-lý. Chức lục - sự thời chọn một viên quân-quan về ban quân-pháp-hành-chính (*officier d'administration de la justice militaire*).

Khi chiến-tranh thời mỗi một sư-đoàn (*division*) đặt một tòa quân-phạm-hội-nghị. Có khi chỉ có năm người cũng được, nhưng không được xử những quân-quan cao hơn chức Trung-tá (*lieutenant colonel*); xử những quân-quan chức cao hơn thời cách tổ-chức phải giống như khi bình-thì.

Xưa kia thời những án của các tòa quân-phạm-hội-nghị và hải-quân-phán-viện (*tribunaux maritimes*) có thể đem lên kháng-cáo ở những tòa án cao hơn gọi là kiểm-sát-hội-nghị (*conseils de revision*). Nhưng luật ngày 17 tháng 4 năm 1906, điều thứ 44, định rằng khi bình-thì thời quyền phúc-thẩm ấy chuyển sang tòa Thượng-thẩm, và thuộc về mấy trường-hợp riêng dẫu khi chiến-tranh cũng vậy.

Khi chiến-thì thời ở đại-doanh quan Thống-tướng đặt một kiểm-sát-hội-nghị. Có thể tùy-nghi đặt ở nơi khác nữa cũng được.

Thuộc về hải-quân cũng có những quân-phạm-hội-nghị, mỗi hải-quân-khu-vực (*arrondissement maritime*) đặt một tòa.

Lại ở trên các chiến-hạm cũng đặt những « thẩm-phán-hội-nghị » (*conseils de justice*) để xét-xử những người trong thuyền-viên chưa đến bậc quân-quan, các hội-nghị ấy chỉ được xét những khinh-tội, và không được phạt giam tới quá hai năm.

VI

Cao-đẳng tài-phán

Tòa Thượng-Thẩm

Chức-quyền. — Trên hết cả các bậc tài-phán đã kể từ trước thời có viện

Các quan Hội-đồng Chánh-phủ

(Giữa là quan Toàn-quyền Long. — Tự bên tả trở vào là quan Binh-bộ Thượng-Thư Cao-miên Ponn, quan Thống-sứ Bắc-kỳ Rivet, quan Nguyên-soái Puypéroux. — Từ bên hữu trở vào là quan Khâm-sứ Trung-kỳ Tirsot, quan Khâm-sứ Cao-miên Maspero, quan Thống-sứ Ai-lao Besc. — Ở trên mặc áo An-nam là quan Tổng đốc Hà đông Hoàng Trọng Phu và quan Võ-hiển Tôn-thất Hân)

Thượng-thẩm (*Cour de Cassation*) để giám-đốc sự ứng-hành và sự luận-giải luật-pháp cho nhất-trí. Viện này không phải xét nghĩ đến sự-tình, chỉ phải xét xem cứ như tình-trạng các tòa án dưới đã quyết-nghị như thế thời cách ứng-hành luật-pháp có sai hay không.

Suốt nước Pháp chỉ có một viện Thượng-Thẩm, nhưng quyền quản-hạt gồm toàn-hạt nước Pháp và cả các thuộc-địa nữa.

Viện Thượng-Thẩm lại là cao-đẳng-hội-nghị của các quan thẩm-phán, và có « quyền quan-kỷ » (*pouvoir disciplinaire*) đối với các quan ấy.

Cách tổ-chức. — Các quan-viên của Thượng-thẩm thời có : 1 quan chánh viện-trưởng, 3 quan chánh ban-trưởng và 45 quan thẩm-phán. Chức Chưởng-lý thời có một quan tổng-chưởng-lý và sáu quan tổng-hộ-biện. Các quan ấy đều do sắc-lệnh quan Giám-quốc bổ-nhiệm. Những quan ban-trưởng, viện-trưởng và thẩm-phán là những chức miễn-bãi, nghĩa là chung-thân không thể bãi cách được: Phiên tòa thường thời các quan ấy mặc áo đen vành lụa và mũ nhung khoanh vàng ; phiên đại-hội thời mặc áo đỏ có mao-bì.

Viện Thượng-Thẩm chia ra làm ba ban : ban chấp-đơn (*chambre des requêtes*), ban dân-sự (*chambre civile*), ban hình-sự (*chambre criminelle*).

Cách hành-động của ba ban ấy như sau này. (Thuộc về thể-thức thượng-cáo thời xem lại ở bài trước, N. P., số 36, trang 478-479).

Ban chấp-đơn. — Khi nào có đơn thượng-cáo về dân-sự thời trước nhất hẳng đệ lên ban chấp-đơn xét đã, không cần phải gọi bên kia vội. Một quan thẩm-phán làm tờ báo-cáo, thấy kiện cãi, quan chưởng-lý kết-luận, xong rồi, nếu xét ra đơn thượng-cáo không chánh-đáng thời tòa hạ thẩm-định bác đi (*arrêt de rejet*) ; lời thẩm-định ấy phải nói rõ vì cớ gì mà bác. Nếu đơn thượng-cáo xét ra chánh-đáng thời tòa hạ thẩm-định nhận đơn, lời thẩm-định này không cần phải nói cớ làm sao ; bấy giờ mới báo cho bên kia biết và đệ việc ra ban dân-sự xét.

Ban dân-sự. — Hai bên bày-tỏ các lẽ bằng giấy. Tòa giao cho một quan thẩm-phán xét rồi làm tờ báo-cáo; bên hộ-biện cãi, bên chưởng-lý kết, rồi tòa hạ thẩm-định.

Nếu tòa xét ra trong án đem lên thượng-cáo ấy ứng-hành luật-pháp sai, thời phá án đi, nhưng không có tự xét đến cốt việc, đem việc giao cho một tòa án khác đồng-dẳng với tòa đã kết án trước để xét hết đầu đuôi việc và xử hẳn lại.

Có khi tòa án mà tòa Thượng-Thẩm ủy cho xử lại như thế cũng luận-giải nghĩa luật như tòa thứ nhất đã bị phá án; khi ấy thời việc lại đem về Thượng-Thẩm họp cả ba ban cùng xét. Nếu lần này xét lại thẩm-định như lần trước, thời việc lại giao cho một tòa án thứ ba nữa, đồng-dẳng với tòa đã xử trái với viện Thượng-thẩm, tòa này thời phải theo nghĩa luật như các ban thượng-thẩm đã định.

Ban hình-sự. — Về hình-sự thời đơn thượng-cáo không phải qua ban chấp-đơn; phải đệ thẳng vào ban hình-sự xét.

Nếu tòa xét ra luận tội không đúng luật-pháp thời bác cái phần án thuộc về tội, và chuyển-giao việc cho một tòa án đồng-đẳng khác để nghĩ tội lại.

Nếu án xử sai cách hẳn thời chuyển giao để xử lại cả.

Khi nào tòa án thứ nhì ấy xử cũng lại không đồng-ý với tòa Thượng-Thẩm và việc lại đem lên thượng-cáo lần nữa, thời thủ-tục cũng như về dân-sự.

Có khi thời tòa Thượng-Thẩm không cần phải chuyển-giao cho tòa khác nữa, là những khi xét ra việc quả không đáng tội, hay là đáng tội mà tiêu-duyệt-thời-hiệu rồi, hay là đã có ân-sá rồi.

Sau này lại còn có khi quan Chưởng-lý, tự ý mình hay là theo lệnh quan Tư-pháp tổng-trưởng, đứng xin thượng-cáo vì pháp-luật (*former pourvoi dans l'intérêt de la loi*), nghĩa là xin tòa Thượng-thẩm bắt sửa lại một cái án đã xử trái phép-luật. Cứ phép, thời cách thượng-cáo như thế cốt là để nghiêm giữ lấy pháp-luật, nhưng cứ thực thời cũng có khi lợi cho người bị-án.

Thủ-tục riêng về tái-thẩm. — Khi nào một cái án trừng-trị hay án hình-sự đã kết đâu vào đấy rồi, mà chợt phát-minh ra chứng-cớ người bị án không có tội, thời dẫu người ấy chết rồi cũng có thể xin tái-thẩm (*revision*) được.

Đơn xin tái-thẩm thời hoặc do người bị-án hay người bị-án không có đủ tư-cách thời do người nào có phép thay mặt người ấy, hoặc người bị-án chết rồi hay là đi vắng thời do vợ hay chồng, con trai, con gái, cha mẹ, người kế-thừa, hay là người nào đã được ủy-quyền của người ấy; hoặc do quan Tư-pháp tổng-trưởng.

Phàm đơn tái-thẩm phải tự quan Tổng-chưởng-lý chiếu lệnh quan Tư-Pháp tổng-trưởng đệ ra Tòa Thượng-Thẩm xét.

Ban hình-sự xét xem việc đã đủ xử chưa; nếu chưa thời thẩm-tra lại, xong rồi mới hạ thẩm-định. Theo luật cũ ngày 1 tháng 3 năm 1899, thời những khi tái-thẩm như thế, tòa Thượng-thẩm phải họp cả ba ban mới xử được; theo luật mới ngày 4 tháng 3 năm 1909, một ban hình-sự cũng có quyền xử.

Khi tòa đã chuẩn cho tái-thẩm rồi, xét ra còn có thể biện-nghị được nữa thời chuyển-giao cho một tòa án đồng-dẳng với tòa đã kết án trước để xử lại; nếu không thì tòa Thượng-thẩm cứ việc quyết-nghị lấy, không cần phải chuyển-giao nữa. Nếu người bị-án còn sống mà lời thẩm-định tiêu án đã tiêu sạch cả các tội thời tòa cũng không phải chuyển-giao gì nữa.

Người bị-án mà sau tái-thẩm xét ra vô-tội thời có khi có quyền đòi tiền bồi-tổn được, hoặc người ấy vắng đi thời bố mẹ, vợ chồng, con cái, hay là người họ hàng xa mà có chịu thiệt-hại lây vào đấy, cũng có quyền đòi tiền bồi-tổn được.

VII

Nói về tư-pháp-cứu-trợ

Trên kia đã nói qua các thủ-tục thuộc về các bậc tài-phán. Cho được trọn các thủ-tục ấy thường phải chịu tiền phí-tổn, lắm khi cũng nhiều lắm. Cứ phép thời việc xử án không phải mất tiền, vì các quan thẩm-phán đã ăn lương Nhà-nước, không được nhận tiêu-bạc gì của người đương-sự. Nhưng việc án phải có giấy-má, làm giấy thời phải mất những tiền lệ-phí, hoặc cho các hạng công-lại (như trạng-sư, mõ-tòa), hoặc cho sở văn-tự (*administration de l'enregistrement*) như tiền tin-chỉ, tiền trước-bạ, v. v.

Như vậy thời những người nghèo có can-thiệp đến việc án, khó lòng mà theo đuổi cho cùng được. Bởi thế Nhà-nước mới đặt ra luật tư-pháp-cứu-trợ (*assistance judiciaire*) để giúp cho những người ấy khỏi phải thiệt-hại đến quyền-lợi mình.

Thế nào gọi là tư-pháp cứu-trợ? Là tạm miễn cho người đương-sự không phải trả tiền lệ-phí. Thường-thường thời người đứng nguyên-đơn phải ký-quĩ trước một khoản tiền bao nhiêu đó để trả dần tiền giấy bút, tiền trước-bạ,

tiền công cho lục-sự, trạng-sư, mõ-tòa, tiền phí giám-định (*frais d'expertise*), tiền cấp cho người làm chứng, v. v.; người nào được cứu-trợ thời được miễn nộp trước những tiền ấy. Các giấy-má thời không phải dán « tem », chỉ biên nhận để dán « tem» (*timbre*) sau; trước-bạ thời là trước chịu (*enregistrement en débet*); các công-lại cũng không được tiền hoa-hồng, tiền bồng gì cả; đến như những tiền phải trả ngay không thể để chậm được, như tiền vận-tải, tiền cấp-phí cho người làm chứng, tiền phí giám-định, thời kho Nhà nước cũng tạm cho vay.

Việc kiện xong thời sở văn-tự phải thu hết các tiền lệ-phí.

Nếu bên kia bị án thời bên kia phải trả hết lệ-phí, như là không có cứu-trợ vậy. Nếu chính người được cứu-trợ bị án thời chỉ phải chịu những tiền ngoài việc kiện (như trước-bạ văn-tự mua bán) và những tiền kho Nhà nước tạm cho vay mà thôi. Bên kia cũng có thể đòi lại những tiền đã xuất ra. Những tiền phí ngoài lệ-phí về việc kiện, dẫu người được cứu-trợ không mất kiện cũng phải trả, vì những tiền ấy không thuộc về việc kiện, nhưng chỉ khi nào án thành hẳn rồi mới phải trả.

Theo luật năm 1851 thời phải người nghèo-cùng (*indigence*) mới được cứu-trợ; theo luật năm 1901 thời người nào không đủ tư-lực (*insuffisance de ressources*) cũng có thể xin cứu-trợ được. Vậy hễ hiện lúc đi kiện mà sức không thể đương được tiền lệ-phí thời có thể xin cứu-trợ được.

Lại những sở công hay là sở công-ích cùng những hội tư mà chủ cái mục-đích cứu-tế gì và có pháp-nhân tư-cách (*personnalité civile*) thời cũng có thể xin cứu-trợ được.

Được cứu-trợ từ ngày nào mới được bắt đầu hưởng từ ngày ấy mà thôi. Nếu việc kiện đã bắt đầu trước khi được cứu-trợ thời những tiền lệ-phí trước ấy không được miễn.

Những việc như sau này thời có thể xin cứu-trợ được: việc phân-tranh ở tòa-án dân-sự, tòa-án trị-án, tòa-án công-sự, tòa-án thương-mại, tòa phúc-thẩm, tòa thượng-thẩm, quận-sảnh-hội-nghị, quốc-gia hội-nghị, quyết-tranh-viện, cùng những khi đứng nguyên-đơn hay là tư-tố (*partie civile*) ở trước các tòa-án hình-sự. Bên bị ở tòa-án hình-sự thời không có lệ được cứu-trợ, nhưng có thể xin quan Chánh tòa-án hay là ông trưởng bộ-biện-tịch cử một ông thày-kiện cãi giùm.

Không cứ các việc phân-tranh, những việc thẩm-giám (*actes de juridiction gracieuse*), việc lưu-tồn (*actes conservatoires*) cũng có thể xin cứu-trợ được.

Người nào đã được cứu-trợ ở đệ-nhất-thẩm, mà bị kháng-cáo hay thượng-cáo lên tòa trên thời vẫn cứ được hưởng; nhưng nếu tự mình đứng thượng-cáo hay kháng-cáo thời muốn được cứu-trợ phải làm đơn xin lần nữa.

Sau hết, đã được cứu-trợ về việc kiện thời được cả về việc thi-hành nữa; song tòa cứu-trợ (*bureau d'assistance*) phải định rõ những việc thi-hành gì là được.

Cách tổ-chức tòa cứu-trợ. — Tòa-án cứu-trợ thời tùy mỗi tòa-án, cách xếp đặt có khác nhau, thường đặt ở những nơi này:

Ở sở-tại mỗi tòa-án đệ-nhất-thẩm, để xét những đơn xin cứu-trợ thuộc về việc tòa ấy, của các tòa trị-án, các tòa-án vi-cảnh, các tòa-án thương-mại, các tòa-án công-sự, quận-sảnh hội-nghị và tòa đại-hình.

Ở sở-tại tòa Phúc-thẩm để xét những đơn xin cứu-trợ thuộc về việc tòa ấy, và ở Paris thời thuộc về việc

những tòa Thượng-Thẩm, Quốc-gia hội-nghị và Quyết-tranh-viện.

Đặt riêng một tòa ở Thượng-Thẩm, một tòa ở Quốc-gia hội-nghị và Quyết-tranh-viện.

Ở Paris, lại có một tòa cao đẳng nữa, dưới này sẽ nói.

Thể-thức phải theo để xin cứu-trợ.— Người nào muốn xin cứu-trợ thời phải xin một bản trích-lục sổ đóng thuế (*extrait du rôle des contributions*) có ông chủ phòng thu thuế ký nhận, hay là xin một cái chứng-thư nhận rằng mình không phải đóng thuế. Rồi ra trước ông thị-trưởng nơi mình ở, làm cái giấy khai nói rằng mình đương có việc kiện gì đó, mà tư-lực không thể đương được tiền lệ-phí. Ông thị-trưởng phải nhận tờ khai đó (ở thị-sảnh nào cũng đã có mẫu giấy in sẵn, thị-trưởng chỉ phải điền vào rồi ký nhận mà thôi).

Tờ khai đó để phòng sự gian-dối, và để sau này nếu xét ra người đứng khai vốn có đủ tư-lực chịu được tiền lệ-phí mà lại nói dối rằng không, thời lấy đấy làm bằng-cứ để đem ra tòa án trừng-trị nghị tội.

Đã đủ các giấy ấy rồi thời làm một cái đơn bằng giấy thường kể qua việc kiện thế nào. Đơn ấy đính theo giấy nhận thực của quan thu thuế và giấy khai trước thị-trưởng, bèn giao cho ông thị-trưởng để tư lên quan chưởng-lý bản-hạt, hay là người đương-sự đầu đơn lên quan chưởng-lý lấy cũng được. Thường thường thời đơn viết, nhưng hoặc lên tận quan mà kêu miệng cũng được.

Quan chưởng-lý chuyển các giấy cho tòa cứu-trợ, để tra xét kỹ cho biết đích việc kiện thế nào và người đương-sự có quả là không đủ tư-lực không.

Nếu việc kiện lại thuộc về quyền thẩm-phán một tòa án khác nơi sở-tại tòa cứu-trợ, thời tòa cứu-trợ này chỉ xét về khoản không đủ tư-lực mà thôi, nếu quả không đủ thật thời chứng nhận, rồi chuyển-giao cho tòa cứu-trợ khác thuộc về tòa án phải xét việc kia, để quyết định nên cho hay không.

Nếu việc kiện là thuộc về các tòa-án nơi sở-tại tòa cứu-trợ, thời tòa cho gọi hai bên lên để hai bên thuyết-minh cho nghe, rồi cố hòa-giải cho khỏi việc kiện, nếu không hòa-giải được thời bấy giờ mới định nên cho cứu-trợ hay không, hễ không cho thời trong lời nghị phải nói rõ vì cớ gì.

Nếu tòa cứu-trợ bản-hạt không cho thời người đương-sự có thể lên kê tại quan Chưởng-lý, quan Chưởng-lý xét có nên thời tư lên tòa cứu-trợ ở sở-tại tòa Phúc-thẩm.

Việc tư-trình tra-xét như thế cũng mất thì-giờ nhiều, cho nên luật cho phép tòa cứu-trợ ở sở-tại tòa đệ-nhất thẩm được quyền tạm-thời quyết-nghị, rồi tòa cứu-trợ ở sở-tại tòa án phải xét việc duyệt-y lại sau cũng được.

Sau khi đã cho cứu-trợ rồi thì cử những trạng-sư, mõ tòa, thầy-kiện để giúp việc, rồi báo cho người đương-sự biết.

Nói về tư-pháp cứu-trợ ở phúc-thẩm, thượng-thẩm, Quốc-gia-hội-nghị và Quyết-tranh-viện. — Trên kia đã nói rằng người nào đã được cứu-trợ ở đệ-nhất-cấp, thời nếu bị bên kia kháng-cáo lên cấp trên, mình vẫn được hưởng. Nếu chính mình kháng-cáo hay là thượng-cáo, thời phải làm đơn xin cứu-trợ lần nữa; đơn ấy phải đính theo một bản sao lời nghị mà mình muốn chống cự. Việc lên phúc-thẩm thời phải đầu đơn lên quan Chưởng-lý ở tòa phúc-thẩm; việc lên Thượng thẩm, phải đầu đơn lên quan Chưởng-lý ở tòa Thượng-Thẩm; việc lên Quốc-gia hội-nghị phải đầu đơ

lên ông Thư-ký của Hội-nghị ấy; việc lên Quyết-trạnh-viện, phải đầu đơn lên ông Thư-ký viện ấy.

Luật ngày 4 tháng 12 năm 1907, lại đặt một tòa cứu-trợ cao-đẳng (*bureau supérieur*) nữa để thẩm lại những lời nghị của các tòa cứu-trợ ở sở-tại các tòa phúc-thẩm, Quốc-gia hội-nghị và Quyết-trạnh-viện, hay là nhiều tòa dưới không đủ tư-cách xét một việc gì thời đem lên đấy quyết-nghị.

Cho cứu-trợ không cần phải tòa cứu-trợ nghị. — Luật lại định có mấy việc như sau này có thể cho cứu-trợ không cần phải tòa cứu-trợ xét nghị ; như : việc tai-nạn bất-kỳ của thợ-thuyền (luật ngày 9 tháng 4 năm 1898); việc phân-tranh về sự thi-hành luật về kho cứu-cấp và kho hưu-dưỡng (*caisses de secours et de retraite*) của các thợ mỏ (luật ngày 29 tháng 6 năm 1894).

Ấy đại-khái cách tổ-chức việc tư-pháp-cứu-trợ như vậy. Song đó là thể-thức Nhà-nước cứu-trợ những người nghèo khó; về phần riêng các thày kiện, các trạng-sư cũng có lệ với nhau rằng hễ gặp khách túng-bấn thời cũng sẵn lòng làm ơn bảo giùm hay là cãi hộ mà không lấy tiền. Thường ở các tỉnh-thành lớn, trạng-sư và thày kiện có đặt những phòng tư-vấn (*bureaux de consultation*), để người nghèo túng có việc gì nan-giải thời đến mà hỏi-han về pháp-luật, không mất tiền vậy.

(*Đến đây là hết bài « Khảo về chính-trị nước Pháp », cả thảy có năm bài, bắt đầu tự số N. P. thứ 31. — Tiếp đây phụ-lục một tập « Tự-vựng » những danh-từ về chính-trị pháp-luật đã dịch trong mấy bài này*).

THƯỢNG-CHI *biên-dịch*

TỰ-VỰNG CÁC DANH-TỪ VỀ CHÍNH-TRỊ PHÁP-LUẬT ĐÃ DỊCH TRONG MẤY BÀI « KHẢO VỀ CHÍNH-TRỊ NƯỚC PHÁP »

Trong năm bài « *Khảo về chính-trị nước Pháp* » đã đăng trong báo này từ số 31 tới nay, những danh-từ riêng về chính-trị pháp-luật dịch ra cũng đã nhiều. Nay tưởng đem trích-lục ra, họp thành một tập « tự-vựng », phụ-biên vào đây, cũng bổ-ích được ít nhiều cho các nhà khảo-cứu vậy. Dịch-giả vẫn tự biết rằng dịch còn lỗ-mỗ lắm, vì các tiếng chuyên-môn, nhất là về pháp-luật, khó lòng dịch cho lấy hay được; vậy xin các độc-giả nên coi tập « Tự-vựng » này như một bản thảo để tùy-nghi châm-chước mà lợi-dụng trong một lúc, chớ không phải là bộ tự-điển đã thành-cảo có thể cứ y thế mà theo được.

* * *

Académie (instruction publique)	Học-khu.
Accidents de travail	Tai-nạn bất-kỳ của thợ-thuyền.
Acte commis	Việc phạm.
Actes conservatoires	Việc lưu-tồn.
Acte d'accusation	Giấy cáo-tội.
Acte d'avoué à avoué	Giấy trạng-sư thông-cáo lẫn nhau.
Actes de commerce	Việc buôn-bán.

Actes de gestion	Quản-lý sự-vụ.
Actes de gouvernement	Thống-trị sự-vụ.
Actes de juridiction grâcieuse	Việc thẩm-giám.
Actes d'émancipation	Giấy độc-lập (nhận cho con trẻ đến
Actes grossoyés	Giấy đại-tự. [tuổi thành-niên).]
Actions possessoires	Việc phân-tranh về quyền chiếm-hữu.
Adjoint au maire	Phó-thị-trưởng.
Adjoint spécial au maire	Đặc-nhiệm phó-thị-trưởng.
Administrateur	Quan cai-trị.
Affaires étrangères (Ministère des)	Ngoại-vụ-bộ.
Affaires ordinaires	Việc thường.
Affaires sommaires	Việc giản.
Afflictives et infamantes (peines)	Thể-hình kiêm nhục-hình.
Agent d'affaires	Thày biện-sự.
Agent de change	Lái hối-đoái.
Agent de police	Lính cảnh-sát.
Agréé	Công-nhận ủy-viên.
Agriculture (Ministère de l')	Nông-lâm-bộ.
Ambassadeurs	Đại-sứ.
Annulation	Thủ-tiêu.
Appel (former)	Kháng-cáo.
Appelant	Người kháng-cáo.
Appel-incident	Kháng-cáo phụ.
Appel principal	Kháng-cáo chính.
Apposition des scellés	Niêm-phong.
Apurement des comptes	Kết-toán các khoản chi-thu.
Arbitrage, arbitre	Trọng-tài (người đứng giữa phân-sử
Arbitres rapporteurs	Trọng-tài ủy-viên. [hai bên).]
Arrêt de renvoi	Tờ thẩm-giáo.
Arrêt de rejet	Tờ thẩm-bác.
Arrêtés	Nghị-định.
Arrêtés réglementaires	Qui-tắc nghị-định.
Arrêtés spéciaux ou individuels	Đặc-biệt hay là cá-nhân nghị-định.
Arrêts	Lời thẩm-định (của tòa phúc-thẩm)
Arrêts par défaut	Khuyết-tịch thẩm-định.
Arrondissement	Huyện.
Arrondissement [à Paris]	Khu.
Arrondissement maritime	Hải-quân khu-vực.
Assemblée Constituante	Hội Lập-hiến.
Assemblée générale	Phiên tổng-hội.
Assesseurs	Bồi-tọa.
Assignation ou ajournement	Trát gọi.
Assistance judiciaire	Tư-pháp cứu-trợ (tòa cử thày kiện
	hay trạng-sư giúp không và miễn
Attentat à la pudeur	Cưỡng-dâm. [cho tiền lệ-phí).]
Attributions administratives	Chức-vụ thuộc về hành-chính.
Attributions conciliatoires	Chức-vụ thuộc về hòa-giải; quyền
	hòa-giải.

Attributions contentieuses	Chức-vụ thuộc về tố-tụng; Quyền quyết-tụng.
Attributions grâcieuses	Chức-vụ thuộc về thẩm-giám ; quyền thẩm-giám.
Audience solennelle	Phiên đại-hội.
Auditeurs au Conseil d'État	Bàng-thính-viên ở Quốc-gia hội-nghị.
Auteur principal	Người thủ-phạm.
Avant faire droit (jugement)	Án vị-quyết.
Avenir	Giấy thỉnh-lai.
Avocat	Thày-kiện, hộ-biện-sư.
Avocat général	Tổng-hộ-biện.
Avocats libres	Thày-kiện ngoại-tịch.
Avoué	Luật-sư, trạng-sư.
Avertissement	Giấy cáo.
Ballotage	Vị-định-tuyển.
Bannissement	Hình phóng-trục.
Banque	Ngân-hàng, nhà « băng ».
Barreau	Hộ-biện-tịch.
Bâtonnier	Hộ-biện tịch-trưởng.
Beaux-Arts (sous-secrétaire d'Etat aux)	Quốc-vụ thứ-trưởng lĩnh Mĩ-thuật bộ.
Billet d'avertissement	Phiếu thông-tri.
Budget	Sổ dự-toán.
Budget communal	Sổ dự-toán hàng chợ.
Bulletin des lois	Luật-vựng.
Bureau électoral	Tòa chủ-sự việc đầu-phiếu.
Bureau d'assistance	Tòa cứu-trợ.
Bureaux de bienfaisance	Sở thiện, sở cứu-tế.
Bureau de cenciliation	Phòng hòa-giải.
Bureau de consultations	Phòng tư-vấn.
Bureau de jugement	Phòng xử-án.
Bureau de vote	Phòng (sở) đầu-phiếu.
Bureau définitif	Tòa trị-sự chính-thức.
Caisse de secours et de retraite	Kho cứu-cấp và kho hưu-dưỡng.
Casier judiciaire	Phạm-nhân danh-bạ (hay là sổ phạm-nhân).
Caution	Ký-quĩ (tiền).
centimes additionnels	Số bách-phân phụ-thâu.
Centralisation	Trung-ương tập-quyền.
Cens	Hộ-tịch.
Censure	Khiển-trách.
Chambre civile	Ban dân-sự.
Chambres consultatives d'agriculture	Hội Nông-nghiệp tư-vấn.
Chambres consultatives des arts et manufactures	Hội Bách-công tư-vấn.
Chambre criminelle	Ban hình-sự.
Chambre de commerce	Thương-nghiệp hội-nghị.
Chambre [de tribunal]	Ban [tòa án].

Chambre des appels correctionnels	Ban phúc-thẩm các án trừng-trị.
Chambre des Députés	Hạ Nghị-viện.
Chambre des mises en accusation	Ban tố-cáo các trọng-tội để đệ lên tòa Đại-hình.
Chambre des requêtes	Ban chấp đơn.
Change	Hối-đoái.
Chemins vicinaux	Thôn-xã đạo-lộ.
Chèque	Giấy «sách»
Circonstances aggravantes	Gia-trọng tình-trạng.
Circonstances atténuantes	Khinh-giảm tình-trạng.
Circulaires	Tờ chu-tri.
Citation	Giấy đòi.
Citation directe	Trực-cáo (giấy).
Citoyen français	Người thuộc dân-tịch nước Pháp, người dân Pháp.
Clerc	Phụ-biện[của thày-kiện].
Coauteur	Người Đồng-phạm.
Code municipal	Thị-tỉnh pháp-điển (luật hàng chợ).
Commis-greffier	Tham-biện lục-sự.
Comité secret	Bí-mật ủy-hội.
Commissaire de police	Quan cảnh-sát.
Commissaires du gouvernement	Ủy-viên của chánh-phủ.
Commissaires-priseurs	Viên coi việc bán đấu-giá.
Commission des pétitions	Hội-đồng chấp-đơn ở Nghị-viện.
Commission d'initiative parlementaire	Hội-đồng đề-xướng cả nghị-viện.
Commission municipale scolaire	Thị-tỉnh học-vụ ủy-viên hội.
Commission des intérêts communaux et départementaux	Hội-đồng coi việc hàng chợ hàng quận ở Nghị-viện.
Commission du budget	Hội-đồng xét sổ dự-toán.
Commission des congés	Hội-đồng xét giấy xin nghỉ.
Commission départementale	Quận-hạt ủy-hội.
Commissions	Ủy-viên hội.
Commissions administratives	Hành-chính ủy-hội.
Commissions d'enquête	Thẩm-tra ủy-hội.
Commissions interparlementaires	Lưỡng-viện ủy-viên hội.
Commune	Xã hay là « chợ » ; thị-tỉnh
Comparution	Xuất-tịch.
Complice par instructions	Tùng-phạm vì bày mưu,
Complice par recel	Tùng-phạm vì chứa-chấp.
Complicité	Tùng-phạm.
Compromis	Tờ giao kèo trọng-tài (nghĩa là hai bên định nhờ một người giữa phân-xử)
Comptabilité communale	Kế-toán của các chợ.
Comptabilité publique	Kế-toán công.
Comptables-matières	Viên coi các kho vật-liệu của Nhà-nước.
Condamné par défaut	Bị án khuyết-tịch.

Conférences intercommunales	Thị-tế hiệp-nghị-hội.
Congrès ou Assemblée nationale	Quốc-hội.
Conseil académique	Học-khu hội-nghị.
Conseil administratif du Ministère de la Justice	Hội-đồng quản-trị bộ Hình.
Conseil cantonal	Tổng-hạt hội-nghị.
Conseil d'arrondissement	Huyện-hạt hội-nghị.
Conseil de cabinet	Nội-các hội-nghị.
Conseil de contentieux des colonies	Thuộc-địa tố-tụng hội-nghị.
Conseil de famille	Gia-tộc hội-nghị.
Conseil de guerre	Quân-phạm hội-nghị.
Conseil de justice (tribunal maritime)	Thẩm-phán hội-nghị (về hải-quân).
Conseil de l'instruction primaire	Tiểu-học hội-nghị.
Conseil de l'instruction publique	Học-chính hội-nghị.
Conseil de l'odre des avocats	Hội-nghị của thày kiện.
Conseil de préfecture	Quận-sảnh hội-nghị.
Conseil de prud'hommes	Công-sự thẩm-phán-hội.
Conseil de revision	Kiểm-sát hội-nghị.
Conseil des Ministres	Chánh-phủ Hội-nghị.
Conseil d'État	Tham-chính-viện, Quốc-gia hội-nghị.
Conseil d'État délibérant au contentieux	Tham-chính-viện nghị về tố-tụng.
Conseil fédéral	Liên-bang hội-nghị.
Conseil général	Quận-hạt hội-nghị.
Conseil municipal	Hội-nghị hàng chợ (hay là thị-tỉnh hội-nghị).
Conseil supérieur de la magistrature	Tư-pháp cao-đẳng-hội-nghị.
Conseil supérieur de l'Instruction publique	Học-vụ cao-đẳng hội-nghị.
Conseillers à la Cour d'appel	Quan Thẩm-phán ở tòa Phúc-thẩm.
Conseillers en service ordinaire [au Conseil d'Etat]	Thường-chực tham-chính-viên.
Conseillers référendaires de la Cour des comptes	Ủy-viên viện Tài-chính.
Consignation d'amende	Ký-quĩ tiền phạt.
Constat	Chứng-nhận.
Constituer avocat	Mượn thày kiện.
Constitution	Hiến-pháp.
Contraventions	Vi-cảnh (việc, tội).
Contributions indirectes	Thuế gián-tiếp.
Contumace (jugement par)	Án khuyết-tịch.
Convocation	Chiêu-tập.
Corps consultatif	Hội tư-vấn.
Conclusions	Kết-luận.
Cour d'appel	Viện Thẩm-án, tòa Phúc-thẩm.
Cour de Cassation	Thượng-thẩm-viện.
Cour des Comptes	Tài-chính-viện.
Cours d'assises	Tòa án Đại-hình.

Courtiers d'assurances maritimes	Lái chuyên việc hằng-hải-bảo-hiểm.
Courtiers interprètes	Lái chuyên việc mậu-dịch với ngoại-quốc.
Crime ou délit de droit commun	Tội thường-phạm.
Crimes	Trọng-tội.
Demande reconventionnelle	Đơn phản-tố.
Décentralisation	Địa-phương tự-trị.
Déchéance	Tội mất công-quyền.
Décisions disciplinaires	Lời nghị về quan-kỷ.
Déclaration des droits de l'homme	Nhân-quyền Tuyên-ngôn.
Déclinatoire (acte) d'incompetence	Đơn chống không đủ tư-cách.
Décrets	Sắc-lệnh.
Décrets généraux ou réglementaires	Phổ-thông sắc-lệnh, qui-tắc sắc-lệnh.
Décrets gouvernementaux	Thống-trị sắc-lệnh.
Décrets-lois	Sắc-luật.
Décrets portant réglement d'administration publique	Hành-chánh sắc-lệnh.
Décrets rendus dans la forme des règlements d'administration publique	Sắc-lệnh ban theo lối hành-chánh qui-tắc.
Décrets rendus en Conseil d'État	Sắc-lệnh ban theo ý-kiến của Tham-chính-viện.
Décrets spéciaux ou individuels	Đặc-biệt sắc-lệnh, cá-nhân sắc-lệnh.
Défaut-congé	Hưu-khuyết.
Défaut faute de comparaitre	Khuyết-tịch vì không ra mặt.
Défaut faute de conclure	Khuyết-tịch vì không kết-luận.
Défaut faute de profit-joint	Khuyết-tịch vì không đủ người.
Défendeur	Bên bị.
Dégradation civique	Hình tước công-quyền.
Délits	Khinh-tội.
Département	Quận.
Dépenses facultatives	Các khoản chi-tiêu tùy-ý.
Dépenses obligatoires	Các khoản chi-tiêu cưỡng-bách.
Déportation	Hình phát-lưu.
Détention	Hình cấm-cố.
Détention préventive	Giam-cứu.
Divorce	Li-hôn.
Domicile élu	Nơi trụ-cư đã ước.
Dons et legs	Của cống-tặng, của di-truyền.
Doyen d'âge	Nghị-viên có tuổi hơn cả.
Droit de grâce	Quyền ân-sá.
Droite (la)	Hữu-đảng hay là đảng bảo-thủ.
Droits d'enregistrement	Phí trước-bạ.
Effraction	Cường-đạo hay là tội đập giương phá tủ.
Elections au conseil d'arrondissement	Tuyển-cử nghị-viên hàng huyện.
Elections au conseil général	Tuyển-cử nghị-viên hàng quận.
Elections législatives	Tuyển-cử nghị-viên Hạ-nghị-viện.
Elections municipales	Tuyển-cử nghị-viên hàng chợ.
Elément intentionnel	Phần dụng ý.

Élever le conflit	Khởi-tranh.
Enregistrement	Trước-bạ.
Enregistrement (administration de l')	Sở văn-tự.
Enregistrement en débet	Trước-bạ chịu.
Emettre des vœux	Thỉnh-cầu.
Empereur	Hoàng-đế.
Emprunts départementaux	Công-trái hàng quận.
Enoncé de principes	Tuyên-ngôn.
Esclavage	Mãi-nô (tục).
Esprit des lois (livre)	Vạn-pháp tinh-lý (sách).
Etablissements publics	Các công-sở.
Etat à forme simple	Quốc.gia có hình-thể giản-đơn.
Etat français	Quốc-gia Pháp.
Etat-major	Tham-mưu-bộ.
Evoquer (une affaire)	Hoán-khởi (một việc tố-tụng).
Exclusion	Bãi-trừ.
Exécutoire par provision	Thi-hành tạm trước.
Exécution provisoire	Thi-hành tạm.
Expertise	Giám-định.
Exposé des motifs	Thuyết-lý.
Faillite	Việc phá-sản.
Faux en écriture authentique	Mạo giấy chứng-thư.
Faux en écriture de commerce	Mạo sổ-sách buôn-bán.
Feuille d'audience	Giấy phiên (phiên tòa).
Fédération	Liên-bang.
Finances	Tài-chính.
Flagrant délit	Phạm tội đương-trường.
Forme fédérale	Thể liên-bang.
Former opposition	Làm đơn phản-đối.
Garde champêtre	Linh tuần.
Garde forestier	Linh kiểm-lâm.
Gendarmerie (officier de)	Quan hiến-binh.
Gendarmeries	Trại hiến-binh.
Gauche	Tả-đảng, đảng cấp-tiến.
Gouvernement de la défense nationale	Quốc-phòng-Chánh-phủ
Gouvernement provisoire	Lâm-thời Chánh-phủ.
Gouverneur et sous-gouverneur de la Banque de France	Giám-đốc và Phó-giám-đốc nhà Đại-Pháp Ngân-hàng.
Greffier	Lục-sự.
Greffier en Chef	Chánh lục-sự.
Guerre (Ministère de la)	Lục-quân (Bộ).
Haute cour de Justice	Thượng-phán-viện.
Haute trahison	Phản-quốc (tội).
Hospices	Nhà dưỡng-anh dưỡng-lão.
Huis-clos	Phiên tòa kín.
Huissier	Mõ tòa. (Tiếng « mõ tòa » này là tiếng thông-dụng ở tòa-án Hà-nội).

Inamovibilité	Chức bất-địch, chức miễn-bãi (nghĩa là quan trên không thể tùy-ý cách hay là đình chức được).
Incident de procédure	Việc xảy ra trong thủ-tục.
Incompatibilité	Bất-đắc kiêm-lĩnh,
Incompétence	Vô-năng-lực.
Indigent	Người nghèo-cùng.
Inéligibilité	Bất-đắc tuyển-cử.
Infamante (peine)	Nhục-hình.
Infirmité permanente	Đái-tật chung-thân.
Infirmité temporaire	Đái-tật tạm-thời.
Information	Thẩm-tra.
Inscription de faux	Việc giấy giả.
Instruction	Dự-thẩm.
Instruction par écrit	Dự-thẩm bằng giấy.
Insuffisance de ressources	Không đủ tư-lực.
Interpeller	Chất-vấn.
Interrogatoire de forme	Chiếu-lệ tra-hỏi.
Intention	Dụng-ý.
Intérieur (ministère de l')	Nội-vụ-bộ.
Jour franc	Ngày tròn.
Journal officiel	Công-báo, quan-báo.
Judiciaire	Thuộc về tư-pháp.
Juge-commissaire	Quan án sung đặc-phái.
Juge complémentaire	Quan bổ-thẩm.
Juges consulaires	Thương-mại thẩm-phán-quan.
Juge d'instruction	Quan dự-thẩm.
Juge titulaire	Quan chánh-thẩm.
Jugement	Án, vựng-án.
Jugement contradictoire	Án đối-tịch.
Jugement de défaut-congé	Án hưu-khuyết.
Jugement définitif ou à fond	Án quyết-nghị.
Jugement interlocutoire	Án trung-gian.
Jugement par défaut	Án khuyết-tịch.
Jugement préparatoire	Án dự-bị.
Jugement provisoire	Án tạm-thời.
Juré	Bồi-thẩm.
Juridiction administrative	Hành-chính tài-phán.
Juridition civile	Dân-sự tài-phán.
Juridiction commerciale	Thương-sự tài-phán.
Juridiction de la chambre du conseil	Thủ-tục hội-nghị.
Juridiction des prud'hommes	Công-sự tài-phán.
Juridiction militaire	Quân-nhân tài-phán.
Juridiction pénale	Hình-sự tài-phán.
Juridiction supérieure	Cao-đẳng tài-phán.
Jury	Bộ bồi-thẩm.
Jury (chef du)	Bồi-thẩm bộ-trưởng.

Justice	Hình-vụ.
Justices de paix	Tòa-án trị-an.
Lettre recommandée	Thơ có ký-nhận.
Lettre recommandée avec avis de réception	Thơ ký-nhận có giấy báo-nhận.
Licencié en droit	Luật-khoa cử-nhân.
Loi	Luật.
Lois constitutionnelles	Luật hiến-pháp.
Lois de finances	Luật tài chính.
Lois des comptes	Luật kết-toán.
Magistrat	Quan tòa.
Maire	Thị-trưởng.
Mairie	Thị-sảnh.
Mairie centrale	Trung-ương thị-sảnh.
Maîtres des requêtes	Quan chấp-đơn (ủy-viên của Tham-chính-viện).
Majorité absolue	Tuyệt-đích đa-số hay là hoàn-toàn đa-số.
Majorité relative	Đối-đích đa-số (ai nhiều vé hơn là được).
Mandat de dépôt	Giấy tống-giam.
Mandataire	Người có ủy-quyền.
Marine	Hải-quân.
Matière disciplinaire	Việc phạm quan-kỷ.
Matière mixte	Về việc tạp.
Matière personnelle	Về người.
Matière personnelle mobilière	Việc động-sản thuộc về người.
Matière réelle	Về tài-sản.
Message	Hịch, tờ hịch.
Meurtre	Tội giết người
Médecins experts	Thày thuốc giám-định.
Mémoire justificatif	Giấy thuyết-minh.
Mineur	Người vị thành-niên.
Ministère public	Chưởng-lý (quan).
Ministres	Quốc-vụ tổng-trưởng.
Ministres plénipotentiaires	Công-sứ.
Mis en minorité (cabinet)	Bị thiểu số (tòa nội-các).
Mise en délibéré	Lưu để bàn-nghị.
Mise en délibéré sur rapport	Lưu để bàn-nghị theo lời báo-cáo.
Mort	Tử-hình.
Nation	Dân-tộc.
Négociation des traités	Thương-thuyết các điều-ước.
Notaires	Thày công-văn.
Officier d'administration de la justice militaire	Quân-quan về ban quân-pháp-hành-chính.
Officier de l'état civil	Viên coi sổ sinh-tử giá-thú.

Officiers de police judiciaire	Tư-pháp cảnh-sát (quan).
Officiers ministériels	Công-lại.
Opposition	Kháng-nghị; phản-đối.
Ordre du jour pur et simple	Khả-quyết.
Ordres et contributions	Việc phân các tiền nợ cho trái-chủ.
Ordonnance de la cour d'appel	Thẩm-lệnh của tòa phúc-thẩm.
Ordonnance de non lieu	Thủ-tiêu thẩm-trạng.
Ordonnance de référé	Lệnh cấp-thẩm.
Ordonnance de « soit communiqué »	Lệnh « chuẩn thông-đạt »
Ordonnance du juge d'instruction	Tờ thẩm-trạng của quan dự-thẩm.
Ordonnancer	Chuẩn-chi.
Ordonnances sur requêtes	Chiếu đơn quyết-nghị.
Ordonnateurs	Quan chuẩn-chi.
Pacte	Hợp-ước.
Parquet	Chưởng-lý-cục.
Partie civile	Bên tư-tố.
Partis monarchistes	Đảng quân-chủ.
Peines correctionnelles	Hình trừng-trị.
Peines de simple police	Tội vi-cảnh.
Permis de citer	Giấy cho phép cáo đòi.
Personnalité civile	Pháp-nhân tư-cách.
Personne responsable	Người có hoàn-toàn trách-nhiệm.
Périmé	Tiêu-diệt thời-hiệu.
Pleine juridiction	Tòa án có toàn-quyền thẩm-phán.
Police judiciaire	Tư-pháp-cảnh-sát.
Police municipale et rurale	Cảnh-sát trong hàng chợ và ngoài
Partie publique	Bên công-tố. [đồng-điền.
Poser des questions	Phát-vấn.
Postes et Télegraphes	Bưu-điện-cục.
Pourvoi dans l'interêt de la loi (former)	Thưởng-cáo vì pháp-luật.
Pourvoi en cassation	Thượng-cáo lên Thượng-thẩm.
Pouvoir	Uy-quyền.
Pouvoir de contrôle	Quyền kiểm-điểm.
Pouvoir de juridiction	Quyền xét-xử.
Pouvoir exécutif	Quyền hành-pháp.
Pouvoir judiciaire	Quyền tư-pháp.
Pouvoir législatif	Quyền-lập-pháp.
Pouvoirs publics	Quan-quyền.
Premier président	Chánh viện-trưởng.
Presse (liberté de la)	Quyền ngôn-luận tự-do.
Presse (loi sur la)	Luật về tân-văn báo-chỉ.
Préfets	Quan chủ-quận, quận-trưởng.
Préfets maritimes	Hải-khu quận-trưởng.
Préfet de police	Chánh tòa Cảnh-sát (ở Paris).
Préliminaire de conciliation	Dự-án hòa-giải.
Présidents de chambre	Ban-trưởng.
Président de cour	Viện-trưởng.

Président de la République	Quan Giám-quốc.
Président de section	Ti-trưởng.
Prévôt	Hành-quân phán-quan.
Prévôté (juridiction simple des troupes en marche)	Hành-quân-thường-phán (tòa).
Prince Président (gouvernement du)	Chánh - phủ của Vương - tước kiêm Giám-quốc.
Prise à partie	Cáo-tố thẩm-quan.
Prise en considération	Chuẩn-phê.
Procédure	Thủ-tục.
Procédure ordinaire	Thủ-tục việc thường.
Procédure par écrit	Thủ-tục bằng giấy.
Procédure sommaire	Thủ-tục việc giản.
Procureur général	Quan tổng chưởng-lý.
Projets de loi	Dự-án luật.
Promulgation	Tuyên-bố.
Proposition de loi	Dự-cảo luật.
Propriété (droit de)	Sở-hữu (quyền)
Publication	Công-bố. — Xuất-bản.
Publication de mariage	Giấy báo cưới.
Publications délictueuses	Sách-vở có xúc-phạm.
Questeurs	Chức quản-lý (ở Thượng-Hạ Nghị-viện.)
Rappel à l'ordre	Cảnh-cáo.
Rapporteur général	Tổng ủy-viên.
Rapporteur	Ủy-viên phải làm tờ báo-cáo.
Receveur municipal	Viên coi kho bạc hàng chợ.
Récidive	Tái-phạm.
Réclusion	Hình đồ-dịch.
Recours devant le chef de l'État	Kháng-cáo lên quan Quốc-trưởng.
Recours en interprétation	Kháng-cáo để giải-thích cho rõ nghĩa.
Recours ou pourvoi en Cassation	Thượng-cáo lên Thượng-thẩm.
Référés	Lâm-thời quyết-nghị.
Référés sur placet	Chiếu cáo-trạng cấp-thẩm.
Référés sur procès-verbal	Chiếu biên-bản cấp-thẩm.
Régime forestier	Kiểm-lâm chế-độ.
Régime parlementaire	Đại-biểu chế-độ.
Règlements d'administration publique	Hành-chính qui-tắc.
Registre des délibérations	Nghị-sách.
Relégation	Giam-trí.
Rendre des décrets	Hạ sắc-lệnh.
Répartiteurs	Viên coi việc san-bổ.
Requête civile	Đầu đơn xin cải.
Requête grossoyée	Giấy đại-tự.
Requête ou mémoire en défense	Tờ biện-thuyết.
Réquisitoire	Giấy cáo-tội.
Ressort	Quản-hạt.
Réunion non publique	Phiên họp không công-đồng.

Revision	Duyệt lại ; tái-thẩm.
Rôle des contributions	Sổ thuế.
Saisie-arrêt	Trừ nợ.
Saisie conservatoire	Lưu-tồn tịch-ký.
Sans condition de cens	Không có phân-biệt gì về hộ-tịch.
Scrutateurs	Viên coi kiểm-tra (về đầu-phiếu.)
Scrutin	Đầu-phiếu, tuyển-cử.
Scrutin de liste	Hợp-sách tuyển-cử.
Scrutin de liste par département	Tuyển-cử mỗi quận một sổ.
Scrutin individuel	Nhất-danh tuyển-cử.
Scrutin secret	Mật-phiếu.
Scrutin uninominal	Nhất-danh tuyển-cử.
Scrutin uninominal par arrondissement	Tuyển-cử mỗi huyện một người.
Secrétaire d'état (ministre)	Quốc-vụ tổng-trưởng.
Secrétaire général	Tổng thư-ký.
Sectionnement électoral	Phân khu bầu-cử.
Sections électorales	Khu bầu-cử.
Sénat	Thượng Nghị-viện, Nguyên-lão-viện.
Sénatus-consulte	Luật của Thượng-nghị-viện.
Sentences des arbitres	Lời phán của trọng-tài.
Sénateurs inamovibles	Vĩnh-viễn nguyên-lão.
Séparation des pouvoirs	Phân-quyền.
Serment	Lời tuyên-thệ.
Serment professionel	Tuyên-thệ trước khi nhập-nghiệp.
Sections extraordinaires	Đặc-khóa.
Sections ordinaires	Thường-khóa.
Signification	Thông-đạt.
Solidaire (responsabilité)	Liên-đái trách-nhiệm.
Sous-préfets	Quan chủ huyện, huyện-trưởng.
Sous-secrétaires d'État	Quốc-vụ thứ-trưởng.
Sténographie	Phép tốc-ký.
Substituts au Procureur	Phó chưởng-lý.
Succession	Kế-thừa di-sản.
Suffrage au second degré	Đệ-nhị-cấp đầu-phiếu.
Suffrage restreint	Hữu-hạn đầu-phiếu.
Suffrage universel	Phổ-thông đầu-phiếu.
Suppléants (juges)	Trợ-thẩm.
Sursis.	Án cheo.
Syndicats de communes	Thị-tỉnhi liên-hợp-hội.
Tapage nocturne	Đêm tối làm ồn-ào.
Tentative	Việc chưa toại-phạm.
Tierce opposition	Người thứ ba kháng-án ; ngoại-nhân phản-đối.
Timbre	« Tem », con niêm.
Tour de scrutin	Lần đầu-phiếu.
Transports	Vận-tống.
Travail et Prévoyance sociale	Lao-động và cứu-tế.
Tribunal des Conflits	Quyết-tranh-viện.
Travaux forcés à perpéturité ou à temps	Hình khổ-sai chung-thân hay là có kỳ-hạn
Travaux publics	Công-chính.

Tribunaux administratifs	Tòa-án cai-trị.
Tribunaux civils de 1re instance	Tòa-án đệ-nhất-thẩm về dân-sự.
Tribunaux correctionnels	Tòa-án trừng-trị.
Tribunaux de commerce	Tòa-án thương-mại.
Tribunaux de droit commun	Tòa-án phổ-thông.
Tribunaux de simple police	Tòa-án vi-cảnh.
Tribunaux d'exception	Tòa-án đặc-biệt.
Tribunaux judiciaires	Tòa-án tư-pháp.
Tribunaux maritimes	Hải-quân tài-phán viện.
Validation	Duyệt-nhận có đủ tư-cách làm nghị-
Vérification des pouvoirs	Kiểm-sát chức-quyền. [viên, v. v.).
Vice-président	Phó viện-trưởng.
Visite des lieux	Xét-nghiệm trường-sở.
Voie de recours contre les actes admi-	Kháng-cáo những việc hành-chính.
Voirie [nistratifs	Việc lục-lộ.
Voter un ordre du jour	Bỏ vé quyết-nghị.

TÌNH BÈ-BẠN

Dịch bài « Luận về tình bè-bạn » (*Traité de l'amitié*) của Bà Hầu-tước Lăng ba (MARQUISE DE LAMBERT), nữ-sĩ nước Pháp về thế-kỷ thứ 18.

Người ta càng thêm tuổi, càng thấy cần có bạn. Lẽ phải ngày một hiểu, trí khôn ngày một tinh, bụng dạ ngày một rộng, thời lại càng thấy tình bè-bạn là cần. Tôi nhân lúc nhàn-cư, có tư-tưởng về sự đó, xin bày-tỏ ý-kiến như sau này.

Đời nào cũng lấy tình bè-bạn làm của báu đệ-nhất ở đời. Đó là một cái cảm-tình cùng sinh với người ta : lòng người mới động đã là muốn hòa-hợp với người khác rồi. Song, chỉ nghe thấy mọi người đều phàn-nàn ; ai cũng nói rằng không có bạn. Trải đời ấy sang đời khác, chẳng qua được vài ba cái gương bạn tốt thật hoàn-toàn. Người ta ai cũng biết công-nhận cái thú của tình bè-bạn, mà làm sao lại không biết đồng-tâm hòa-hợp để cùng nhau hưởng cái thú ấy? Đó cũng là bởi lòng người mờ-tối, lắm khi không biết sự lợi của mình. Đến lúc đã khôn-ngoan sáng-suốt, thời dẫu lòng vị-kỷ cũng khôn-khéo ra, biết rằng muốn ích-lợi cho mình, phải mến sự đạo-đức, hễ mến sự đạo-đức, tất được thú bạn-bè. Vậy ta thử xét xem cái phong-thú, sự lợi-ích của tình bạn-bè thế nào, để tìm cho được ; cái chân-tính của tình bạn-bè thế nào để nhận cho biết ; những nghĩa-vụ của tình bạn-bè thế nào để làm cho trọn.

Sự lợi-ích của tình bạn-bè thời chẳng phải xét kỹ cũng biết ngay ; cả thế-gian hình như đồng-thanh tuyên-bố rằng trong các của báu ở đời, tình bè-bạn là của báu hơn hết cả ; ở đời không có bè-bạn thời đời người không còn thú nữa. Người ta nhất-thiết là sự cần-dùng cả : nếu để cho một mình thời vắng-vẻ lạnh-lẽo, phải có bè-bạn mới vui ; lo-lắng sợ-hãi, phải có bè-bạn mới yên. Cổ-nhân nói rằng ái-tình là con của sự nghèo, lại là con

của thần tài : con của sự nghèo vì cứ yêu-cầu người ta luôn, con của thần tài vì cũng có của cho người nữa. Tình bè-bạn há lại không giống với ái-tình ư ? Tình bè-bạn khi nào đằm-thắm thời muốn yêu-cầu hết lòng người ; vì xưa nay những người đa-tình đa-cảm đối với sự lòng lại khẩn hơn là đối với các sự cần-dùng khác ở đời. Nhưng tình bè-bạn có tính yêu-cầu mà cũng có lòng quảng-đại nữa, cho nên cũng đáng nhận là con của thần tài, vì đã là bè-bạn với nhau mà khi cần đến không giúp nhau thì không đáng tên là bè-bạn vậy. Vả lại những người đa-tình thời thân nhau bằng cảm-tình ; trời sinh ra lòng người để mà yêu - mến nhau, nếu không được yêu - mến người, không được người yêu mến, thời lòng người còn có gì là khoái-lạc nữa. Người ta cho dẫu được hết cả mọi sự phong-lưu phú-quí ở đời mà không được cái tình yêu-mến của bè-bạn, thời đời người cũng không còn thú gì nữa. Người khôn-ngoan thường không muốn mắc vào ái-tình, đàn bà thời vì việc bổn-phận buộc, đàn ông thời vì sợ kén-chọn lắm. Tình bè-bạn làm cho người ta vui - thú, mà tình nam - nữ thời làm cho người ta say - mê. Tình nam-nữ sút đi bao nhiêu thời tình bạn-bè thêm lên bấy nhiêu ; tình bạn-bè nhân đó được êm-ái thêm, sắc-xảo thêm, mặn-mà thêm. Bao nhiêu những vẻ phong-thú của ái-tình, trong bạn-bè đều gồm được cả. Tình bạn-bè lúc mới đầu hay sinh lòng tưởng-vọng : lệ thường cái gì mới hay dễ ưa, và dễ khiến cho người ta mơ-màng hi-vọng, mà cái gì khiến được người ta hi-vọng là cái ấy có giá-trị cả. Lòng tưởng-vọng là cái cảm-tình nó mang ta ra ngoài sự thực, nó làm mờ-ám cái tri-tuệ tự-nhiên của ta. Người nào mình đã đem lòng yêu thời mắt nhìn ra tốt hết cả ; tri tưởng-tượng thường theo lòng sở-muốn mà thêu-dệt cho người ấy những tài-đức tự người ta không có. Thành ra ta yêu bạn không những là yêu cái nết tự-nhiên của bạn, phần nhiều là yêu những tính-nết ta tưởng-tượng cho bạn vậy. Cũng có khi tình bè-bạn là bởi thanh-khí lẽ hằng, như có cái giây vô-hình nó ràng-buộc hai người với nhau, không cần phải nói-năng, không cần phải thề - nguyện mà đã sẵn lòng tin-yêu nhau rồi. Mộng-tiên tiên-sinh (Montaigne) tả cái cảm-tình với bạn có nói rằng : « Chúng tôi chưa biết nhau, mà hình như vẫn tìm nhau, chưa gặp mặt nhau mà tên hai người đã có cảm-tình với nhau rồi. Lần thứ nhất tôi gặp anh ta là giữa ngày hội. Hai người mới biết nhau tức - thì đã thân-thiết nhau như đôi bạn cố-tri, coi nhau không còn gì quí hơn nữa. Sau tôi tự hỏi vì cớ gì mà hễ tôi gặp anh ta thấy trong lòng vui-vẻ, khoan-khoái, êm-đềm thay, thời tôi cũng không thể biết vì cớ gì, chỉ biết anh ấy là anh ấy mà tôi là tôi mà thôi ».

Trong tình bè-bạn kiêm cả cái thú rất êm-ái của ái-tình : thú tin nhau, thú rãi-tỏ lòng mình cho bạn biết, soi thấu lòng bạn như lòng mình, bạn có gì hay mình cũng biết, mình có gì dở bạn cũng hay : vì đối với người bạn trong bụng nghĩ sao phải nói vậy, không nên ẩn-dấu điều gì. Người nào đã được hưởng cái thú êm-đềm của tình bè-bạn mới biết cái khoái-lạc vô-ngần của hai người bạn cùng nhau ngồi nói truyện suốt ngày. Ngồi với người yêu, thời - giờ mau biết bao nhiêu, khoảnh-khắc chóng là dường nào !

Không nơi ẩn-độn nào êm-đềm bằng tình bè-bạn. Nhờ có tình bè-bạn mà ta tránh khỏi được sự giao-tiếp với người đời, phần nhiều là người điên - đảo, giả-dối, bất - thường cả. Nhưng sự lợi-ích to nhất của tình bè-bạn, là nhờ giúp-đỡ lẫn nhau bằng

những lời khuyên hay bảo tốt. Người ta dầu khôn ngoan thế nào cũng có lúc cần phải có người khuyên-bảo ; không nên cậy ở trí khôn của mình, vì trí khôn thường bị dục-tình cám-dỗ. Như vậy mà được một người thành-tâm chỉ-bảo cho, thời lợi-ích biết dường nào !

Cổ-nhân vẫn đã biết những sự ích-lợi của tình bè-bạn ; nhưng cổ-nhân mô-tả ra khéo quá, khiến người đời coi như những tư-tưởng đẹp, trong thế-gian không có thực. Phàm những kiểu to mẫu đẹp, người đời thường muốn lánh xa, vì biết theo cho được, phải phí nhiều công-phu, nên cùng nhau cho là những sự huyền - không kết-tưởng cả : như vậy thật là không biết sự lợi-ích của mình. Người ta đã muốn lánh phần trách-nhiệm trong tình bè-bạn thời tiện-thị là mất sự lợi-ích của tình bè-bạn. Vì bè-bạn tức là một cuộc giao-tế, hai bên như có giao-ước với nhau, tuy không ai kể, không ai đòi, mà người chính-trực lại muốn bỏ phần vào nhiều, lấy thế làm vui làm sướng. Người ta đối với bạn không gì là không chia, của mình tức là của bạn, chỉ trừ danh-dự là không thể hoại đi để giúp bạn được mà thôi. Tôi xét ra đời này, bạn bè chơi với nhau, giúp nhau được món tiền, đã cho là hết nghĩa ; đó là một cái gương thế-đạo suy-đồi vậy, không biết rằng bạn-bè còn có cách giúp nhau cao-thượng hơn là giúp tiền giúp bạc nhiều ; vì sự lợi-ích to nhất của tình bè-bạn là có thể lấy người bạn mình làm một cái mẫu để theo : người ta vẫn muốn được người tri-kỷ yêu-chuộng, muốn người yêu-chuộng thời phải tập những đức-hạnh đủ khiến cho người yêu-chuộng, tức là sửa cho mình hay hơn lên.

Ông Ti-nặc (SÉNÈQUE) là nhà triết-học nước La-mã trong lời khuyên bạn nói rằng : nên chọn lấy người nào là người đáng tôn-trọng hơn nhất, rồi tự mình ăn-ở lúc nào cũng hình như có người ấy ở trước mặt, như nhất - cử nhất-động của mình phải trình - bầy cho người ấy biết; người nào đáng cho mình tôn-trọng, mình cảm-phục như vậy, thì người ấy tức là bạn mình. Mà thật, một người bạn đáng quí đáng chuộng có khác gì một ông thầy giám-đốc cho mình trong khi mình cư-xử riêng, bảo-lĩnh cho mình trong khi mình giao-tiếp với người ngoài. Đối với người bạn ấy thì mình không thể hư, không thể xấu được, vì người đức-hạnh, kẻ nết xấu, bao giờ có thân với nhau được. Người hay xét-nét mình, thấy mình ăn-ở xằng thời trách mắng luôn, chắc mình không ưa đến gần. Phải tự mình cũng có đức-hạnh mới dám gần những bạn có đức-hạnh. Trong truyện Hi-lạp, vua Tỉ-lỗ (PYRRHUS) phạm điều bất-chính, không sợ ai bằng sợ bạn, nói rằng: « Xin đừng cho tôi gặp các bạn tôi, tôi không dám nhìn mặt các ông ấy nữa. » Lại ông Bối-làm (PLINE) là nhà văn-sĩ nước La-mã, sau khi mất người bạn thân, nói rằng : « Tôi sợ từ nay không thể giốc lòng theo đạo-đức, vì tôi đã mất người đưa đường, kẻ khuyên bảo tôi ở đời. » Nói tóm lại thời phàm tình bè-bạn hoàn-toàn đều bắt-buộc ta phải có đức-hạnh. Vì chỉ có người hay thời mới bè-bạn được với nhau, dẫu mình chưa được hay bằng người, nhưng đã muốn làm bạn với người thời cũng phải cố cho được như người, không thời mất bạn. Vậy thời có người bạn hay, là được kẻ khuyên-bảo chắc-chắn, được cái gương tốt đáng theo, lúc buồn có người chia buồn, lúc cần được người giúp việc, không cần phải hỏi - han, không cần phải chờ đợi, không cần phải mua-chuộc mới được.

Nay ta xét cái chân-tính của tình bè-bạn, cho biết thế nào là bạn thực bạn hư.

Sự yêu-cầu thứ nhất trong tình bè-bạn là sự đức-hạnh, vì người nào có đức-hạnh thời người ấy mới có tình bè-bạn được. Sự giao-du mà không có đức-hạnh làm gốc, thời chẳng có ích-lợi gì. Người đời nay không phải là ưa nhau mà chơi với nhau, chỉ vị cần nhau mới đi lại với nhau mà thôi; trong sự giao-du không cần phải đồng-tâm đồng-ý gì; cho nên thường trông thấy người ta chơi với nhau rồi lại dời nhau ngay. Mà phàm giao-du đã đến quyết-liệt thời không bao giờ người ta không trách mình; bao giờ cũng là lỗi tại một người; dù thế nào cũng không khỏi thẹn rằng mình đã kén bạn lầm, hay là mình ở với bạn không trung. Thành r alúc chơi với nhau không xét, lúc quyết-liệt nhau không nghĩ, còn gì bỉ-tiện bằng. Cho nên kén bạn phải kén cho kỹ, nghìn người lấy lấy một người; sự kén-chọn ấy là quan-trọng lắm, vì hạnh-phúc ở đó mà ra. Không gì buồn bằng mắc phải người không ra gì, phải ra tay quyết-liệt mà mang tiếng bất-trung, hay-là phải chịu-đựng mà đi lại với những người không xứng. Vả ta phải biết rằng bạn ta làm biểu-hiệu cho ta; người ngoài muốn xét ta thường xét ở bạn ta; chơi với ai tức là phô-bầy cái hình-ảnh mình cho thiên-hạ biết. Nếu mỗi lúc xưng tên người bạn mà nghĩ đến sự quan-hệ cho danh-giá mình biết bao, thời tôi tưởng không ai là không rùng mình mà ghê-sợ. Ví muốn người ta yêu-chuộng thời chỉ nên giao-du với những người đáng quí-trọng. Vậy trước khi giao-du phải biết rõ phẩm người đã. Cái dấu-hiệu thứ nhất của người đáng giao-du là sự đức-hạnh; đã được người có đức-hạnh rồi, thời mới nên cầu lấy người nhàn-khoáng, nghĩa là trong người không có bụng thiên bụng dục gì. Người nào đã có lòng danh-lợi thời không hiểu được cái thú bạn-bè; người nào đã mắc vòng tình-dục cũng vậy. Dục-tình làm mất thú bè-bạn; dục-tình là một cái cảm-tình vừa mạnh vừa bạo, bạn-bè là cái cảm-tình êm-đềm điều-độ. Dục-tình cho người ta cái khoái-lạc say-mê, sau thường sinh ra phiền-não âu-sầu; tình bè-bạn thời là cái khoái-lạc phải-chăng, bao giờ cũng bình-tĩnh ôn-hòa, không gì ngăn-trở, không gì làm chán được, thật là một cách dưỡng tinh-tình. Vả mình đã yêu-mến một người xứng-đáng thời há lại không giốc lòng tin người ta ư? Chớ người đã say-mê về ái-tình thời tình bè-bạn của người ấy không còn đậm-đà chi nữa; vẫn sẵn lòng ân-cần giúp-đỡ, nhưng đối với bạn không có chân-tình nữa. Ái-tình có đức-hạnh mới trở nên tình bè-bạn, nhưng ái-tình thường thời không sao tới được bậc ấy, phải là ái-tình cao-thượng lọc-lõi mới được. Những người nông-nổi hoang-toàng không có tình bè-bạn được, vì phóng-túng ra ngoài bao nhiêu là mất vào tình bè-bạn bấy nhiêu. Tuy người ta thường nói tình bè-bạn không có lấy cảm-tình thường làm gốc được, song ví trong bụng không hứng-thích thời sao cho nên bạn-bè, bụng đã không thích thời trí cũng không mộ được. Vì lòng không cảm-động, thời tình bè-bạn không mau bén mà cũng không thành sâu được. Có đức-hạnh mà lại có cảm-tình mới gây nên những cuộc bạn-bè thân-thiết của cổ-nhân mà ngày nay ta còn được nghe nói.

Mộng-tiên tiên-sinh tả hồi đầu mới có cảm-tình với bạn, nói rằng cảm-tình ấy tưởng không khác gì ái-tình. Bởi vì tình-cảnh tiên-sinh lúc bấy giờ thật là hợp với cảnh bạn-bè: người đã không có bụng dục-tình, chỉ giốc theo chính-lý, thời ngoài cái khoái-lạc bạn-bè, còn có sự vui thú chi nữa. Đại-khái những người chìm nổi trong bể tình nhiều phen, tỉnh-ngộ mà

biết rằng sự đời có đáng giá chi, thời những người ấy mới thật là dễ cảm cái tình bè-bạn. Người nào trong bụng nhàn-khoáng, không mắc bận về những sự phiền-lụy ở ngoài, thời người ấy đối với bạn mới có chân-tình ; nhưng tuy tự mình không thiết đến những sự cần-dùng của mình, mà đối với bạn vẫn sẵn lòng giúm-giúp những khi cần đến. Người ta không bao giờ có thể độc-lập đến không ai phải nhờ đến ai ; nhưng giúp nhau phải là vì tình bè-bạn mà giúp, chớ không phải vì giúp nhau mà nên bè-bạn.

Trong tình bè-bạn lại phải cho tính-khí giống nhau, tuổi-tác bằng nhau, tâm-hướng như nhau. Những người quan sang chức trọng thường say-đắm trong cuộc phú-quí của mình ; nhờ phúc-phận được sung-sướng cũng thành ra phóng-túng mà không thể cảm được tình bè-bạn. Các bậc vua chúa cũng không được hưởng cái cảm-tình êm-ái ấy, không được cái thú thiên-hạ yêu-quí mình vì mình ; người ta chỉ yêu-quí vì là ông vua, chớ ít khi yêu quí vì là mình. Tôi tưởng ví tôi được làm vua mà phải như thế thời cũng chẳng muốn làm vua làm gì, không có tình bè-bạn thêm vui, thời sự sang-trọng ở đời chẳng qua là một cái gánh nặng. Làm vua nào bằng làm vua trong lòng người ta. Những kẻ đương-đạo thường chỉ chăm thu-nhặt lấy của-cải, ít ai chăm thu-phục lấy nhân-tâm. Ai là người biết nghĩ thi-ân để cảm lấy lòng người, ai là người biết tìm chơi với những kẻ đức-hạnh, giúp đỡ người ta, chọn lấy người bạn thâu để làm chỗ giải-phiền phòng khi thất-sủng. Các của-cải khác là của đời cả, tình bè-bạn mới là của ta. Tình bè-bạn lại cần phải người ăn-ở đứng-đắn ; nếu giao-du với một kẻ ăn-ở hoang-toàng thời nguy-hiểm quá.

Xem như trên thời biết tình bè-bạn cho được hoàn-toàn phải gồm bao nhiêu đức-hạnh. Muốn gây lấy tình bè-bạn, không gì bằng ăn-ở chốn an-nhàn ; nơi tịch-mịch là bạn của kẻ khôn-ngoan ; sự hòa-bình, sự chân-thật là ở tự trong người ta. Cổ-nhân đã nói : « Người nào biết ở một mình, chỉ mình đối với mình, ấy là người trí-giả. Đã biết gây lấy cái cảnh mình cho thú, thời ở một mình êm-ái biết bao ! » Tình bè-bạn thường yêu-cầu lấy cả người, nên ở chốn ẩn-độn mới thật được thỏa-thích mà không phải chia-phôi. Vả lại người ta thường hễ đối với mình thế nào thời đối với người cũng thế. Người khôn-ngoan thời biết ăn-ở hòa-bình với mình, đủ khiến cho người khác cũng được hòa-bình. Ông Ti-nặc nói rằng : « Tôi từng-trải lắm, đã biết tự mình làm bạn với mình. » Người nào biết tự mình ăn-ở với mình thời cũng biết ăn-ở với kẻ khác. Những người có tính hòa-bình êm-ái, thời khiến cho ai đến gần cũng nên êm-đềm âu-yếm. Người ta để mình ở nơi ẩn-độn thời ít nhiễm những thói xấu ở đời và dễ gây nên tình bầu-bạn thân-thiết. Ai cũng phải có một người làm chứng cho sự ăn-ở của mình, nếu không thời dẫu có theo đường đạo-đức cũng không được vững-vàng. Khi mình đã có bụng mến-chuộng người bạn mình, thời tất hết sức làm cho bạn cũng mến-chuộng mình, lấy thế làm một sự danh-dự riêng; mình được sung sướng thời cũng muốn chia cái sướng với bạn. Vả được sự sung-sướng mà không có người làm chứng cho, thời cái sướng ấy cũng thành ra vô-vị.

Theo ý riêng tôi thời người còn trẻ tuổi lắm chưa biết hưởng cái thú, bạn-bè. Ta thường thấy những kẻ thanh-niên tự xưng là bè-bạn, tưởng mình là bè-bạn thật ; nhưng tình bè-bạn của họ chẳng qua là sự chơi-bời mà thôi, và

sự chơi-bời không phải là bè-bạn thực. Ông Ti-nặc bảo bạn rằng : « Anh đã đến tuổi những dục-tình hăng-hái tiêu-diệt hết; anh chỉ còn có những cảm-tình êm-ái mà thôi. Vậy ta sẽ cùng nhau hưởng cái thú cao - thượng của tình bè-bạn. » Nói tóm lại thời cái gì làm cho tình bè-bạn được vững-vàng chắc-chắn là sự đức-hạnh, sự ẩn-độn, xa cách đường danh-lợi của người đời mà ham mê chốn thanh-nhàn tịch-mịch; lại cách cư-xử đứng-đắn, ăn-ở khôn-ngoan, tư-tưởng cao-thượng (vì tình bè-bạn vốn là một cảm-tình cao, những kẻ tư-cách tầm-thường không thể tới được), nhưng thứ nhất là lòng chính-trực. Đại-để thời tình-tình đôn-đốc cần hơn là trí-tuệ thông-minh; trí-tuệ có làm cho người ta vui - thích, nhưng tình-tình mới gây nên bè-bạn. Những người có bụng ái-kỷ, không thành người bạn tốt được, vì người đức-hạnh thêm vào tình bè-bạn bao nhiêu thời kẻ vị-kỷ chỉ nghĩ cách lợi-dụng cho mình bấy nhiêu. Lại những kẻ biển-lận keo-cú cũng không thể biết được tình bạn-bè là gì, vì tình bạn-bè vốn là một hào-tình. Sự keo-cú làm ngăn-trở cả mọi đức tốt; trong bụng nghĩ được sự gì hay, cái keo-cú nó làm cho tắt đi hết; ở đời không có cái đức tốt gì là không thiệt đến mình, mà kẻ kiêu-lận thời nhất-thiết chỉ muốn lấy của người để lợi cho mình mà thôi. Người ta phải biết phát ra ngoài mà không cầu lợi ; phải có cái can - đảm dám làm ơn mà không mong lấy ơn, chịu kẻ khác bội-bạc với mình.

Nay ta nói đến nghĩa-vụ của tình bè-bạn.

Trong tình bè-bạn có ba thời-kỳ : lúc mới nhóm lên, lúc đương thịnh, lúc đã tàn. Lúc mới nhóm thời bao giờ cái cảm - tình cũng rồi-rào, lòng tưởng-vọng cũng chan-chứa, nên hồi đầu ấy chỉ thấy thú mà không có khó gì. Nhưng thường khi ưa đến đâu, lâu ngày cũng chán, và thói quen làm cho nhụt mất cảm-tình. Lòng tưởng-vọng cũng tiêu-ma đi, bấy giờ tình bè-bạn thành ra nghĩa bạn-bè, nghĩa vẫn không đằm-thắm bằng tình. Cho nên bè-bạn cũng như ái-tình, phải nên biết dành-dịn mới nên : « đừng thắm chớ phai » là thế. Nhưng đương lúc vui-thú êm-đềm, thế nào mà hạn-chế cho được ! Song đã biết rằng ở đời không gì thú bằng tình bè-bạn, thời phải nên cùng nhau mưu - tính thế nào cho được lâu-bền ; vì làm người còn gì sướng bằng được cảm - giác, được tưởng-tượng những sự vui-thú. Cảm là cảm cái hiện-tại, tưởng là tưởng sự tương-lai. Tình bè-bạn thời gồm được cả, vì đủ khiến cho người ta cảm-giác những sự vui-thú đương bây giờ, và mong-mỏi những sự vui - thú về sau nữa. Nhưng lệ thường là cảm-tình có lúc mạnh cũng có lúc suy, và người ta dẫu kiên đến thế nào cũng không thể đoan rằng có thể giữ được mãi-mãi cái cảm-tình đậm - đà đằm-thắm như hồi đầu; như vậy thời cảm-tình bè-bạn cũng có lúc thay-đổi ; cũng có lúc thắm-phai, duy không được bất-trung bất-tín mà thôi. Tình có khuyết mà nghĩa phải tròn. Những người nào đã đến cảnh-ngộ ấy cũng ái-ngại thay, vì mình có một cái tình thú mà để nó tiêu-ma đi mất, tiếc rằng không có cách gì mà giữ cho khỏi mất. Vậy thời phải đặt cho tình bè bạn một cái cơ-sở vững-vàng hơn. Quí - chuộng nhau vì biết tài-đức của nhau thời sự quí-chuộng ấy không bao giờ phai-nhạt được. Theo truyện cổ thời thần ái-tình trước khi nhóm lửa tình trong lòng hai người phải lấy khăn bịt mắt cho hai người không trông thấy nhau; tình bạn-bè thời không cần phải bịt mắt như thế. Tình bạn-bè là tình sáng-suốt, trước khi giao-kết còn phải đắn - đo, sau mà trở nên quyến-luyến chỉ là bởi tài-đức riêng của mỗi người ; vì

người nào tự mình có tài-đức gì thời mới đáng người ta yêu-quí.

Khi đã kén chọn được người bạn xứng-đáng rồi, thời phải giốc một lòng mến bạn, không phải là yêu-mến hững-hờ, nhưng phải thực tình mới được; vì cho dẫu lúc cảm-tình đã nhạt, lòng mến muốn phai, mà nghĩa-vụ cũng bắt phải cố giữ lấy cho trọn-vẹn. Không nên xét-nét những nết xấu của bạn mình, rất là không nên bình-phẩm đến. Phải tôn-trọng tình bè-bạn; nhưng tình bè-bạn vốn là để giúp cho sự đạo-đức, không phải là để nuông những nết xấu, nên khi bạn ăn-ở sai đường, ta phải biết cảnh-cáo cho rõ. Vì bạn chống-cự mà không nghe, thời lời khuyên mình chánh-đáng, bản-ý mình trong-sạch, tất có đủ sức kiên-nghị mà nói cho phải nghe. Phải có cái can-đảm dù mất lòng cũng không nề nói thực; song cũng phải tùy-nghi mà liệu khuyên-bảo cho dịu lời. Người ta không mấy người có cái nghị-lực mình đã làm trái nghe người nói phải mà chịu khuất-phục ăn-ăn; nhưng nghĩa-vụ người bạn là phải khuyên-bảo nhau trong lúc tây-riêng, nhưng đến khi ra công-chúng thời dù thế nào cũng phải chống-chế cho nhau, không có để cho bạn mình mang tiếng xấu.

Hoặc-giả có người hỏi tình bè-bạn đến đâu là giới-hạn. Người ta thường nói phải thờ bạn cho đến giới-hạn thờ Trời. Tình bè-bạn chỉ biết lấy Thiên-Chúa và Danh-dự làm giới-hạn; nhưng cũng có nhiều sự danh-dự cấm làm riêng cho mình, mà không cấm giúm-giúp cho bạn. Còn ngoại-giả thời tôi tưởng tình bè-bạn không có giới-hạn nào cả: hết-thảy phải hi-sinh cho bạn mà không nên kể công vậy.

Ông Độc-nhân (Diogène) nói rằng: «Khi nào tôi vay tiền bạn tôi, chẳng qua là tôi lấy tiền của tôi ở bạn». Bạn-bè đã tin nhau đến thế thời cả người vay, cả người cho vay cũng đáng khen vậy.

Đối với bạn, không nên tự-phụ mình hơn gì cả. Cho dẫu mình tài-đức hơn bạn, giầu-sang hơn bạn thật, cũng không có lẽ gì mà làm cao với bạn được.

Có người hỏi sự bí-mật của bạn, mình có thể nói cho người ngoài biết không.

Sự đó không còn phải nghị-luận chi nữa: sự bí-mật là một của gửi, không phải là của ta, ta không thể tự-do đem dùng được.

Nay xét đến khi tình bè bạn đã phai-nhạt thời ta nên xử-trí thế nào.

Tình bè-bạn là tình người ta giao-kết với nhau, vậy thời cũng phải tùy theo nhân-tình thế-thái. Muốn cho tình bè-bạn được lâu-bền thời có nhiều sự phải dung-thứ cho nhau mới được. Trong hai người, người nào có đức-hạnh hơn, người ấy lại phải dung-thứ hơn. Cổ-nhân có nói rằng: «Anh muốn cho bạn anh trung-tín thời anh cứ tin rằng bạn anh trung-tín thật, là được.» Thật thế; nếu mình ngờ rằng bạn mình có thể phạm cái lỗi gì, thời khác nào như cho phép bạn phạm cái lỗi ấy. Tình bè-bạn thường thời không muốn chịu lỗi vào mình bao giờ; tình bè-bạn cao-thượng thời lỗi gì cũng tự nhận lấy, vì không muốn để một chút phiền gì cho bạn, muốn cho bạn được cái vui tha lỗi cho mình và khỏi cái nhục phải người khác tha lỗi cho; nhưng như thế thì phải người đại-lượng lắm mới được, phải có cái can-đảm phi-thường dám tự nhận lấy những lỗi mình không phạm. Nếu bạn mình là người nhu-nhược, cần phải đưa-giắt chỉ-bảo mới biết đường chính mà đi, thời mình phải lấy cái thái-độ rất ôn-hòa mà dạy-bảo, chớ nên làm cho bạn xấu-hổ vì phải phục-tòng mình. Không gì trái với tình bè-bạn bằng những kẻ tính-khí kiêu-căng, chỉ muốn hạch tội người ta, lấy [sự bẻ-bắt người làm sướng: thấy bạn

kém mình lấy làm tự-cao, như thế là mình có quyền hơn bạn và bạn phải phục-tòng mình hơn. Ta phải giữ đừng có bao giờ giận-dữ, và trong lúc khuyên-bảo bạn đừng có nói những tiếng nặng-nề : có nhiều câu không nên nói ra miệng bao giờ, vì nó làm thành những vết thương trong lòng người, không bao giờ liền lại được. Hễ thấy mình phát nóng thời phải giữ cẩn-thận; phải biết rằng mối thất-tình bao giờ cũng hại đến lòng công-chính. Nhưng có nhiều kẻ đã phạm một lỗi thời phạm đến trăm nghìn lỗi, không biết giữ mình nữa : họ có lỗi mà họ lại trách ta, không biết dung-thứ với ta bao giờ. Khi họ đã mắc lỗi, ta chớ có tưởng rằng ta có thể phân phải trái với họ được đâu ; thần-tri họ là khuynh-hướng về đường thiên-lệch cả. Vậy chớ có nên trách-móc chi họ ; nhưng muốn trị cho họ biết tội và tỏ ra ta xứng-đáng, thời chỉ nên ăn-ở với họ một cách khôn-khéo hơn ; nên tìm cách làm cho họ đẹp lòng : nghĩa là lấy cách cư-xử rất tốt của ta để làm cho họ tự-sỉ mà phải cải-quá, tức cũng là một cách trị-tội, một cách răn-dạy, mà có công-hiệu hơn là lời nói. Lòng ái-kỷ dẫu khôn-khéo đến thế nào cũng không dấu được mãi những sự lầm-lỗi của mình, làm thế nào cũng có lúc sự thực rõ tỏ ra ; như vậy thời sớm trưa người có lỗi cũng phải nhận lỗi vậy. Lúc bạn-bè với nhau, làm được cho nhau vui-thú những gì, đến khi quyết-liệt, phải nên quên bỏ cả đi ; nếu lúc mình làm ơn cho bạn mà không lấy sự vui lòng làm ơn ấy làm sướng, thời không phải là làm ơn nữa, chẳng qua là cho vay, bán chịu mà thôi; như thế thì bỉ-tiện quá. Sau nữa, người ta phải nên yêu-cầu lấy bạn, cố tìm lấy người có bụng mến-yêu mình, không nên sợ mang tiếng là người yêu-hãnh. Nhưng nếu chẳng may mà chọn lầm phải nơi không xứng-đáng, thời cũng phải ra sức mà duy-trì lấy, để ăn-năn cái lỗi mình đã khinh-suất mà không cẩn-thận.

Bạn-bè mà đã đến quyết-liệt thời ai cũng có thiệt cả. Mình đã hết sức giữ-gìn cho khỏi đến nỗi ấy, nhưng thường gặp những người ương-ngạnh chỉ biết lấy ý riêng mà xét người, thời di-phùng cũng vô-ích ; không gì buồn bằng phải đối-dãi với những kẻ hăng-hái nóng-nẩy chỉ biết ra sức mà chống-chế sự lỗi của mình ; khi ấy thời dẫu ta làm thế nào, những kẻ ấy cũng không cho ta là phải. Bấy giờ, ta chẳng nên lấy thắng họ làm danh-dự, phải nên lấy nhẫn-nhục làm hay hơn : bấy giờ thời nên thoái-bộ, lấy cái lòng băng-tuyết của mình mà tự an-ủi vậy. Không nên tưởng rằng sau khi đã quyết-liệt rồi, ta không còn nghĩa-vụ gì nữa đâu, nghĩa-vụ bấy giờ mới là khó hơn nhất, vì chỉ phải lấy nghĩa công-chính mà xử-trí. Thứ nhất là phải tôn-trọng tình bè-bạn cũ. Nông-nỗi bất-bình với nhau, không nên để cho thiên-hạ biết đến, cùng-bất-đắc-dĩ khi nào người ta buộc lỗi cho mình mà cần phải thuyết-minh để chống-chế thời hẵng nên nói mà thôi. Mà khi ấy dẫu bạn thất-tín cũng không nên thống-trách. Quyết-liệt mà làm cho vỡ-lở ra là bầy một trò tuồng xấu cho thiên-hạ trông vào và tự mình đóng lấy cái vai không lịch-sự. Phải biết rằng thiên-hạ nhòm-mon mình lắm ; và phàm kẻ bình-phẩm mình là những kẻ không ưa mình cả, hoặc vì chưa biết rõ cái giá-trị mình thế nào, hoặc vì biết mà có bụng nhen, hoặc vì bởi lòng thiên hay bụng ác tự-nhiên vậy. Những điều bí-mật đã cho nhau biết trong khi bạn-bè, không được tiết-lộ ra bao giờ ; phải biết rằng sự bí-mật là một cái nợ với tình bè-bạn cũ, nó buộc mình mãi-mãi, không bao giờ hết. Sau hết, ta phải hiểu rằng những nghĩa-vụ

trong khi bè-bạn là vị người yêu mà ta phải làm cho trọn ; sau khi quyết-liệt là vì ta mà ta không nên sao-lãng. Khi còn cảm-tình với nhau thời dễ lắm, cứ theo cái khuynh-hướng tự-nhiên trong lòng là tự-khắc ăn-ở phải đạo ; nhưng đến khi quyết-liệt thời tình đã nhạt, phải lấy nghĩa làm chủ, bấy giờ nhất-thiết là nghĩa-vụ, là lẽ công cả. Không mấy người biết tỏ lòng oán-giận ; phần nhiều giận-dữ một cách quá-độ. Bàn đến cách xử-trí những khi nghịch-cảnh như thế, đương lúc bạn-bè mà nghĩ đến hồi quyết-liệt, thời cũng rầu lòng thật ! Nhưng ta phải biết rằng cảnh ấy không ai tránh được, và người bạn rất thân ngày nay có khi đã sẵn cái tiềm-tâm quyết-liệt có ngày. Song nói đến những đoạn này cũng không nên nói cho kỹ lắm, kẻo làm mất cái thú-vị của tình bè-bạn.

Có người nghĩ rằng bè-bạn đã chết rồi thời tình-nghĩa cũng hết cả : thật ít người biết làm bạn người chết. Tuy không ma-chay nào đẹp bằng giọt lệ chung-tình, nét mặt thương-xót của người bạn, tuy không mồ-mả nào quí bằng tấm lòng người tri-kỷ, song cũng không nên tưởng rằng giọt nước mắt chảy ra vì cảm-tình với bạn và cũng có khi vì cảm-cảnh nỗi mình, như thế đã là hết nghĩa với kẻ khuất đâu : ta còn có nợ với tên-tuổi, với danh-dự, với cha mẹ vợ con người chết nữa ; người chết phải sống trong tâm-khảm ta bằng cái cảm-tình, trong ký-ức ta bằng sự kỷ-niệm, trên cửa miệng ta bằng lời khen-lao, và cho đến cách ăn-ở ta cũng phải noi theo lấy đức-hạnh người cũ.

Tuy tôi khuyên nên xử-trí thế nào gặp khi bạn-bè quyết-liệt, song bản-ý tôi không phải là định dạy người ta phải yêu-mến bạn phòng khi ghen-ghét có ngày đâu. Lòng tôi không biết những nỗi cơ-quyền ấy. Ai đã quen tôi cũng biết rằng tôi đối với bè-bạn thật một lòng một dạ ; không bao giờ tôi có bụng nghi-ngờ bạn ; thậm-chí có kẻ bụng-dạ tầm-thường lại chê tôi là người hớ-hênh ; tôi cũng chỉ nguyện được hớ-hênh với bạn mà thôi.

Có người hỏi đàn-ông đàn-bà có thể có tình bè-bạn được với nhau không. Cái đó thời cũng hiếm-có và cũng khó thật ; nhưng tình bè-bạn ấy mới thật là phong-thú. Khó là vì phải có đức-hạnh, phải cẩn-thủ lắm mới được. Những đàn-bà chỉ biết cái ái-tình thường thời không xứng-đáng tình bè-bạn ấy ; những đàn-ông đối với đàn-bà chỉ biết tìm cái khoái-lạc nam-nữ, không cho là đàn-bà ngoài cái nhan-sắc bề ngoài còn có những tư-cách gì cao-thượng về tâm-tình trí-tuệ nữa, thời những đàn-ông ấy cũng không xứng-đáng cái tình bè-bạn tôi nói ở đây. Vậy thời đàn-ông đàn-bà muốn kết tình bè-bạn với nhau, lại cần phải lấy tài lấy đức làm cốt lắm. Cũng có khi những sự giao-kết ấy khởi đầu là ái-tình mà kết-cục thành bè-bạn. Tình bè-bạn đã là kết-quả của ái-tình chánh-đáng, thời nếu người đàn-bà giữ được trọn trinh-tiết, cách giao-kết như thế cũng là một sự hay. Cứ cái thói thường của ái-tình ngày nay, thời đến khi quyết-liệt hay vỡ-lở tai-tiếng, vì tình đã bất-chính, sỉ tất liền theo. Những người đàn-bà chính-trực, biết lấy nghĩa-vụ mà ngăn đường tình-dục, nếu sẵn lòng cùng ta giao-kết bạn-bè, và ta xét ra tài-đức cũng chẳng kém chi đàn ông, thời giao-kết với những người ấy chẳng là chánh-đáng lắm ru ? Chắc trong các cảnh bạn-bè, không còn có cảnh nào thú bằng cảnh ấy. Nó có một cái khí-vị đậm-đà mà trong bạn đàn-bà hay là đàn-ông riêng với nhau không bao giờ có. Lại những cái mối làm cho người ta phân-lìa, như tình ghen-ghét, lòng cạnh-tranh, trong cảnh bạn-bè này

cũng không có. Vả đàn-bà lại phải cái không may là ngay trong bọn mình với nhau khó gây nên bè-bạn được : đàn bà có nhiều cái nết nó ngăn-trở sự bè-bạn với nhau : bạn đàn-bà giao-kết phần nhiều là bởi sự cần-dùng, ít khi vì cái tình-cảm. Như vậy thời cảm-tình trong lòng để làm gì ? Người nào không muốn mắc vào ái - tình, thời người ấy tất sẵn lòng đón lấy tình bè-bạn, và đàn ông có thể nhân đấy lợi-dụng được. Khi người đàn-bà đã không từng say - đắm về đường tình - dục đến nỗi tiêu - ma mất tấm lòng băng-tuyết, thời tình bè-bạn bấy giờ êm-đềm mà cảm-động biết bao ; vì chẳng biết sự đó là hay hay giở cho đàn-bà, nhưng phải công-nhận rằng người đàn-bà đã mang cái cảm-tình gì ở trong lòng thời biết suy-diễn cho đến cùng-cực vậy. Đàn ông dễ cảm bằng trí, đàn bà dễ cảm bằng tình. Vả lại, tạo-vật sinh ra đàn-ông đàn-bà đã gây ra cái thanh-khí riêng để ràng-buộc đôi bên bằng những giây vô-hình; như vậy thời tình bè-bạn đôi bên lại càng sẵn-sàng lắm. Cái gì tạo-vật gây ra vẫn hoàn - toàn hơn là người ta dựng lấy ; công-cuộc gì tạo-vật không có phần thời cũng kém mất một phần phong-thú. Trong cái tình bè-bạn tôi nói đây, thời rõ là công tạo-vật; giây thân-ái vô-hình, lòng cảm-tình vô-hạn, cái khuynh-hướng êm-đềm mà rất mạnh nó đưa giắt hai người lại với nhau, còn có thiếu chi nữa ; một cái của báu cao-quí như thế tất phải để làm cái phần thưởng vô-giá cho những kẻ đức-hạnh tài-năng. Nhưng phải giữ-gìn cẩn-thận lắm mới được, kẻo cái cảm-tình rất cao-thượng về sau lại trở nên cái dục-tình rất tầm-thường vậy.

***

Lời bàn của người dịch. — Trên thế-gian không gì quí bằng tình bè-bạn. Tình bè-bạn là cái hoa thơm của trời đất, chỉ mọc trong loài người, trong những giống rất văn-minh của loài người. Tình bè-bạn thật là tinh-hoa của loài-giống. Giống văn-minh với giống không văn-minh, người cao-thượng với người không cao-thượng, phân-biệt nhau ở cái quan-niệm về bạn-bè. Người nào, giống nào biết trọng tình bè-bạn, là người ấy giống ấy đã thấu cái lý-tưởng làm người, biết hưởng sự phong-thú ở đời. Tình bè-bạn là cái thước đo phẩm-giá người ta, tinh-thần dân-tộc vậy.

Nước Pháp sinh được người đàn-bà như Lăng-ba-phu-nhân, có cái trí-tuệ thông-minh, cái cảm-tình sâu-sắc, mà giải-nghĩa được tình bè-bạn một cách tinh-vi mà cao-thượng như vậy, thật cũng đáng là một nước văn-minh. Vì văn-minh là gì ? Văn-minh chẳng qua là một cách tổ-chức đời người cho có phong-thú, mà trong các cảm-tình của người ta, nhiều phong-thú hơn nhất, chẳng phải là tình bè-bạn ru ? Một người nhã-độ như phu-nhân chắc bình-sinh là một người bạn tuyệt-trần, đã từng-trải cái phong-thú của tình bè-bạn lắm mới nói được tinh-tường như vậy. Đàn-bà nước ta được mấy người như thế ?

T. C. *dịch.*

VĂN-CHƯƠNG VỚI NỮ-GIỚI

CÁI HẠI VĂN CẢM ĐỐI VỚI NỮ-HỌC-SINH

Trước khi nói đến cái hại văn cảm, tưởng nên nói qua văn cảm là gì. Văn cảm là tinh-thần lúc cảm-động lấy ngọn bút mà truyền-hình ra. Cho nên văn-chương lối này tức là một bức tranh vẽ những cảnh-vật và tình-tình của đời người vậy. Có khi là phong-hoa tuyết-nguyệt đúc lại, có khi là tử-sinh vinh-nhục xây nên. Thật là một vật vô-hình vô-ảnh, một đám hương-hồn, một khối tinh-tuyết của loài người giáng-sinh ra mĩ-thuật mà đỡ khách tài-hoa.

Văn-chương nước nhà có lối văn cảm này không? Ai cũng biết văn-chương là linh-hồn của loài người, mà đã gọi là loài người, thì ai là chẳng đủ thất-tình: hỉ, nộ, ai, lạc, ái, ố, dục. Đã có đủ thất-tình ấy thì nhà làm văn hễ bị cái vật-trạng ngoại-giới nó cảm-động đến thì do tinh-thần mà suy ra hình-thức. Hình-thức của nhà văn là gì? Là câu văn tả trên tờ giấy vậy. Thế thì quốc-văn ta cũng có văn cảm như *Kim Vân Kiều*, như *Chinh-phụ, Cung-oán*, như thơ của cụ Tam-nguyên Yên-đổ, của bà huyện Thanh-quan; đó là hương-hỏa lưu-truyền chung cho quốc-dân ta vậy. Tuy-nhiên, lối văn này không phải ai cũng viết, ai cũng xem được cả; chỉ có một hạng người viết và một hạng người xem thấu-đáo được thôi. Viết được văn cảm tất-nhiên phải là bậc thiên-tài, xem được văn cảm tất-nhiên phải là người cao-cảm. Nếu văn cảm có lan ra trong quốc-dân nữa, thì chỉ nên viết có chừng, xem có lúc để di-dưỡng tình-tình, cũng như bức tranh đẹp, như cung đàn hay nó phẳng-phất trong nhà mà làm cho cuộc lao-khổ ở đời dịu-dàng ra đôi chút. Thực vậy, nếu trong một xã-hội ai cũng thiên về cảm, lúc nào cũng chỉ gió mát trăng trong, giọng cười tiếng khóc, thì có lẽ một ngày kia tính-chất như một loài cây trinh-nữ [1], hễ có vật gì động đến là ủ-rũ ra ngay. Tưởng là một điều hại to, thứ nhất là hại cho hạng người đã sẵn lòng đa-cảm như bọn nữ-lưu ta vậy.

Mới đây, nhân di trường Cao-đẳng Sư-phạm sang trường Nữ-lưu-học-sinh cũ, thấy dấu văn-chương của nữ-sinh để lại trên tường, chỗ văn xuôi, chỗ văn vận, hoặc là từ-giã chị em, hoặc là từ-biệt nhà trường, hoặc là tự-tình tự-sự. Xem qua một lượt, lúc đọc xong cũng vơ-vẩn tấm lòng, vì bao nhiêu những cảnh buồn dễ làm cho lòng người cảm-động; nhưng tỉnh-ngộ ra thì nửa mừng nửa sợ. Mừng vì khi nghĩ đến trường nữ-học thì tưởng-tượng ra một quang-cảnh rất duy-tân, nhưng nào ngờ đâu hồn quốc-văn lại lai-láng ở chốn này. Sợ là sợ cái trình-độ, cái khuynh-hướng của nữ-sinh đối với quốc-văn, nhất là thứ văn « sầu », văn « đạo-tình » mới xuất hiện.

Phải, ít lâu nay nền quốc-văn nầy mầm hưng-thịnh, nhà thi-sĩ nao-nức nghề văn, cảm-tình chan-chứa, tất-nhiên phát-hiện ra ngoài: nào quyển nọ ấn-hành, nào quyển kia đang soạn, quyển này in lần thứ nhất, quyển nọ in lần thứ hai. Trông cái quang-cảnh ấy, ai là chẳng mừng thầm cho kiến-thức-giới nước mình đã ra khỏi vòng mơ-màng u-tối; lại trông thấy

(1) La sensitive.

các cô nữ-học-sinh, ai là chẳng ngợi khen nữ-giới nước nhà đã không kém bọn thoa-quần Âu-Mĩ. Nhưng sao vẫn thấy các nhà ở cục-ngoại, hay là ở cục-nội, là những nhà quan-sát công-bình lịch-duyệt, thường phàn-nàn cho quốc-văn, cho nữ-giới. Nhà bàn về quốc-văn thì có nhà bảo thi-sĩ hiện-thời còn thiếu trí sáng-tạo, trí tưởng-tượng, không có tài bố-cục, không có bản-lĩnh ; nhà thì bảo văn thơ hiện-thời có chỗ hại luân-lý, tổn giáo-dục, vô nghĩa-lý.

Bàn về nữ-học-sinh thì có nhà bảo từ ngày quốc-văn truyền-bá sang nữ-giới, nhiều cô con gái mất đức liêm-sỉ, hoại đạo tam-tòng, đều do bởi văn thơ mới xuất-hiện, nó làm mất cả những bản-tính ấy đi...

Các nhà bình-phẩm ấy chắc đã phòng xa cái hại về sau. Tưởng cái quang-cảnh ấy còn lâu mới phát-hiện ; mà có phát-hiện ra chăng nữa cũng chưa đến nỗi hại như thế ; nào ngờ đâu cái nguyên-nhân sinh-xuất quả như lời của các nhà bình-luận ấy, mà cơ-quan đã rõ tự ngày nay.

Vì sao ? — Người con gái, bản-chất đã đa-cảm, thứ-nhất là con gái nước nhà, nhiều vẻ trầm-tĩnh, thêm phần yếu-ớt hơn phụ-nữ Âu-tây ; lại ở trường lưu-học-sinh, ít khi biết đến xã-hội ngoài, chung-quanh rào che kín mít, nom phảng-phất như chốn nhà tu về thời-đại trước bên Âu-tây, dù nhà trường rộng-rãi mát-mẻ thế nào, trông cảnh cũng có dáng ủ-dột. Tính-chất đã thế, cảnh-vật là thế, lúc tiêu-khiển lại thích xem những văn buồn như *Thu-dạ hoài-ngâm*, như *Kim-Vân-Kiều*, như *Chinh-phụ*, *Cung-oán*, nhất là mấy quyển thơ sầu mới xuất-bản. Thứ văn cảm này có ảnh-hưởng trong bọn nữ-sinh hơn là sách cũ; vì trong sách cũ có một tấm thảm-sầu cao-thượng khó hiểu, lúc đọc lên, chỉ thấy dọng văn buồn, dọng văn đó có thể thoảng qua cho người đọc như tiếng chuông đánh nửa đêm, tiếng quyên kêu buổi sáng mà thôi. Tình-tứ trong truyện không vận vào mình người xem được mấy. Còn cái sầu của sách mới rất hợp với cảnh thường, nào sầu-tình, thảm-tình, nào thương bạn nhớ bạn, nào than-thân trách-phận, tức chúng giận đời, học không thành, thi không đỗ, v. v... Góp nhặt được bao nhiêu là cai ai-oán tầm-thường, khéo trọn những giọng giéo-giắt nỉ-non mà khiến cho những óc thơ-ngây phải tiêm-nhiễm. Phần thì mối thương-tâm đã sẵn, đọc đến cảm là siêu lòng; phần thì tính bắt-chước tự-nhiên cũng giúp công vào mà làm cho đổi lòng đi được ; vì thế, lúc buồn nẫy ra được những câu ai-oán đem viết lên cánh cửa mặt tường. Như câu :

Phong cảnh vì ai,
Cỏ thảm hoa sầu nơi đất khách

Lại câu :

Bóng dâu đã xế ngang đầu,
Biết đâu ấm-lạnh, biết đâu ngọt-bùi.

Lúc những người cầm bút viết mấy câu này, hẳn bị cảnh buồn nó ám-chướng, nên lòng quê lai-láng, đoái trông cố-quận ở dám tịt-mù. Nghĩ đến cảnh ân-ái gia-đình, tưởng như chỉ một mình mình riêng chịu nỗi thảm-sầu ở nơi khách-địa. Lúc đó hình như trước mặt không thấy nhà trường, không thấy chị em đi chơi rởn ở ngoài vườn, trước sân kia nữa.

Vẫn biết rằng những câu đề đó không hẳn là người viết làm ra, nhưng dọng bi-ai đã hợp với tình-tình, nên ẩm-ỉ trong lòng, hễ khi gặp buồn là nẫy ra ngay.

Hết cảnh nhớ nhà lại đến truyện đường kia nỗi nọ, ngắm cái hậu-lai mênh-mông bấp-bổng, biết thân mình

phận gái như hạt mưa sa, mai sau ra thế nào... Nên cứ vẩn-vơ nghĩ-ngợi, không biết cùng ai mà tỏ nỗi lòng; vì không phải câu truyện đem ra phân-giải với chị em, chỉ một mình mình hay, một mình mình biết, mà có nói ra nữa thì chỉ nhờ ngọn bút mà thôi; nên tỏ mấy câu rằng:

Một mình sót nỗi nước mây,
Biết người danh-sĩ sau này là ai ?...

Sót mình tựa cột hôm mai,
Văn-chương đèn sách nào ai với mình ?

Có người đề đến rằng:

Chân trời mặt nước mông-mênh,
Tấm thân biết gửi tử sinh nhường nào!

Câu đề dù hay dù dở, dù hợp hay không, cũng hiểu được tâm-lý người viết, mà nhất là giọng sầu lại càng tả rõ ra cái dáng-điệu người lúc cầm bút đề.

Những cảnh buồn đó gieo trong người đa-cảm một cái mầm «yếm-thế», nếu cứ sẵn mưa sầu gió thảm nó tưới nó lay vào thì có một ngay kia cây mọc to lên, bóng ướm che rợp cả những trồi non hữu-dụng khác. — Xem như câu:

Đường thế mịt-mù mặc khách vãng-
Lại như câu: [*lai*;

Có chăng ta biết sự ta,
Rõ ràng mở mắt bây giờ hỏi ai ?

Thật là một cái biểu-hiệu chán-đời thổ-lộ ra ngoài. Thử chán đời này không phải là cái sầu cao-thượng, trải qua một cuộc bể dâu mà đau-đớn lòng vì những điều trông thấy. Đây chỉ là thứ chán đời vô-cớ, hoặc bị văn sầu, văn đạo-tình nó sai-khiến tấm lòng thơ-ngây, hoặc vì bản-chất yếu nên hay khuynh-hướng về buồn.

Khi có một việc gì cảm-động cả mọi người như lúc dời trường đi ra chỗ khác, thật là một dịp cho các cô chứa-chan những mối sầu mạch cảm, lời từ-biệt viết lên đầy tường:

Thôi từ đây: sán rêu chẳng vẽ dấu
[*dầy,*
Cỏ cao hơn thước liễu gầy vài phân.

Lại:

Đau lòng từ-biệt sinh-ly,
Lệ rơi thấm đã tơ chia rũ tầm.
Thôi thôi từ-biệt trường văn,
Cùng người ngắn ngủi có ngần này thôi.

Lại:

Ta về đề cảnh lại đây,
Nữ-lưu vắng-vẻ hiên tây lạnh-lùng.
Một mình đứng tựa cầu thang,
Bước đi một bước hai hàng lệ rơi.

Văn xuôi thì như câu:

Hỡi trường học yêu mến của ta ôi! Thôi từ đây cùng người phân-ly đôi ngã....v...v.

Hết thơ đề, đến cảnh vẽ, chỗ thì hai người đi thuyền chơi trăng, chỗ thì vẽ người ngồi tựa gốc cây, chỗ thì vẽ người trèo non, người đứng cửa, toàn là cảnh tả trong những thơ sầu mới. Những «bức tranh» đó tuy chỉ là mấy nét vạch ra thôi, nhưng lúc cầm bút vạch ra nét ấy hẳn trong lòng có phảng-phất những cảnh mình sắp vẽ ra, vì thế cũng là ảnh của tinh-thần cả. — Phàm con người ta khi đã buồn sầu thì hay chán những việc trước mắt, đã chán việc trước mắt thì hay tưởng-tượng ra những truyện viển-vông; hàng ngày sống bằng ảo-tưởng huyền-vọng, đặt mình vào những chỗ đâu đâu; không biết cho rằng đời chỉ

là một cuộc hoạt-động thường mà thôi, nếu cứ tìm những truyện ra ngoài vòng đời thì sao cho thấy, không thấy chắc ngã lòng, ngã lòng thì thấy thất-vọng, cho nên người ta sống bằng ảo-tưởng thì hay chết vì ảo-tưởng. Tuy nữ-sinh ta chưa đến cái quang-cảnh ấy, nhưng cũng đã đứng bên cạnh giường người « ốm sầu » rồi, bệnh đã tiêm-nhiễm vào rồi, cũng có một ngày kia phát to ra được.

Tôi nói đây không phải là công-kích gì nữ-sinh, mà cũng không phải là kết-án những văn cảm ; vì một người đàn bà không có cảm-tình, không có vẻ yểu-điệu dịu-dàng thì không phải là đàn-bà nữa. Nhưng cảm đến nỗi buồn-rầu đầu-đớn, cảm đến nỗi chán-ngán việc đời, lòng bao giờ cũng như tâm-sự cô Kiều đứng trước mả Đạm-Tiên, thì không phải chánh-sách ở thời cạnh-tranh này vậy. Ta nên biết ngày nay, cái sống bằng ảo-tưởng huyền-vọng đã như bóng xế về chiều rồi. Phần thực-hành đã lan ra khắp cõi. Một nước trình-độ còn kém như nước nhà, sinh ở thời cạnh-tranh kịch-liệt này, phần thiết-thực phải nhiều hơn phần hoa-mĩ. Một người thiếu-niên mới 15, 16 tuổi đầu, trong lòng đã nguội-lạnh, đã chán-ngán cảnh đời, không có việc công-danh phú-quí nào có thể làm cho nức lòng, thì chắc cả đời cũng không làm được việc gì hữu-dụng.

Hẳn là một thứ thiếu-niên nhu-nhược.

Nay trứng cảm-sầu đã truyền-nhiễm, nào những nhà y-học trước-danh về giáo-dục xin mau mau mà điều-trị.

Tưởng trước chữa phần xác, sau chữa phần hồn. Muốn chữa phần xác phải cần thể-dục, thể-dục không những tập thể-thao, hàng ngày phải xem-xét đến người luôn, tùy sức khỏe mà bắt làm việc, thứ nhất là phải săn-sóc về đồ-ăn, nhà-ở. Thể-chất có khỏe thì tinh-thần mới vững-vàng. Vì phần hồn phần xác liên-lạc với nhau rất là can-hệ. Hai phần đó phải đều nhau mới tương-tựa với nhau được. Khi thân-thể đã cứng-cát, tinh-thần đã vững-vàng, thì cái lòng buồn vô-cớ phải tiêu-tán hết. Tỉ như lúc ta mệt, học không nhớ, nghĩ không ra, ngày hay buồn, đêm hay sợ...

Muốn chữa phần hồn, trước nên xa những văn sầu văn cảm, và những sách huyền-hoặc. Trong các văn cảm, không kể những truyện như *Chinh-phụ*, *Cung-oán*, giọng bi-ai đã tỏ ra đó rồi. Đến như quyển *Kiều* cũng không thể làm sách đọc hàng ngày cho nữ-sinh thiếu-phụ. Vì quyển *Kiều* lấy phương-diện mĩ-thuật mà xét, thì thật là một áng văn tuyệt-bút của nhà đại-tài ; lấy phương-diện giáo-dục mà xét, thì có phần khuyết-điểm, vì luân-lý cao-thượng trong truyện là cuộc đại-thắng của hiếu đánh nhau với tình trong lòng người nhi-nữ ; chung quanh cái cao-thượng ấy, tác-giả khéo chắt những cảnh thú tuyệt-vời. Nhưng khá tiếc thay ! Lúc người nông-nổi đứng ngắm thì chỉ thấy cảnh ngoài mà không thấy cốt trong, cho nên những hồi như lúc Kiều khóc mả Đạm-Tiên, lúc sang nhà Kim-Trọng, khi ngậm-ngùi trong chốn thanh-lâu, khi than-vãn trên sông Tiền-đường, toàn là những cảnh có ảnh-hưởng hại cho phụ-nữ. Cũng vì thế mà có câu khuyên rằng :

Làm trai chớ kể Phan-Trần,
Làm gái chớ kể truyện Vân truyện Kiều.

Truyện *Kiều* mà không thể làm sách đọc cho nữ-sinh, phương-chi là thơ tình thơ cảm mới xuất-hiện đây... Còn sách ảo-tưởng như mấy trăm quyển

truyện dịch ngoại-thư tầu cho thuê ở các cửa hàng, thật là một thứ văn-chương « bỏ bả ». Ai đã trông thấy khi nữ-sinh xem truyện thì biết cái quang-cảnh ra làm sao. Lúc cầm quyển truyện chỉ mong xem cho biết truyện, xúm nhau lại, một người đọc hàng mấy người ngồi nghe; có khi quên cả ăn, cả ngủ, lúc nào cũng nghĩ đến cảnh chiến-tranh, cuộc tình-ly tình-hợp, thứ nhất là những bùa phép như độn-thổ thăng-thiên, phi-vân tác-vũ; còn gì huyền-hoặc hơn nữa!

Vậy bao nhiêu những sách ấy nên tránh cho xa, cấm cho hết, đừng cho cái nọc độc êm-ái ngọt-bùi, nó thấm-thía vào gan vào tim những người đã đa-cảm lại yếu-ớt.

Nói thế không phải là muốn cho nữ-sinh ta không trọng quốc-văn mà không xem đến đâu. Cái bổn-phận của nữ-lưu đối với quốc-văn tưởng không kém gì cái bổn-phận của bọn tu-mi; nào là mẫu-nghi, mẫu-giáo, không lẽ lấy vài câu thơ sầu thơ tình mà dạy con còn khi trong bọc, khuyên con đến lúc vào đời. (Đó là một vấn-đề nan-giải, nhưng không phải tôi muốn nói đây). Vậy văn thơ nào vừa văn-chương, vừa luân-lý giáo-dục, như *Nữ-tắc*, *Gia-huấn*, như thơ ngụ-ngôn dịch của Lã Phụng-Tiên, như các bài cách-ngôn gia-huấn trong tạp-chí *Nam-phong*, đều nên lấy làm gương soi hàng ngày, sách xem giải-trí. Tôi đã nói phải cần thiết-thực hơn hoa-mĩ, thứ nhất là phải tập những lối đạt-ý rõ-ràng, luyện những tinh khúc-triết minh-bạch. Còn văn sầu văn cảm, ta để đến lúc nhàn-hạ, lúc cảnh đời đã xế về hôm. Từ lúc lên 5 cho đến lúc 40 là buổi lao-động, không thể sống bằng ảo-tưởng huyền-vọng hàng ngày được.

Ấy cái hại văn cảm là thế. Trước quang-cảnh này, trước những vườn hoa xinh-đẹp bị bóng cây u-uất che-rợp đi kia, ai là nhà nhiệt-thành về quốc-văn, về giáo-dục, chẳng lưu-tâm vào đó?

HOÀNG NGỌC-PHÁCH
Học-sinh trường Cao-đẳng Sư-phạm.

BÀI KÝ MIẾU CỤ CHU VĂN-TRINH (1)

Ông họ Chu, tên chữ là An, người huyện Thanh-đàm, ở về triều nhà Trần, trải bốn đời vua; sau ra ẩn ở núi Chí-linh. Khi mất truy-tặng là Văn-Trinh-công, tùng-tự nhà Văn-miếu. Đây là nơi đền thờ riêng, tục truyền chính là nền giảng-đàn khi xưa. Lũy-triều gia thêm phong-trật, đến nay thờ làm phúc-thần, trước vẫn có bia ghi-chép sự-tích, vì lâu ngày quá chữ triện mòn đi, nay dân làng phụng-sự, muốn xin soạn-thuật lại. Tôi là hậu-sinh, thiển-dự là người cùng huyện, không dám từ là thiền-truyết, xin kính vái mà làm bài tự này.

Xưa nay quí-trọng bậc sĩ-quân-tử cốt là hay đốc-đạo thượng-chí, lui tới phải nghĩa, không có cẩu-thả theo với lưu-tục. Luận xem các bậc tiên-nho nước Việt ta, chỉ có ngài là không thẹn vậy. Đương khi ngài ẩn-cư an-mệnh, vô-tâm danh-lợi, nết tự-cao biết chừng nào! Hết sức vui xem sách-vở,

(1) Miếu lập ở xã Cung-hoàng, huyện Thanh trì, năm *Đinh mùi* niên-hiệu Chiêu-thống, đổi tên xã gọi là Huỳnh-cung. Bài ký này là ông NGUYỄN CÔNG-THÁI 阮公泰 soạn từ ngày 18 tháng 6 năm Vĩnh-thịnh thứ ba (1707).

học chính-đáng biết chừng nào ! Càng khâm-phục ấy, là sư-đạo cực-kỳ tôn-nghiêm. học trò nhiều người thành-đạt ; ân-trạch tư-văn, để lại vô-cùng, là cái công của ngài vậy. Năm Khai-thái (1324) ứng-triệu ra làm Tư-nghiệp, phụ-tá ngôi thái-tử, mô-phạm kẻ đa-sĩ, danh-vọng long-trọng biết chừng nào ! Năm Thiệu-phong (1341) kẻ quyền-hành chuyên-chính, ngài dâng sớ xin chém đầu bảy kẻ nịnh-thần, chúng đều hàn-tâm, trung-nghĩa lẫm-liệt biết chừng nào ! Nói mà không nghe, lập-tức treo mũ, về chơi ở núi xanh kia, hân-nhiên tự-đắc. Sau ủy-giao cho chính-sự cũng không đoái đến nữa ; gia thêm cho phong-trật cũng không nhìn chi nữa ; bởi vì ngài kiến-cơ sáng-suốt, há hay lấy chức tam-công mà di-dịch được tiết-tháo của ngài ru !

Than ôi ! Thánh-hiền đời xa, không có ngài tự-nhiệm, thời ai làm non Thái cho kẻ học-giả ? Liêm-xỉ thói suy, không có ngài cao-thượng, thời ai làm cột đá cho kẻ sĩ-phu ? Tên thụy là Văn-trinh, không phải là khen suông ; tùng-tự nhà Văn-miếu, thật cũng là đích-đáng. Tuy vậy, thanh-phong của ngài, vẫn trong suốt như nước Thanh-đàm ; linh-từ thờ ngài, vẫn đối-chĩ với núi Chí-linh ; trăm đời sau này, vẫn còn lưu-phượng bất-hủ, cần gì phải dựng bia. Song mấy hàng chữ triện này, khắc vào bia đá kia, thời đạo-đức sự-nghiệp, thanh-danh khí-tiết của ngài lại càng hiển-trứ, khiến người mắt trông thấy phải kính phải tôn, phải sùng phải ngưỡng, một là để khích-khuyến cái nết liêm-ngưng đá rắn, một là để rửa sạch cái thói bóng-bảy sáp vàng, thế thời cái bia kia dựng lên cũng có quan-hệ đến thế-giáo to lắm vậy.

Nay ký.

(Dịch trong sách *Hoàng-Việt Văn-tuyển*)

TƯ-TƯỞNG HAY, LỜI VĂN ĐẸP

Nous ne lisons pas les poètes, les romanciers, les philosophes mêmes pour nous instruire, mais pour notre plaisir, pour la clarté dont ils illuminent nos sentiments et nos idées, pour la chaleur qu'ils répandent dans notre sang; ils nous connaissent de loin, et de loin nous leur confions notre vie. Car notre fond humain est la matière même de notre littérature. Les cadences du rythme, la composition, l'analyse et le style ne sont là que pour révéler ce fond d'humanité. Et le littérature, c'est cela. Tout le reste... n'est pas littérature, car il faut rendre à ce grand mot trop souvent profané son plein sens...

HENRY BORDEAUX

Ta đọc các sách thơ văn, các sách triết-học, không một là để mở-mang trí-thức, mà cốt là để khoái-lạc tinh-thần, vì các nhà làm sách đó có cái tài chiếu-tỏ những cảm-tình tư-tưởng ta, làm cho ấm-áp trong lòng trong dạ ta ; các nhà ấy ở xa mà biết bụng ta, ta cũng tự xa mà mang gửi can-tràng ở tay các nhà ấy. Vì cái bản-chất của văn-chương tức là tâm-tính con người ta vậy. Còn những vần điệu véo-von, câu văn chải-chuốt, chẳng qua là những phương-thuật để biểu-lộ cái tâm-tính ấy cho rõ-tỏ hơn mà thôi. Ấy văn-chương là thế... Còn ngoại-giả không phải là văn-chương, vì hai chữ văn-chương là hệ-trọng, xưa nay người ta thường lạm-dụng, nay phải hiểu cho rõ nghĩa mới được...

HẠN-MẠN DU-KÝ (1)

汗漫遊記

(Lời ký của một người đi chơi phiếm)

IV

IX

Từ Thượng-hải đến Nam-kinh. — Kim-lăng điếu-cổ. — Câu chuyện người Triều-tiên

Khi tôi ở ngoài, mỗi lần ly xứ này sang xứ khác, vô-luận cái nơi mình đã ở phồn-hoa đô-hội thế nào, mà khi bước chân ra đi, cũng như thoát khổ-hải mà lên bỉ-ngạn. Ôi ! Tâm-lý những người lưu-lạc vẫn như thế, có trải mới từng ; mùi phong-trần nếm mãi cũng không chán, cũng vì cái hi-vọng của mình thường treo trước mắt.

Tôi tự nhỏ vốn là con nhà Hán-học ; nay lại được đến chỗ thủ-đô Hán-học, mà theo - đòi nghiệp học, nghĩ cái cảnh-ngộ như thế đã là may. Ai ngờ con tạo bất-tình, hay dời - đổi con đường hướng-vãng của người ta ; cái hi-vọng tiền-đồ cũng là một cái ảo-cảnh !

Ngày mùng 10 tháng 2 năm ấy, tàu Nhật-bản vừa đến Thượng-hải, tôi cùng người Hoa-hữu vào nghỉ nhà Khách-sạn ở Anh-tô-giới. Đến 7 giờ rưỡi ngày 13, đáp xe hỏa Hộ-Ninh (2) mà lên Phố - khẩu. (Thượng-hải lên Bắc-kinh có 2 lối : một lối đường bể, đáp tầu qua Giao-châu đến Thiên-tân ; một lối đi đường bộ, đáp xe hỏa đi Phố-khẩu, lại từ Phố-khẩu đáp xe đi một ngày một đêm thì đến Thiên-tân. Hai lối ấy đến Thiên-tân đều phải đáp xe hỏa mà lên Bắc-kinh.)

Nếu tôi đi ngay đường bể, chắc là tới Kinh từ bao giờ. Vì người bạn tôi muốn qua Kim-lăng thăm bạn, tôi cũng muốn đi bộ mà xem phong-cảnh Nội-địa Trung-quốc ra thế nào. Quá 2 giờ chiều, xe đến Hạ-quan (下關) chúng tôi cùng vào thành Nam-kinh ; định nghỉ dấy một ngày, để hôm sau sang bên Phố-khẩu mà đáp xe lên Bắc. Bấy giờ đang thời Mãn-Thanh, phong-trào cách-mệnh âm-thầm trong nước. Chính-phủ giò - thám bọn cách-đảng càng ngặt, hễ có người vào hàng quán, là cảnh - binh đến kiểm-soát hành-lý tức thì, nhất là thấy người Trung-quốc hủi tóc mặc đồ tây lại càng chú-ý lắm.

Người bạn tôi lưu-học Nhật-Bản đã lâu, vốn mặc đồ tây, tôi lúc đi ra ngoài cũng cải - trang như học-sinh Trung-quốc. Lúc mới đến Thượng-hải, người bạn tôi đã nói : « Hễ vào đất Trung-quốc bây giờ, mà đầu không có bim, mình không mặc áo dài, thì cái hình-tích dễ làm cho người ta nghi lắm ». Chúng tôi mỗi người phải mua một cái bim dả và hai cái áo dài. Lúc lên xe, ngồi nhìn nhau cứ buồn cười ; vì mỗi người có cái đuôi heo lủng-lẳng đằng sau gáy.

Lúc vào nhà trọ, cơm tối rồi, người bạn tôi đi ra ngoài một lúc. Vừa về, thì có 5, 6 người cảnh-binh theo vào ngay. Xét đồ hành-lý thấy có 2 khẩu súng tay. Thương ôi ! Hào-dật như người bạn tôi, bấy giờ mặt nhợt tay

(1) Xem N. P. từ số 38.

(2) Hộ-ninh là con đường xe hỏa từ Thượng hải tới Nam-kinh.

run như người sắp đem ra chịu hình-lục. Cảnh-binh soát rồi, giải cả hai người chúng tôi và đồ hành-lý vào nhà Cảnh-sát, giữ mỗi người một nơi.

Sáng hôm sau, hồi 7 giờ, có người Quân-quan đeo gươm đến mà hỏi căn-cước tôi. Tôi mượn dấy bút cứ thực mà khai. Người Quan nói : « Phải, tối hôm qua tên kia cũng khai thế. Trưởng-quan đã truyền tha cho anh là kẻ vô-tội. Song đi Bắc-kinh thì nguy-hiểm cho anh lắm, anh nghe tôi, lui về Thượng-hải còn hơn ». — Tôi hỏi : « Vì cớ gì ? » — Người Quân-quan nói : « Anh đã biết việc cảnh-sát bây giờ phòng-giữ cách-đảng ngặt lắm, anh lạ-lùng đến đấy, tiếng nói không rõ, đủ làm cho người ta nghi. Khi đã tình-nghi, người ta phải hạ độc-thủ, còn ai biện-bạch hư-thực cho anh nữa. Này, đêm hôm qua, nếu không có người bạn anh biện-oan cho anh, thì hôm nay tôi cũng không còn thừa thì - giờ mà hỏi truyện anh ». Tôi nghe nói kinh-hãi ; nhân hỏi người bạn tôi ra thế nào? — Người quân-quan nói : « Bạn anh lúc phải bắt đã tự-nhận mình là cách-đảng ; là người phản-đối với Chính-phủ, lưu-học Nhật-bản đã lâu, nay về Kim-lăng mà hỏi thăm người bạn cũ. Không ngờ chính người bạn lại đi báo mình. Thế là tự mình lại chui vào lưới. Người này sẽ mắc tội nặng, song con người can-đảm khí - khái cũng đáng khen ». Lúc nói nghe có ý ân-hận. Tôi nhân nói : « Ngài đã tiếc là một người tráng-sĩ, vậy ngài có thể mà giải-cứu được chăng ? » — Người quân-quan thở dài mà nói rằng : « Tôi cung-chức đã 5 năm nay, chính tay tôi bắt cách-đảng cũng nhiều ; có khi giọt lệ cảm-tình của tôi cũng không dám tự-do mà nhỏ xuống. Còn nói cứu gì được ai ». Nói rồi lại hỏi tôi : « Từ trước anh đã đến Kim-lăng lần nào chưa ? Nếu chưa, tôi sẽ giới-thiệu với một người bạn để đưa đi chơi các chỗ. Chơi rồi, phải đi nơi khác, vì đất Trung-quốc ngày nay không phải là nơi « Lạc-thổ ». — Khi ấy người quân-quan bèn dẫn tôi đến chỗ Công-sảnh để chào người Cảnh-trưởng và giao đồ hành-lý trả tôi, bảo tôi lui ra.

Tôi về nhà trọ đã quá 11 giờ, vừa ăn cơm xong, thấy có 4, 5 người học-sinh đưa thiếp-danh đến, thì là Lăng-quân và mấy người đồng-học nữa. Lăng-quân là học-sinh trường Cao-đẳng Sư-phạm ở Nam-kinh, tính ôn-hòa có vẻ trưởng-giả ; mới thấy tôi coi như người bạn cũ ; gọi chủ quán, thay đổi giường, nệm, bàn, ghế, lấy 2 ngọn bút, vài chục tờ dấy để làm đồ bút-đàm ; vì biết tôi chưa hiểu tiếng nước Tàu. Lăng-quân bảo tôi rằng : « Vừa đây thấy Mỗ-quân nói chuyện ; biết quí-hữu ở phương xa đến, gặp chút hư-kinh, chúng tôi lấy làm ái-ngại ; nay được bồi-tiếp ở đấy, thực vui lòng lắm. Quí-hữu có muốn đi chơi Kim-lăng, tôi xin giẫn-đạo ». Nói rồi, lại cùng tôi phiếm-đàm các việc khác, trong lúc bút-đàm, lắm câu dễ nghe, như câu : 家既無歸何論覇死而無益不如生. Nhà đã không yên chi kể nước, chết mà vô-ích sống còn hơn..... » Biết Lăng-quân là một tay văn-sĩ. Một giờ chiều hôm ấy, Lăng-quân đưa tôi vào thăm học-đường, qui-mô rộng-rãi, có mấy trăm học-trò ở học. Chỗ ăn chỗ nghỉ, chỗ hội-khách, đều có phân - biệt, nhà trường làm kiểu tây, cao - ráo sáng-sủa lắm. Có vườn chơi mát, có trường thể-thao, có bãi cỏ rộng để học-trò đi chơi trong giờ nghỉ. Lăng-quân đưa tôi đến thăm các bạn, ai cũng ân-cần ủy-lạo, tỏ ra tình đồng-bệnh tương-lân. Lại đưa tôi vào thăm nhà tự-tập : thấy học-trò đang bạn 5 bạn 3, ngồi quanh bàn viết. Tôi nói : « Hẳn bây giờ là giờ làm văn ». — Lăng-quân nói : « Đây là chỗ tự-tập, chúng tôi ở nhà-trường, lúc nghỉ, thường hội nhau lại

nhà tự-tập, mà dịch sách ngoại-quốc. Như tiểu-thuyết lịch-sử giáo-khoa và sách Nhật-bản hay sách Tây, tùy ý mình chọn. Dịch rồi, trình với Hiệu-trưởng, để đăng báo cho mọi người cùng xem. Vì thế mà trong nước tôi có sách xuất-bản nhiều lắm, đều là công các học-trò trong những giờ tự-tập. » Nhân hỏi tôi rằng : « Qui-quốc theo Tây-học đã lâu, tưởng những sách xuất-bản nay đã nhiều lắm thì phải. ». — Tôi nói : « Cũng có, mà phần nhiều là sách làm bằng quốc-văn ». Nói đến đấy, tôi tự lấy làm ngượng thay ! Đến 2 giờ, nghe tiếng chuông, gọi học-trò lên nhà học. Tôi xin cáo mà về. Lăng-quân cũng xin nghỉ 5 ngày, cùng về Khách-sạn với tôi, để đưa tôi đi xem phong-cảnh Nam-kinh.

Nam-kinh thuộc về phủ Giang-Ninh (江 寧), tỉnh Giang-tô (江 蘇). Xưa là địa-phận nước Ngô. Đời Tam-quốc, Đông-Tấn, Lưu-Tống, Nam-Tề, Lương, Trần đều đóng đô ở đó, cho nên gọi là « Lục-triều ». Đến đời Nam-Đường và Minh hái-tổ cũng định-đô ở đấy. Mỗi đời gọi một tên khac : « Kim-lăng (金 陵), Mạt-lăng (秣 陵), Kiến-nghiệp (建 業), Kiến-khang (建 康), Thăng-châu (昇 州), Tập-khánh (集 慶), cũng là đó. Minh gọi là Ứng-thiên-phủ (應 天 府), Mãn-Thanh theo tên cũ Nam-Đường gọi là Giang-ninh ; từ niên-hiệu Vĩnh-lạc về sau gọi là Nam-kinh, đến nay vẫn còn tên ấy. Thời Mãn-Thanh, Tổng-đốc Lưỡng-giang (Giang-tô, Tích-giang) và Bố-chính Giang-ninh cùng đóng ở đấy. Phủ-thành Nam-kinh ở bờ phía tây sông Dương-tử (揚 子 江). Chung-quang hơn 76 giặm, chia ra 13 cửa. Hoàng-thành ở sế về đông, dựa vào chân núi Chung-sơn (鐘 山) ; thời nhà Thanh lấy đấy làm trại cho Kỵ-quân đóng. Về mặt tây-nam có những dinh các quan người Hán, kho lương quân Thủy, Văn miếu, Sứ-quán các nước, trường-học Cao-đẳng, trường Sư-phạm, trường Lục-quân, các trường Thực-nghiệp, Thương-nghiệp, Công-nghiệp, trường Phương-ngôn và trường Trung-học. Sở Tuần-cảnh, các sở Thư-tín, Điện-báo, Quan-báo, Quan-thư cục, các xưởng Công-nghệ, và đúc-tiền. Phường-phố rộng-rãi, cửa hàng xan-xát. Đi xe hỏa Hỗ-ninh đến Hạ-quan, cứ cửa Kim-xuyên (金 川) đi vào, đến ngay dinh Tổng-đốc. Sông Tần-hoài chảy qua trong thành-phố, nước sông không được sạch lắm.

Cổ-tích các đời thì có Lăng Ngô-Đại-đế và lăng Minh-Thái-tổ ở núi Chung-sơn, Vũ-hoa đài ở mặt Nam, Huyền-vũ-hồ ở mặt Bắc, đều là chỗ người ta hay du-thưởng. Công-nghệ của người bản-xứ thì có nhung, đoạn, the, lụa và vóc là những hàng tốt hơn các xứ khác.

Kim-lăng điếu-cổ

Thành Kim-lăng ở trong con mắt người ta lúc du-lịch, cùng thành Kim-lăng ở trong tưởng-tượng người ta lúc đọc sách, thành ra hai cảnh khác nhau. Nam-kinh là nơi trung-tâm của Trung-quốc, hình-thế hiểm-yếu, sông núi ràng-rịt, như long-bàn hổ-cứ, cho nên lúc anh-hùng đua sức, nam bắc phân-tranh, đều lấy đấy làm chiến-trường. Đến nay, vô-luận sông núi đã biến-thiên, thời-đại đã xa-cách, khách-du đến đó còn có tấm lòng thương-kim hoài-cổ. Thành-thị phồn-hoa, đế-vương cung-quán đã trải mấy lần binh hỏa, dãi-dầu mấy kiếp tro tàn ; chính dân-cư trong thành cũng coi Nam-kinh là một nơi tạm-trú, không ai dám kiến-tạo gì cho bền-chặt lắm. Chỉ còn mấy mặt non xanh, bốn bề tàn-lũy là cái dấu-tích lịch-đại cố-đô. Còn cái dinh cái quán nào cũng là quang-cảnh tân-thời cả. Ôi ! đâu là Vũ-hoa-đài ? đâu là Yên-chi-tỉnh ? dấu cũ Lục-triều, chỉ trong mấy gốc thùy-dương, một vùng lân-hỏa ! Nhớ Phạm Sư-Mệnh

là người nhà Trần nước ta, lúc đi sứ Minh về qua Kim-lăng, có câu rằng : « 鉄塔石頭惟夜月. 烏衣朱雀只斜陽». (Tháp cổ Thạch-đầu vừng dạ-nguyệt, nền xưa Châu-tước bóng tà-dương) ; thực in như cái quang-cảnh khi tôi chơi đó.

Tôi trọ gần ngay bên sông Tần-hoài, buổi trời tây ác lặn, thuyền hoa đầy sông, nào là son phấn, nào là sinh-ca. Hơi gió thổi đêm khuya hiu-hắt, một vừng trăng trong-vắt lòng sông ; tiếng tranh tiếng địch càng nồng, như nghe tiên-nhạc não-nùng bên tai. Khiến người dưới nguyệt bên lan, ai là chẳng say vì tình mê vì cảnh ; nếu thực nghe những khúc « Hậu-đình-hoa » thì súc lòng dị-hận còn dến đâu nữa !

Hồ Huyền-vũ (玄武) ở về phía nam thành Nam-kinh, từ đời Đông-Tấn vẫn lấy đấy làm nơi thắng-cảnh. Dựa hồ có cái gò, trên có cất lầu quán. Lăng-quân đưa tôi đi thuyền ra chơi đó, lần hết nẻo này leo sang đống khác ; lúc về, đồ bộ vòng theo tường thành mà đi. Đến một cái vườn đào nho-nhỏ ; kia chân Bạch-lộ, nọ đài Phượng-hoàng ; sực nhớ đến Đào-ẩn-cư ngày nào đẩy xe đi về, vui cùng sơn-thủy, mà nay thì bóng người đã vắng ; mấy làn ngấn nước, đôi tiếng hàn-nha, thêm ngao-ngán nỗi cảnh kim người cổ ! Lăng-quân lại đưa tôi vào thăm một người bạn, nhà ở bên hồ. Trong cửa có hai giẩy vừa đào vừa mậ . mới trông biết ngay là nhà người ẩn-sĩ. Lăng-quân bảo tôi rằng : « Chủ-nhân đây cũng là một người kỳ, ẩn-cư đây đã lâu ; bạn cùng tôi từ ngày còn nhỏ, thường đi lại cùng nhau. Ngô-huynh cũng nên vào chơi, mượn thú cúc-tòng để tiêu trần-lụy một đôi chút. » Khách vào một lúc, chủ-nhân ra đón, người chừng 40 tuổi, có phong-tư đạo-sĩ. Chủ khách chào hỏi ân-cần ; chung-quanh có lồng chim chậu cá, cái thú-vị làm-toàn không lấy bút mực mà chép cho hết được. Trời đã tối, chủ-nhân cố-ý lưu-khách, mà chúng tôi cũng cảm hậu-tình phải nghỉ lại đó. Trò-chuyện cả đêm chén nước trước song, cung đàn dưới nguyệt, tâm-thần gửi áng mây vàng, có khi cũng quên hẳn mình là đương làm người khách ở nơi dị-hương vậy. Tôi nhân hỏi chủ-nhân rằng :

« Thế-giới như ngày nay, phong-trào « cạnh-tranh càng ngày càng kịch. « Đại-trượng phu sinh ở thời, cũng « nên đi cho cùng bốn bể, học cho « khắp năm châu, thu lấy mấy Mỹ « mưa Âu mà tắm-nhuận cho thiên-« hạ. Nay ngô-huynh cứ ngao-du cả « năm, tự-túc một chỗ. Nhàn thì nhàn « thật, song cái lương-tâm của ngài « đối với xã hội nghĩ ra làm sao ? » — Chủ-nhân nói : « Không phải là tôi « không biết cái phong-trào cạnh-« tranh ở đời này ; không phải là tôi « không biết cái nghĩa-vụ đối với xã-« hội. Tuy-nhiên, thế-giới xã-hội, chỉ « là một cái khổ-hải mênh-mang, đem « loài người ta trầm-luân trong vĩnh-« kiếp, các anh lấy làm nghĩa-vụ, lấy « làm cạnh-tranh, thực tự gieo mình « vào khổ-hải mà không biết. Anh ôi ! « không phải là tôi ngồi không ở đây « mà ăn hại trời-đất, trốn nợ ở đời. « Nhưng thử mở mắt mà trông, biết « bao nhiêu là rắn rết, bao nhiêu là « chông-gai ở trước mắt. Người có sao « mà không yêu nhân-loại đồng-bào, « chỉ lấy cầm-điểu làm bầu-bạn ? cũng « vì nhân-loại đồng-bào đối với ta vị-« tất có vong-cơ bằng là chim đồng « vịt nước. Anh không thấy tâm-lý « người ta bây giờ hay sao ? chỉ su-« hướng về thế-lợi, có kể gì đến lẽ-« nghĩa ; kẻ khéo phùng-nghênh là có « tài, kẻ khéo biến-trá là được phúc. « Ai có kể đến tài học, ai có mượn « mình ưu-ái ; bôn-tẩu mãi cũng nhọc « xác, hô-hào lắm cũng hết hơi. Chi « bằng mượn thú ngư-tiều, tiêu-dao tự-

« thích ; tự mình biết mình, tự mình « qui mình ; các anh cầu tự-do trong « trường tranh-cạnh, mà tôi cầu tự-« do trong thú yên-hà. » — Tôi nói : « Tôi nghe quân-tử không tư-lợi một « mình. Cứ như lời đạo-hữu nói, « thời trong thế-giới tất phải không « còn ai gây ra việc can-qua, không « còn ai thiết đến sự tranh-cạnh mới « được. Còn như thế-giới ngày nay « mà mình chỉ vui-thú lâm-toàn, « bạn-bè ngư-điếu ; riêng một trời « đất trong gia-đình, tự lấy làm « thái-bình vô-lự, thì kẻ viễn-nhân « này chưa dám cho làm phải. » — Chủ-nhân nói : « Các anh lầm « rồi ! thử ngồi mà xem cái cảnh-« tượng nước Trung-hoa, sau khi mười « năm nữa ra thế nào thì đã biết. Nay « chúng ta gặp nhau trong chốn giang-« hồ, chỉ nên lấy chuyện giang-hồ « làm tiêu-khiển. »

Bấy giờ ba người chung nhau ngọn đèn, bút-đàm cho đến sáng. *Dưới thềm tiếng dế đìu-hiu, hưng-vong chuyện đến cựu-triều chuyện đi.* Hôm sau chúng tôi tạ-từ chủ-nhân mà về khách-sạn.

* * *

Câu chuyện người Triều-tiên

Tôi lưu-liên ở Nam-kinh vừa được 4 ngày. Lăng-quân chợt đến bảo tôi có tiếp thư Trần-quân là người bạn ở Thượng-hải nói có một người An-nam ở đó muốn gặp mặt tôi. Vì Lăng-quân có thư cho Trần-quân ở Thượng-hải mà nói hành-chỉ tôi ở Nam-kinh. Tôi mới nghe, còn bỡ-ngỡ, song chắc là có kẻ đồng-hương với mình ở đó thật. Liền đính ngày mà đi ngay.

Ngày 21, tháng 2, tôi từ Lăng-quân mà đi Thượng-hải. Lúc đi, Lăng-quân và người quan-quân cũng ra bến xe hỏa mà tiễn. Lăng-quân đưa cho tôi mấy cái thư giới-thiệu với Phạm-mỗ, Trần-mỗ cùng mấy người bạn khác ở Thượng-hải. Và nói người đồng-hương của tôi nay hiện ngụ nhà Trần-mỗ.

Lúc đến Thượng-hải, tôi tìm vào ngay nhà Trần-mỗ. Trần-quân nói : « Người đồng-hương anh vừa ra khỏi, chờ một chốc sẽ về đây ». Lúc Trần-quân dẫn người ấy đến, thì là một người sinh-bình tôi chưa hề quen biết. Tôi lấy tiếng Annam mà hỏi. Người ấy không trả lời. Tôi nghĩ hoặc người này ra ngoài đã lâu, tập cách giao-thiệp ngoại-quốc (Khi có người ngoài ở trước mặt, không lấy tiếng thổ-âm mà nói truyện riêng). Bấy giờ tôi hối là mình suất-lược. Người kia nói tiếng Nhật với Trần-quân một lúc, tôi không hiểu là nói gì. Trần-quân ngoảnh lại bảo tôi rằng : « Tôi có việc tạm lui, hai anh ở đây mà nói truyện ». Lúc Trần-quân ra rồi, tôi lại lấy tiếng Annam mà hỏi lai-lịch. Người kia cứ nín lặng. Các bạn đọc bài ký này, tưởng quang-cảnh chúng tôi bấy giờ có lấy làm lạ không ? — Tôi ra nơi đất khách, gần một năm, tai không nghe tiếng bản-quốc ; may gặp người đồng-hương, chỉ muốn cùng nhau trò-chuyện ; thế mà người này cứ trầm-trầm mặc-mặc, hỏi không nói, gọi không thưa ; không phải là việc bí-mật, không phải là người điếc người câm ; vậy cái quái gì mà thế ? Tôi tức mình đứng phắt lên và nói : « Anh không chuyện cùng tôi, có ý nghi tôi, vậy gọi tôi đến đây mà làm gì ? Thôi xin từ-biệt. » — Người kia đứng ngay dạy, kéo lấy tay tôi. Rồi lấy ngón tay viết trên bàn : « 少待毋躁 » nghĩa là bảo tôi thong-thả đừng nóng. Xem người trầm-mặc, có bộ buồn, cái cảm-tình đồng-bệnh tương-lân đã lộ ra nét mặt. Tôi cũng nguôi lòng ngồi xuống. Người kia lại viết : « 姑待筆談 ». Viết rồi, ra ngay khỏi nhà khách ; sợ tôi hỏi nữa chăng. Tôi ngồi một mình,

cứ thiên-tư vạn-tưởng không hiểu ra làm sao : hay là người này ra ngoại-quốc từ lúc còn nhỏ, mà quên hết tiếng xứ mình đi chăng ? Song cứ lời Lăng-quân nói, thì người này mới đến Thượng-hải từ năm ngoái, có đâu đã quên tiếng chóng thế. Hay người này là con một người Hoa-kiều ở Annam, các người ngộ-nhận là người Annam chăng? Không phải, các người đã bảo người này là một người chí-sĩ. Nghĩ bọn Hoa-kiều trú-ngụ nước ta mà kiếm lợi ; lúc ra ngoài gặp người ta ở đâu lại tránh mặt. Ăn nhờ Annam, ở nhờ Annam, vợ đẹp của nhiều cũng là nhờ Annam ; thế mà ra khỏi đất Annam thì đem lời phỉ-báng. Như Mỗ-quân cũng là người có tiếng, qua ngụ nước Nam mấy tháng lấy được bao nhiêu tiền đem đi, lúc đi, còn nói với người ta rằng : «Người Annam không có nhân-tính ». Nay lại có người giả-danh làm chí-sĩ Annam để cầu cho người ta ấm-tí, vô-sỉ biết là dường nào !

Tôi đang ngồi đang nghĩ, thấy người kia hớn-hở cầm giấy bút đến ; bảo tôi ngồi xuống ; lại đứng lên khóa cửa, rồi mở tờ giấy dài ra mà viết. Chữ thảo nhanh lắm, luôn-luôn như người viết thư ; chưa đầy mấy phút đồng-hồ, đã đầy một tờ giấy. Viết rồi đưa cho tôi xem.

Trong cái giấy người ấy viết, dịch ra như thế này : « Tôi là một người Tam-« Hàn, với quí-hữu cũng đồng-văn « đồng-chủng ; cho nên người ở Nam-« hải, người ở Đông-hải mà vẫn có « cảm-tình cùng nhau. Từ tây-lịch « năm 1894, nhân cái Trung-Nhật điều-« ước ở thành Mã-quan mà nước tôi « mắc vào lung-lạc người Nhật-bản, « và thoát-li người Tầu. Kể đến năm « 1905, Nhật-bản đánh Nga lập điều-« ước tại Phác-ti-mao-tư mà nước tôi « thành ra nước Bảo-hộ của Nhật-bản. « Hàn-lịch năm Quang-vũ thứ 9, tháng « 11, Y-đẳng Bác-văn phụng-sứ sang « Hàn, để ký-kết điều-khoản Bảo-hộ. « Bấy giờ tôi đang ở Nhật cùng bọn « Lý-Nghi, và La Di-Vĩnh nghe tin, « bèn thượng-thư cho Y-đẳng nói hết « cái nghĩa « thần vong sỉ hàn », và lợi « hại trong hai nước. Nhân Mỗ-Quân « là một người nội-phản ở nước tôi, « muốn lấy lòng Sứ Nhật để cầu phú-« quí, dèm-pha chúng tôi với Y-đẳng. « Khi tôi vừa về đến Bình-nhưỡng, « gặp cái phong-trào chí-sĩ trong nước « phản-đối Nhật chính-phủ, cho tôi « vào đảng hiềm-nghi mà bắt giam hơn « 70 ngày. Lúc được tha, tôi đi ngay « sang Nhật mà lưu-học. Chẳng may « lại gặp cái án An Trọng-Côn, tôi lại « phải trốn về Thượng-hải. Như tôi « bấy giờ phiêu-lưu đất khách, tin « nhà không thông, bằng-bối tan-nát ; « nghĩ đến cố-hương lại càng đau-đớn. « Những người đồng-học với tôi, kẻ « thì chết, người thì bị bắt, một mình « còn sống tủi quê người, cũng mong « cố học, họa sau này có bổ-ích gì cho « Tổ-quốc chăng ; song còn ở đây, « trinh-thám Nhật-bản như rươi ; « người Triều-tiên nào đến đây, không « qua tai mắt họ được. Muốn xưng là « người Trung-hoa cũng khó, vì không « hiểu tiếng Trung-hoa. Bất-đắc-dĩ, « tôi phải xưng là người An-nam, để « nhờ người Trung-hoa đây dung-nạp. « Tội ác thay ! như tôi đã đem thân « hành-khất, còn mang lấy tội mạo-« danh. Quí-hữu là một người nghĩa-« hiệp, nghĩ đến tình huynh-đệ chi « quốc cũng nên dung-thứ cho tôi là « một người « vong-mệnh.

« Lý Nhất-Hiên kính trình ».

Tôi xem thư rồi, nghĩ người mà lại thương mình, hai hàng nước mắt không biết từ đâu dơi ra lã-chã, cùng một khách bên trời lẫn-dẫn, gặp-gỡ nhau há sẵn quen nhau, cái cảm-tình tôi với Lý Nhất-Hiên từ đấy càng thân-thiết mãi. Trong những ngày ở

Thượng-hải, lúc xem hoa vườn Mỹ, lúc thưởng-nguyệt sông Tô, đều có hình-ảnh hai người truy-tùy nhau. Một hôm nhân tôi hỏi đến lịch-sử nước Hàn, Lý-quân thuật lại dường có ý vô-cùng cảm-khái. Tôi xin lược-biên lời của Lý-quân nói ra sau này, cho các bạn đọc-báo được biết một nước đồng-văn của ta vậy.

Lịch-sử Triều-tiên

Địa-giới. — Triều-tiên là một cái « bán-đảo » ở về đông-nam châu Á. đông giáp bể Nhật-bản, tây giáp Hoàng-hải, bắc giáp Đông tam-tỉnh, Hải-sâm-uy và Tây-bá-lợi-á ; nam đối-ngạn với Cửu-châu của Nhật-bản, đông-nam đối với Đối-mã-đảo. Vị-chí trong địa-cầu từ đông kinh-tuyến độ 125°,5 phân cho đến độ 130°,50 phân, bắc vĩ-tuyến từ độ 33°,16 phân cho đến độ 41°,2 phân. Diện-tích được 8 vạn dặm vuông. Số dân có 6 triệu.

Núi, sông. — Núi cao nhất là Bạch-đầu-sơn, chia ra các chi trong toàn-quốc, cho nên người ta luận địa-lý Triều-tiên, gọi là một nước Ý-đại-lợi ở châu Á.

Trong bán-đảo Triều-tiên có lắm con sông lớn, như sông Đậu-mẫu, Áp-lục, Đại-đồng, Thanh-xuyên, Hán-giang, Cầm-giang, Lạc-đông ; có con sông dài 500 dặm, 700 dặm, 1.000 dặm mà chảy vào bể ; đã lợi cho việc bón tưới nhà làm ruộng, lại tiện cho đường vận-tải nhà buôn bán.

Cửa bể. — Có nhiều cửa bể lớn, tầu bể đậu được như : cảng Nguyên-sơn ở đông-ngạn, cảng Nhân-xuyên và cảng Tế-vật ở tây-ngạn, Trấn-hải-loan ở nam-ngạn.

Địa-hạt và cai-trị. — Trên miếng lục-địa núi thần bể biếc này, chúng tôi sinh-tụ lập nên một nước ở đấy đã hơn 4.300 năm. Khu-vực cai-trị chia ra làm 13 đạo : Kinh-kì, Trung-thanh, Toàn-la, Khánh-thượng, Giang-nguyên, Hàm-kính, An-bình, Hoàng-hải gọi là 8 đạo cũ ; Trung-thanh, Toàn-la, Khánh-thượng, Hàm-kính, An-bình lại chia ra Nam-đạo, Bắc-đạo gọi là 5 đạo mới.

Lịch-sử. — Sơn xuyên đã linh, sinh ra giống người cũng tốt. Ông cha chúng tôi đã có bao nhiêu công-nghiệp tân-cần, để khai-thác nên miếng đất này, cho chúng tôi cầy cấy mà ăn, tụ-tộc mà ở. Vì chúng tôi hèn, không giữ được công-nghiệp vẻ-vang của ông cha, cho nên thân chịu lưu-li cũng là phải. Tuy-nhiên, cái lịch-sử vinh-quang của ông cha chúng tôi, chúng tôi chưa hề quên đi được. Anh phải biết rằng : Nước tôi là một nước « thần-tạo » là một nước « tối-cổ ». — (Lý-quân viết đến đây, tinh-thần tự-đắc hiện ra nét mặt.)— Xưa có thần-nhân, tay cầm ba cái ấn, hiện xuống dưới cây gỗ đan ở núi Thái-Bạch. Quốc-nhân tôn lên làm chủ, gọi là Đàn-quân, vừa vào năm Mậu-thìn đời vua Đường-Nghiêu (trước tây lịch 1297 năm). Bấy giờ gọi nước là Triều-tiên ; truyền được 1480 năm, có Cơ-tử là quan Thái-sư nhà Ân, đem lễ-nghĩa văn-hóa Trung-quốc mà dạy dân nước tôi. Họ Cơ truyền được 900 năm, có Vệ-Mãn là người nước Yên sang xâm, mới phải thiên sang Nam-bộ, gọi là Mã-hàn, nay là Hoàng-hải-đạo. Vệ-Mãn lấy nước truyền được 3 đời, cả thảy có 87 năm, lại phải Hán Vũ-đế khua đuổi, chia đất ra làm 4 quận. Nam-bộ lại chia ra các bộ tự-trị như Mã-hàn, Thời-hàn, Biền-hàn ; vì thế nay gọi là «Tam-hàn ». Sau đổi tên là Cao-câu-li, Bách-tế và Tân-la. Cuộc tranh-chiến 6, 7 trăm năm thành ra cái thế « tam-phân-đỉnh-túc ».

Đến đời vua Thái-tổ Cao-ly, kiêm-tính cả Tân-la và Bách-tế, qui về một mối, gọi nước là Cao-Ly.

Đang đời các vua Quang-tôn, Hiển-tôn, có văn-hóa, có vũ-lực, đuổi được quân ngoài, vững được thế nước, đã nên một nước thái-bình. Từ Nghị-tôn trở đi, triều-chính mới sinh ra biến-loạn.

Trải 4 đời vua (Minh-tôn, Thần-tôn, Hi-tôn, Cao-tôn), có lũ cường-thần chuyên-chính là Thôi Trung-Hiến và Vũ Hằng-Nghị, quân-thượng vô-quyền, trực-thần bị giết, trong có loạn Kim-sơn, ngoài có loạn Mông-cổ, thế nước cơ-hồ kiệt-quệ.

Song lòng trời chưa nỡ cho nước Hàn tuyệt-duyệt, lại sinh ra một đấng anh-hùng. Lý Thành-Quế giúp vua Cung-mẫn, làm quan Quân-mã-sứ, đuổi được quân Nguyên, giẹp yên giặc bể. Có công cao đức lớn, sau được người nước thôi-tôn lên làm vua, gửi nước được 456 năm nữa. Lý Thành-Quế sau đổi tên là Lý-Đán, là vua Thái-tổ nước Triều-tiên ; thiên-đô ra Hán-dương ; thông-sứ với Minh, hoà-hảo với Nhật. Vũ-công văn-trị hơn cả mấy đời trước. Truyền đến 3, 4 đời sau, nhà-nước càng ngày càng tiến-bộ. Những nghề chữ in hoạt-bản, đồng-hồ, phong-vũ-châm, cũng là người nước tôi từ đời bấy giờ phát-minh ra trước.

Năm thứ 24 đời vua Tuyên-tổ, có Phong-thần-Tú-Cát là người Nhật-bản muốn đi nhờ đường nước tôi để vào đánh Trung-quốc. Vì nước tôi không chịu mà sinh ra oán-thù. Sau quân Nhật áp đến bờ cõi, vua Tuyên-tổ phải lánh ra Nghĩa-châu, chinh-chiến 8 năm các quận đều phải vỡ-lở. Bấy giờ nước tôi có Lý Thuấn-Thần là một người danh-tướng, tạo ra được thuyền thiết-giáp, đánh tan 10 vạn thủy-quân của Nhật-bản. Người Nhật đã chịu là « cổ-kim thủy-chiến chi đệ-nhất-nhân ». Anh-hùng thay ! Lý-tướng-quân ! được một người như tướng-quân cũng đủ vẻ-vang cho nước.

Tuy-nhiên, trong nước có kẻ trung-thần nghĩa-sĩ, hy-sinh tính-mệnh để chống-giữ lấy bờ-cõi, mà ngoài lại có kẻ đại-gian đại-ác làm cú làm cáo để hại cho nước. Thương ôi ! loài người ta đáng yêu, mà cũng đáng ghét vậy. Nước Hàn tôi từ triều Túc, Cảnh, cho đến Hiến, Triết, phải bọn ngoại-thích lộng-quyền, chính-sự tư-túi ; mà tình-thế nhà nước ngày một đổi-bại, di-duyên đến đời Quang-vũ, mà thành ra cái bệnh bất-cứu.

Triết-tôn đã mất, tự-quân là Quang-vũ còn nhỏ, Đại-viện-quân phải nhiếp-chính 10 năm, chính-quyền chưa thành thống - nhất. Gặp lúc phong-trào cải-cách, từ Âu Mỹ lan sang Á-đông, làm cho cái bán-đảo Triều-tiên cũng phải rung-động.

Nếu Đại-viện-quân hiểu rõ thời-thế, lấy tài dũng-cảm mà kiến-thiết tân-chính cho Triều-tiên, cũng là một cái cơ-hội rất tốt. Tiếc cho là người vô-học. Việc trị-nội chỉ dùng những trị-thuật riêng mình ; việc đối-ngoại chỉ dùng cái chính-sách bài-ngoại. Thương thay ! Đại-viện nhiếp-chính vừa được 10 năm, mà chốn cung-đình sinh ra đại - địch, cốt - nhục sinh ra cừu-thù. Tôn-xa 500 năm đến đó cũng thành ra quỉ đói !

Anh ơi ! Nước Hàn tôi không phải là không có chính-đảng ; song đảng nước người ta là đảng cứu-quốc, mà đảng nước tôi là đảng tranh-quyền. Đã tranh-quyền với người trong nước, phải viện thế-lực đến người ngoài. Trước viện quân Nhật đến, mà có cái điều-ước « Nhật-Hàn » năm bính-tí ; sau thêm quân Thanh đến, mà chốn điện-đình thành ra một trường đối-lũy của hai quân. Đã nhân hai quân Nhật Trung đánh nhau ở Bình-nhưỡng mà thế-lực Nhật-bản càng được mạnh hơn ; lại nhân việc giao-thiệp của Nhật-Nga, mà lấy Triều-tiên làm một cái vấn-đề « lợi-ích quân-chiêm » của các nước. Than ôi ! Trong hơn 30 năm

ấy, nước Hàn tôi đã thành ra miếng thịt trên bàn, để cho một đàn beo nó tranh-xé. Người đời ví nước Hàn tôi như đất « Ba-nhĩ-cán » bên Âu-châu là phải lắm. Ôi ! đứng trong tình-thế ấy, mà những người mưu-quốc còn không biết, còn chỉ bôn-tẩu để đỗ-lợi riêng, thì mong cho khỏi mất nước thế nào được.

Đến năm giáp - ngọ, có việc Nhật-Trung chinh-chiến, vì người Nga ngăn-trở Nhật-bản không cho lấy đất Liêu-đông, để mở-mang thế-lực mình vào đó, thì người Nhật đã cam-tâm với người Nga. Cho nên trận Lữ-thuận mà người Nhật đánh được người Nga, thì Tam Hàn tôi lại là cái đồ chiến-thắng của Nhật-bản.

Tây-lịch năm thứ 1905 (năm Quang-vũ thứ 9) ngày 5 tháng 9, Nga với Nhật định hòa-ước tại nước Mỹ ; Trong điều thứ 2 có nói rằng : « Nước Nga nhận cho nước Nhật có đặc-quyền chính-trị quân-sự và kinh-tế ở trong nước Hàn ». Từ đó thế-lực Nhật-bản lại bành-trướng.

Năm Quang-vũ thứ 9, ngày 2 tháng 11, Y-đằng-bác-văn phụng - sứ sang Hàn để lập cuộc Bảo-hộ. Gây nên cuộc này, cũng là vì bọn Nhất-tiến-hội, nhờ thế Bảo-hộ để nắm lấy chính-quyền. Y-đằng bắt quan Ngoại-vụ nước tôi, ký-nhận 5 điều bảo-hộ, mà Nhật-bản nghiễm-nhiên là ông chủ nước Hàn tôi ; bọn Phác Tế-Thuần, Lý Hoàn-Dụng cũng nhân dấy mà đắc-chí. Thương thay ! đang lúc quốc-gia đa-sự ; non sông biến-sắc, địa-đồ thay ngôi, cũng nhiều người được mũ cao áo dài, mà cũng nhiều người phải lan-lời ngọc-nát, như bọn Lý Tướng-Oa, Hàn Khuê-Oa An Bình-Toản, Triệu Bỉnh-Thế, Mãn Vịnh-Hoán, Hồng Vạn-Thực, Lý Tướng-Triết, Kim Phụng-Học, kẻ bỏ quan mà đi, người tự-tận mà chết.

Vậy bảo nước tôi là có người không được, mà bảo không có người thì sao nên. Chẳng qua ở trong cái thế-giới thiên-diễn này, sự mạnh được yếu thua là thế. Mình đã là người hèn-yếu, dù đi khắp các nơi khóc hết nước mắt, để cầu người ta lấy nghĩa-hiệp lân-cứu cho mình, cũng là vô-ích.

Xem như ngày 5, tháng 6, năm 1907, các nước có mở hội Hòa-bình tại thành Hải-nha nước Hà-lan, ủy-viên các nước có 47 người dự-hội, để công-đoán các án bất-bình trong thế-giới. Nước Hàn tôi có 3 người mật-sứ là Lý Tướng-Oa, Lý Tuấn, Lý Vĩ-Chung phụng-sắc Hàn - hoàng, xin vào dự hội. Ai ngờ trong chốn đôn-bàn ngọc-bạch, nghe chưa hết tiếng « khất-lân » đã thấy ra lệnh « khước-sứ ».

Nào những thế mà thôi. Tin mật-sứ vừa đưa đến Nhật-đình, thì Nhật-bản bắt Hàn-hoàng phải tốn-vị cho Thái-tử, đổi niên-hiệu là Long-hy. Quang-vũ phải thiên ra Khánh - vận - cung, không được dự đến quốc-chính. Và lại đính điều-ước, việc dụng-nhân hành-chính đều về quyền thống-giám của chính-phủ Nhật.

Ngày tháng 10, năm ngoái, ở bến xe hỏa Cáp-Nhĩ-tân, xảy ra một việc An Trọng-Côn ám-sát Y-đằng, mà cái mệnh-vận miếng đất Hải - đông này hoặc vì thế lại định hẳn cái chung-cục vậy...

Lý-quân viết đến đấy ném bút đứng lên, lấy khăn tay mà lau mặt, rồi lại ngồi xuống. Hai người cứ dựa ghế nhìn nhau, không nói gì nữa.

Lúc tôi mới đến Thượng-hải, Trần-quân nhân có việc đi Hàng-châu, để Lý Nhất-Hiên lại tiếp tôi. Lý-quân hiểu ít nhiều tiếng Thượng-hải, thường đến chỗ tôi ở mà nói chuyện. Việc giao-thiệp nơi nhà trọ, Lý-quân tự đảm-nhậm cả. Cách 5 ngày nữa, Trần-quân về, mới đón tôi về cùng một ngụ-sở.

Trần - quân là người hào-hiệp, có đảm - lược ; năm 17, 18 tuổi đã hứa -thân cho xã-hội, từng tán của nhà ức triệu để bôn - tẩu việc công. Bấy giờ Trần-quân 26, 27 tuổi, bôn-tẩu càng cần, đã có trọng-danh trong sài-bối. Trần-quân ở Thượng-hải, đã làm được những sự - nghiệp lớn-lao : những khoản cự - vạn cũng một tay vận-động. Tại ngụ-sở có lập một cái tạp-chí, để làm cơ-quan-báo cho đảng-nhân. Trần-quân bảo tôi dự vào việc biên-tập. Còn nhớ bấy giờ mỗi kỳ báo, tôi cũng giúp mấy câu tạp-trở, và sao - lục mấy cái công - văn của Thanh-đình, thù - kim mỗi tháng 40 đồng, là ý Trần-quân đặt ra có việc cho yên lòng kẻ luân-lạc.

Những người hào - hoa ở đất Thượng-hải, mỗi tháng mấy nghìn bạc cũng chưa đủ dụng; còn như tôi là một người lữ-khách, được chỗ yên thân đã là đủ, trừ 4, 5 đồng tiền xa-phí, còn dụng gì cho đến tiền. Vả Trần-quân đang bôn-tẩu việc trong đảng, kẻ đi người lại, tiền xe tiền thuyền, có khi ứng-phó không xuể, còn phải thiếu - thốn. Vậy tôi cố từ cái món tiền thù-kim ấy cũng là phải. Khen thay ! *Tấc lòng trời bể mênh-mang, một lời nên trọng nghìn vàng xem khinh ; có tình ta lại gặp tình, xưa nay hào-kiệt đã dành mấy tay.* Trong khi nước Tầu cách-mệnh, Trần-quân đã làm nên công cao nghiệp lớn, vị đến Đô-đốc, danh làm đang-khôi. Thế mà Trần-quân sau lại chết vì một tay cừu-nhân. *(Trần Kỳ-Mỹ chết ở lúc Viên Thế - Khải làm Tổng - thống).* Thương thay ! Đạo càng cao ma càng lớn ! Khiến cho lòng kẻ viễn-du nhớ đến phong-thái Trần-quân bao giờ, lại ngao-ngán nỗi « giai-nhân dị lão » !

Tôi định lên Bắc-kinh, không được lại phải ở lại Thượng-hải ít lâu. Ở đấy thực không có mục-đích gì, song cũng nhân mà được trải xem phong-cảnh.

Thượng-hải cũng có tên là Hỗ-Cảng, thuộc về đạo Hỗ-hải, phủ Tòng-giang, tỉnh Giang-tô, ở hạ-lưu sông Ngô-tòng. Năm Đạo-quang thứ 23 (1843) nhân cái « Hoa - Anh điều - ước » ở Nam-kinh, lấy Thượng-hải làm cửa thông - thương cho các nước. Trung-quốc có năm cửa thông - thương lớn, đấy là một. Trong cảng có tô-giới của các nước. Các công-ti xe hỏa ở về tô-giới nước Pháp ; các cửa hàng buôn-bán lớn ở về tô-giới nước Anh; các vườn hoa và bãi cỏ rộng ở về tô-giới nước-Mỹ ; lại có một chỗ tô-giới công ở giáp đất tô-giới của Anh, của Pháp. Thượng-hải huyện-thành ở về phía đông - bắc. Đất tô - giới phía bắc gọi là « Bắc-thị » ; đất tô-giới phía Nam gọi là «Nam-thị » ; Bắc-thị có hai đầu thiết-lộ Hỗ-ninh và Tòng-hỗ ; Nam-thị có một đầu thiết - lộ Hỗ - hàng. Song Bắc-thị không đông vui bằng Nam-thị.

Đường thủy có tầu đi sông, có tầu đi bể. Những bến tầu chạy bể ở một giải sông Hoàng-phố, những bến tầu đi sông ở một giải sông Ngô-tòng ; công-ty tầu hỏa thì nước nào cũng có ; Trung-quốc có chiêu-thương-cục ; Anh có công-ty Dy-hoa, Thụy-ký và Thái-cổ ; Pháp có Đông - phương - luân-thuyền-công-ty ; Mỹ có Hồng-an công-ty ; Đức có Mỹ-tối-thi công-ty ; Nhật-bản có Đại-bản-thương-thuyền hội-xã. Thực là một chỗ tụ-hội hàng - hóa ở các ngọn sông mặt bể. (1)

Trong các tô-giới, vừa dài vừa rộng. Tối đến đèn điện sáng như ban-ngày. Các cửa hàng lớn lấy đèn điện kết

(1) Từ Thượng hải đến Chi phù, 511 hải-lý, đến Ninh-ba 134 hải-lý, đến Phúc-châu 420 hải-lý, đến Hạ-môn 580 hải-lý, đến San đầu 705 hải-lý, đến Hương-cảng 826 hải-lý, đến Tràng-kỳ ở Nhật-bản 473 hải-lý, đến Đài-loan 376 hải-lý.

thành chữ biệu; trông xa như một đống lửa sáng rọi trên mặt đất. 5. 6 giờ chiều, đèn lửa đã sáng rực, trai lành gái tốt, kết lũ đi chơi trong thành-phố. Bọn tân-nữ-giới chỉ lấy đấu-kỳ khoe đẹp làm đắc-ý ; có 3 vật này là vật phát-biểu ra bên ngoài : 1° là nhỡn-kính, 2° là nhẫn kim-cương, 3° là kiểu áo mặc mới. Đến như lối búi tóc của con gái, thiên-hình vạn-trạng, không biết đâu mà kể, có người nói « lấy một tay thợ vẽ khéo vẽ hết một năm cũng không hết kiểu búi tóc của con gái Thượng-hải. »

Náo-nhiệt nhất là con đường Đại-mã-lộ ở trong tô-giới nước Anh. Mặt đường lát bằng gỗ, hai bên điếm-xá đều cất kiểu tây, hàng-hóa rực-rỡ. Từ góc đường Nam-kinh đến đường Tích-giang, dưới nhà lầu Ngũ-long Nhật-thăng, từ quá trưa cho đến tối, xe ngựa đi như nước chảy, thực có cái quang-cảnh người chen vai, xe chạm bánh.

Có người vịnh câu thơ phong-cảnh Thượng-hải rằng :

洋場風景尚繁華, 車馬紛馳眼欲花. 試向五龍樓外望, 遊人擁塞路三叉.

(Phố tây phong-cảnh thực phiền-hoa, xe ngựa tơi-bời mắt đã hoa. Ngoài cửa Ngũ-long trông lại ngắt, đường đi chen-chúc những người ta).

Bài thơ này là tả cái cảnh buổi chiều trong đường Nam-kinh. Song đây là nơi buôn-bán, không phải là chỗ du-quan. Thế mà những người vô-sự kéo đàn kéo lũ đi đâu, đầy đường chật lối, chướng-ngại cho người ta, qua đó mà xem thực là vui mà cũng thực là chán. Hàng cơm quán khách đông nhất là ở một giải cầu Dương-kinh về Anh tô-giới. Nhà hàng làm kiểu tây, chỉnh-khiết hơn các nơi khác trong toàn-quốc. Phòng trọ hạng nhất mỗi ngày 2 đồng, hạng nhì cũng một đồng trở lên. Người Trung-quốc đến ở Thượng-hải đông lắm ; khách-sạn nào cũng đầy ; nhất là trong lúc nội-loạn, những dân trong giải Tràng-giang đều đến đó mà tị-nạn, thật không có chỗ mà chứa hết người. Cho nên những năm binh-hỏa trong nội-địa, lại là năm được mùa cho hàng quán ở Thượng-hải. Ôi ! Tô-giới của các nước ở trong Trung-quốc, lại là những các phúc-đường cho người Trung-quốc.

Việc buôn-bán ở trong tô-giới, Pháp không bằng Anh mà Mỹ lại không bằng Pháp. Nhà tắm ở Thượng-hải có đặc-sắc hơn là ở Bắc-kinh và ở Nhật-bản : trong nhà trần-thiết tinh-khiết, khách thượng-hạng có phòng ngồi nghỉ, trong phòng có đèn điện, có quạt điện, có ghế, có bàn. Khách mới vào có người pha trà để khách ngồi xem báo mà đi sắm-sửa đồ tắm. Lúc tắm, khách vào một cái phòng nhỏ; trong phòng có cái chậu sứ lớn mà hình bù-giục vừa cho người ngồi ; bên có khăn mặt khăn lau, sà-phòng thơm. Có vòi nước lạnh và vòi nước nóng. Khách vào tắm có người lau mình cọ ghét. Lúc thay nước trong thùng, thì người hầu ra để khách tắm lấy. Khách tắm rồi lại vào phòng nghỉ ; người hầu lấy khăn nóng soa lưng và các nơi. Mỗi lần tắm như thế, tiền phí chừng 4, 5 hào. Đang mùa đông tháng rét, sương tuyết lạnh-lùng, người đi đường run không đi được ; lúc vào nhà tắm ấm-áp dị-thường, không biết là mùa rét nữa. Cho nên người ở Thượng-hải lấy cái món tiền phí tắm mùa đông là thứ tiền phí nhiều hơn hết.

Trong tô-giới nước nào cũng có một cái công-viên lớn, mà cái công-viên của Anh ở bên sông Hoàng-phố, thì không cho người Tầu được đến ; cảnh-sát thấy có người có bím thì khu-trục ra ngay ; ấy cũng là một sự lạ.

Báo-quán đông nhất là ở tô-giới Anh và Pháp. Thượng-hải có nhà *Thần-báo* là nhà báo cổ-cựu hơn, khai-biển đã hơn 40 năm nay mà sự-nghiệp trước-thuật cũng còn thịnh. Sở nhà in, sở thư-viện thì ở đâu cũng có, mà *Thương - vụ ấn - quán* thì qui-mô rộng-lớn hơn. Nhà Lĩnh-sự các nước, nhà Thương-hội, Ngân-hàng, Cảnh - sát, Điện - báo, Công-xưởng, Học-đường, đều rộng - rãi tráng-lệ. Ngồi xe điện mà trông sang hai bên, thấy hiệu cờ các nước phấp-phới trên đại-địa, thì biết cái địa-vị và thế-lực của các nước ra thế nào.

Đầu cùng tô-giới nước Pháp, là Từ-gia-hối, có cái Thiên-văn-đài của giáo-hội nước Pháp lập ra. Huyện-thành Thượng-hải ở phía bắc ; đường đi nhỏ-hẹp ; mới vào thành đã thấy những cửa hàng đồ trạm, đồ ngọc, đồ cổ, đồ mẫu, đồ đồng bầy ra la-liệt. Đây tôi không có thể kể cho hết nội-dung, cũng là đáng tiếc.

Phía Nam phủ-thành có miếu Cao-xương, có xưởng đóng thuyền, có cục chế-tạo ; trong có sở Công-học-đường của Chính-phủ Trung-quốc lập ra để chế đồ quân-khí.

Người Trung-quốc ở Thượng - hải có hơn 40 vạn, trong số ấy có đủ các hạng người, nào nhà Chính-trị, nhà Ngôn-luận, nhà Văn-học, nhà Thực-nghiệp, nhà Công-nghệ, nhà Buôn-bán, nhà Giáo-dục, đủ làm đại-biểu cho tính-chất dân-tộc trong một nước lớn. Mỗi nhà chiếm một địa-vị, khai một môn-hộ, đều có cái đặc-sắc hơn người. Cho đến kẻ làm trò con hát cũng nổi tiếng một thời, có người ả-đào mỗi tối tiền thưởng đến một nghìn bạc, có một vai tuồng mỗi tháng tiền công đến một nghìn hay là bảy tám trăm bạc. Ôi ! Cái tập-tục sa-hoa đến thế đã là cùng-cực.

Có 2 điều này, khách lạ đến đất Thượng-hải phải có ý-tứ : 1° là đò ngang, 2° là xe kéo. Lúc người ta đáp tầu đến Thượng - hải, phải kì nước xuống, tầu chưa vào bờ được. Tùy ý khách chọn một khách-sạn nào, giao trước đồ hành-lý cho người đón khách, rồi theo mà lên bờ. Thông-lệ các xứ, (Thượng-hải, Hương-cảng, Thiên-tân) thuyền đã vào cửa, khách-sạn cho người đem thiếp-danh đi đón khách.

Trong thiếp khai rõ tên hiệu nơi ở, và thể-thức trong nhà hàng. Khách hợp ý, nhận lấy thiếp-danh, giao đồ hành-lý cho người nhà hàng, rồi khách cũng theo mà lên bộ. Tiền đò-giang hay tiền xe-tay đã có người nhà hàng đại-lý. Nếu mình không biết, cứ bỡ-ngỡ thuê đò mà lên bờ, liền bị quân chở đò khi-biển mà sinh lôi-thôi lắm. Đại-khái : Lúc khách mới lên thuyền, lái đò chỉ lấy vài hào tiền công, khi thuyền đã lênh - đênh giữa sông, có ngay 2,3 đứa côn-đồ dọa khách lấy của, 5 đồng chẳng nghe, 10 đồng chẳng nghe. Thấy khách lạ mặt lại càng làm dữ, đứa kéo áo, đứa kéo tay, đứa chặt mũ, làm rõ mặt bạch-đoạt, có người nhân thế mà mất cả hành-lý.

Năm gần đây tôi lại sang Thượng-hải (in bộ *Âu-châu chiến sử*) nhân trên bờ có người quen, không vào khách-sạn, cứ thuê đò mà lên bờ, bị ngay quân lái đò dở mặt sách-nhiễu. Trước tôi còn nói ngọt, xin dãi răm đồng. Thuyền gần đến bờ, tôi thấy có một người Cảnh-binh An-nam ở đó. Tôi lên tiếng mà gọi : « Này, quân ăn-cướp bắt nó cho tôi ! » Cảnh-binh lại ngay. Quân trong thuyền nhẩy cả xuống nước mà trốn. Tôi được vô-sự mà lên bờ. — Cách cử-động quân phu xe cũng giống như vậy. Lúc khách lên xe, mặc-cả đến nơi nào, trả bao nhiêu tiền, chúng nó cũng thuận. Lúc đi, thường quanh đi lối khác, xem khách

có biết đường không. Nếu biết là khách chưa đến Thượng-hải bao giờ, thời cứ giắt đi tứ-tung, ước hơn một giờ, lựa chỗ vắng người, dọa khách mà lấy của. Đò-ngang và xe-kéo là quân khả-ố ở Thượng-hải. Tuy-nhiên, có điều khả-ố hơn là chỉ thi thủ-đoạn ấy với những người trong nước. Hễ thấy người ngoại-quốc thì vâng dạ một phép.

Công-nghiệp của nước Pháp mở-mang ở Thượng-hải

Nhân nói quang-cảnh Thượng-hải cũng nên lược-bầy công-nghiệp của nước Pháp đã kinh-doanh kiến-thiết ở Thượng-hải, là chỗ phồn-hoa đệ-nhất bên Á-đông.

Trong các tô-giới, nào Anh, nào Mỹ, và nước nào cũng có, mà ta chỉ thuật sự-công nước Pháp, vì nước Pháp có quan-hệ với ta, tưởng người nước ta ai cũng muốn nghe trước.

Tô-giới nước Pháp ở Thượng-hải ước như thành-phố Hanoi, mà quang-cảnh thì mấy mươi lần thịnh hơn. Một giẻo sông Hoàng-phố có những tầu lớn đi Âu-Mỹ, trên bờ có những công-ty tàu hỏa, những kho chứa hàng và những công-xưởng. Xe-ngựa ít mà hàng-hóa nhiều, việc buôn-bán vận-tải ở Thượng-hải lấy đấy làm trung-điểm. Mỗi năm quan-thuế thu vào cực nhiều, cho nên Pháp Chánh-phủ kinh-lý được nhiều việc vĩ-đại: đường-xá rộng-rãi, thành-phố sạch-sẽ, và các việc vệ-sinh trị-an, mà dân Trung-quốc cũng được hưởng một phần hạnh-phúc. Từ con đường Công-quán ở bờ sông Hoàng-phố qua Công-bộ-cục cho đến đường Trung-sơn (Route de Joffre), người Trung-quốc ở buôn-bán đông lắm. Có nhiều thổ-hóa như: vóc, nhiễu, vải, lụa. Dựa đường Trung-sơn, có một sở Trung-Pháp học-đường, lấy học-trò Trung-quốc vào học để truyền-bá cái văn-minh cho bọn thiếu-niên nước Tầu. Từ đường Trung-sơn đi xe điện đến Từ-gia-hối, có một cái Bác-vật-viện và một Thiên-văn-đài. Trường-học của Giáo-hội nước Pháp cũng lập ở đó. Một hôm lễ-bái, tôi có vào thăm trường-học, thấy thầy giáo đang giắt học-trò đi chơi trường thể-thao. Cách bảo-hộ, tình yêu-ấm thực là chu-tất. Trong nhà trường có hoa thơm bóng mát, u-tĩnh thanh-nhàn, tôi mới vào quên hẳn mình là người vừa ở trong phiền-hoa náo-nhiệt

Bên trường-học tức là Thiên-văn-đài là nơi có tiếng ở bên Á-đông. Trắc-nghiệm thực mà báo-cáo nhanh, những nhà hàng-hải bên Á-đông, được nhờ đó mà an-toàn nhiều lắm.

Đem đất tô-giới sánh với đất huyện-thành một bên chỉnh-khiết là dường nào, một bên hủ-lậu là dường nào, thực không khác thiên-đường với địa-ngục.

Trong tô-giới, có lính cảnh-sát, quá nửa là người Annam. Người Việt-Nam đi ra ngoài biết giữ tư-cách, biết trọng pháp-luật, đối với nhân-dân bảo-hộ có lòng từ-huệ, kiến-văn cũng rộng, nhân-cách cũng cao, khiến cho người Pháp ở dị-địa đối với người dân bảo-hộ lại càng thêm thân-mật. Trong thời-kỳ Âu-chiến vừa rồi, các tô-giới nước Pháp ở Trung-quốc, đều lấy lính Annam làm cảnh-binh, mà giữ-gìn được trật-tự an-ninh, thì biết người Annam ta thực có tư-cách làm việc.

Tiếc thay! được nơi tiện-lợi như thế, mà việc buôn-bán nước mình không chen-cạnh một chút. Trong tô-giới Thượng-hải chỉ có một hiệu « Nam-cách » bán hàng đồ thêu là người Annam. Nghe nói chủ-nhân hiệu Nam-cách nay đã tạ-thế, không biết con hay cháu có duy-trì phát-đạt được không.

X

Tại Thượng-hải gặp người đồng-hương

Một hôm, tôi tự nhà Trần-quân đi xe điện con đường Tân-ba-tử lên công-viên

ở tô-giới Mỹ. Khi ở Thượng-hải, tôi hay vào công-viên ấy mà chơi cho giải-trí. Hôm ấy, nhân buồn-bực khó-chịu, cơm trưa rồi, đi chơi phố ngay. Lúc đến công-viên, mới một giờ rưỡi, bóng nắng còn đương chang-chang, người giữ vườn chưa mở cửa, trong vườn chưa có người. Tôi bèn rẽ sang hướng tây mà đi.

Đi ước hơn mười phút, thấy có một xóm nhỏ của những người Trung-quốc ở trong đất tô-giới. Vào trong xóm, thấy hai bên đường ngổn-ngang những mồ-mả, coi mà kinh. Người Trung-quốc hay tin phong-thủy: người chết, không táng ngay, cứ để quan trần trên đất, chờ mấy năm tìm được huyệt tốt mới chôn. Đã dãi-dầu thây-xác kẻ chết, lại hại đến việc vệ-sinh cho người sống. Cái tập-tục hủ-bại ấy thực là đáng thương.

Đi qua mộ-địa, thì vào xóm nhà. Trong xóm có chừng vài mươi nhà ở, liền vách nhau; làm nghề dệt vải. Bên tay trái, có một cái vườn rộng ước 5, 6 mẫu, là nơi người trong xóm trồng hoa mà bán. Nhà người chủ cất trong giữa vườn; trước sân có cái trại lớn, để chứa những chậu hoa; trên mái lợp bằng thủy-tinh, để che mưa gió mà vẫn có bóng sáng. Trong vườn trồng đủ các thứ hoa. Có vài mươi người đàn-ông đàn-bà xới cỏ tưới cây. Vườn này không phải nhà người ẩn-dật, là chỗ trồng hoa để bán trong thành-phố.

Tôi vừa gõ cửa, người trong nhà bèn báo lên rằng: « Có người mua hoa », rồi ra đón tôi vào. Chủ nhà ra chào khách nói tiếng « Ninh-ba » (tiếng Thượng-hải), tôi không biểu là nói gì; mà chủ-nhân cũng không hiểu tiếng gì của tôi nói. Hai bên cứ nhìn nhau nín lặng. Sau gọi một người ở sau vườn lại; chào tôi, rồi nói một lúc tiếng Nhật. Tôi lấy tiếng Quảng-đông mà đáp rằng: « Ngộ ầm xúc dặt-bủn hòa ». Người kia nghe tiếng tôi, ra ý sửng-sốt; vỗ vai tôi mà nói ngay tiếng Annam rằng: « Hẳn anh là người Annam; đến làm gì đây »? Hai người nhìn nhau, như kinh, như ngạc, như mừng, như tủi, bốn mặt trông nhau mà cái tình « tha-hương cố-quốc » như có điện-khí giao-cảm với nhau. Tôi thẳng-thốt không kịp đáp, cứ hỏi lại: « Anh cũng là người Annam, đến đây làm gì thế »? Người kia nhách mép mà cười, nắm lấy tay tôi, giắt lại một cái ghế dài cùng ngồi xuống.

Ôi! tôi nói tiếng Quảng-đông, mà người ta nghe biết ngay là người Annam. Vì người Nam nói tiếng Tầu thế nào cũng còn giọng thổ-âm. Người Tầu nghe không biết mà người ta nghe biết ngay, ấy thực là một điều khi chúng tôi đi ra ngoài đã thí-nghiệm lắm.

Bấy giờ hai người ngồi trước sân trên một cái ghế mà hỏi lai-lịch nhau. Những người làm trong vườn đều xúm lại mà nghe, như xem đám diễn-kịch. Người đồng-hương tôi mặc một cái áo vải to, chân tay lam-lũ; song không lấy mình như thế mà ái-ngại, lại ra ý thương-hại cho tôi.

Một chốc chủ-nhân đến, chủ-nhân cũng là người hiếu-sự, biết ý chúng tôi, đuổi hết người nhà đi làm, mời chúng tôi vào trong nhà mà hỏi chuyện, bảo người đồng-hương tôi làm thông-ngôn. Chủ-nhân nói: « Từ lúc Nguyên-quân đến ở đây, tôi đã biết hẳn là một người thất-chí, không phải là bọn hạ-lưu. Tôi dù là người thôn-dã, song vẫn mộ tiếng anh-hùng. Các ngài đến đây, hẳn có mục-đích, nếu có tin-tức gì hay về tiền-đồ nước nhà, cho lão-nhân biết với, có việc gì mà bí-mật ». — Vì chủ-nhân cũng ngộ-nhận chúng tôi là bọn cách-mệnh ở Quảng-

đông. — Nguyên-quân nói : « Chúng tôi ở Quảng-đông vốn là học-sinh, không phải là người lạo-động, thực như lời chủ-nhân nói. Nhân năm trước lỡ việc hôn-nhân, tôi tức mình mà đi lưu-học Nhật-bản. Lúc đi không nói cho anh tôi biết. Bấy lâu lưu-lạc, học-hành không thành nghề gì, xấu-hổ không muốn về nơi cố-lý. Tôi đến đây vao ở với chủ-nhân, là cũng muốn lấy lao-khổ mà sám-hối tội ác. Nay anh em tôi lại gặp nhau, thực là cái hạnh-phúc trong gia-đình, mà ân ấm-lý của chủ-nhân không bao giờ mà quên được. Còn như việc khác, chúng tôi thực không biết gì cả ». — Nguyên-quân lại nói : « Nay tôi đã gặp anh tôi ở đây, chúng tôi phải trở về Quảng-đông». Chủ-nhân nói : « Được, tùy-liệncác thầy, tôi không dámcưỡng. Chỉ xin các thầy một vật gì làm kỷ-niệm, cho vẻ-vang trong nhà ». Nói rồi, vào lấy hai tờ giấy dỏ, bảo chúng tôi mỗi người ký tên một tờ. Tôi cầm tờ giấy mà đề ngay rằng : « 是處爲兄弟今生遇». Nguyên-quân cũng đề một tờ rằng : « 知君有松菊古人風 ». Đề rồi, đều tạ chủ-nhân mà ra đi.

Ra khỏi nhà vườn, Nguyên-quân hỏi tôi trọ đâu. — Tôi nói : trọ nhà Trần-mỗ. — Nguyên-quân lắc đầu mà nói : Nhà Trần-mỗ ở bên đường Mã-hoắc, tôi đã biết, từ hai tháng trước, tôi có đến chơi một lần. Trần-mỗ thật là một người quân-tử, mà hiện nay đang ở trong lúc nguy-hiểm. Không phải là nơi yên-toản cho chúng ta dong-thân được. Anh ơi ! thế thì anh ở nhà đi từ bao lâu ? — Tôi nói : Đã nửa năm. — Nguyên-quân nói : Thế thì kể ngày lưu-lạc của anh còn kém tôi vài năm. Ôi ! cái lưu-lạc này, sau ta phải lấy đâu làm qui-túc ? Anh có nghĩ đến chưa ? Khi tôi mới theo bạn đi ra, tưởng nhờ món tiền tặng-tống của anh em để tìm vào học-đường mà học. Lúc đến Hương-cảng thấy hết mọi kẻ đi ra ngoài, chỉ mưu cận-công, nào ai có chăm đến học-vấn. Tôi nghĩ chúng ta ly-hương khứ-lý, chẳng qua là cầu-học. Nếu cứ tự-thủ với nhau một chỗ, sao cũng có ngày phải tan. Học-tư không đủ thì chực lấy vào đâu, thực là làm trở-ngại cho tiền-đồ lũ thiếu-niên ta. Vì thế, lúc ở Cảng, tôi đã quyết-ý không nhận một đồng tiền tư-cấp của ai, cho đến của lưng tôi cũng tan cho anh em kỳ hết. Đại-khái, cảnh-ngộ ở đời, đứng ngay vào chỗ nguy, sau mới được yên, đứng ngay vào chỗ chết, sau mới được sống. Khi tôi li Hương-cảng, chỉ bằng theo cái tư-tưởng ấy mà liều nhắm mắt bước chân, thực là một người vượt biển không có vé-tầu cũng không có hành-lí. Tuy-nhiên, sơ-ý tôi không phải đi nhờ lưng người mà kiếm ăn ; chẳng qua chỉ lấy sức mình mà nuôi miệng. Lúc ở Cảng, tôi quen một người thủy-thủ ; có tìm cho tôi một việc đốt than trong tầu. Khi tầu đến Nhật-bản, tôi bèn lên bộ mà ở. Trong 3 năm ở Nhật, lịch-sử tôi còn dài, nay chưa kể hết cho anh nghe, đại-khái cái hành-kính tôi là vừa đi làm vừa đi học. Trước còn phải đi tìm làm công, sau được vào tràng mà học. Anh ôi ! có một quan Đốc-học người Nhật-bản thực là người ân-nhân của tôi, không bao giờ mà tôi quên được. Chậm mấy tháng nữa, tôi sẽ có bằng tốt-nghiệp. Ai ngờ biến-cố ở đâu đến, tôi phải bỏ học mà về Thượng-hải. Tôi đến đây từ tháng 7 tháng 8 năm ngoái, nhân-vật Thượng-hải, tôi đi lại hồ hết ; trước tôi đã vào một nhà báo-quán, làm việc dịch chữ Nhật ra chữ Tầu ; song không được lòng với người trong báo-quán, chẳng bao lâu mà tôi cũng từ việc mà ra. Tôi thực mộ tiếng Trần-quân. Từ mấy tháng trước, tôi có gặp mặt một lần ; trong lúc đông người, tôi cũng chưa nói rõ quốc-tịch.

Nhân người con gái nhà trọ làm

giới-thiệu, mà tôi biết chủ-nhân ở hoa-viên này. Tôi vào đó mà làm, mỗi tháng 8 đồng bạc công cũng đủ dụng. Anh ôi ! Phiền-hoa như đất Thượng-hải thiếu gì là hào-kiệt, mà không tìm được một người tri-kỷ để dung-thân. Tuy-nhiên, tôi chán lắm ! Tôi coi cái xóm nhỏ hẹp này còn có thú-vị. Cái tiền-đồ mình chưa biết ra làm sao, nếu cứ một đời lưu-lạc chịu ấm-tý ở tay người, còn mặt nào mà đối với người tri-kỷ. Trong đồng-bào mình còn không muốn lụy, huống chi người ngoài. Như việc tôi làm ở đây : cấy hoa nhổ cỏ, mượn thú cúc-tòng kẻ khác mà tiêu cái khối-lỗi của mình, cũng là đắc-kế. Song anh em mình đã gặp nhau ở đây, người trong vườn tất sinh-nghi, đây lại không phải là đất lạc-thổ. Nếu anh quyết-kế cùng tôi tính bề tự-lập, xin anh về Trần-ngụ lấy đồ hành-lý trọ chung với tôi. Ta sẽ cùng nhau tìm việc khác mà làm ».

Hôm sau, tôi với Nguyên-quán cùng thuê một cái gác nhỏ ở về tô-giới Mỹ. Nhờ một người giáo-sĩ đưa vào biên-chép sách-vở về giáo-hội của ông cố La-đức người nước Mỹ. Cố chi công cũng phải : cứ 2 trang ăn công một hào. Hai người viết mỗi ngày 3, 4 giờ được hơn 30 tờ (mỗi tờ 2 trang) công cũng được hơn 3 đồng bạc. Chúng tôi thuê một thằng đồng để sai vặt. Mỗi ngày làm 3, 4 giờ, mỗi buổi để một giờ mà học tiếng, còn giờ khác thì đi chơi các công-viên mà tiêu-khiển.

Hai người chúng tôi cứ sinh-nhai về nghề bút mực, hình-ảnh nhờ nhau, thấm-thoắt đã được một tháng, để thừa được 4, 5 mươi đồng bạc công ; tính cả tiền lưng, có đến gần một trăm bạc. Có người nghị-viên bàn cho chúng tôi rằng : ra kiếm-ăn nước ngoài, không gì bằng đi Nam-dương-quần-đảo mà làm công sở khai mỏ. Ước vài ba tháng nữa, chúng tôi sẽ có tư-phủ mà đi Nam-dương.

Một hôm trời đã chiều hôm, hiu-hiu gió bể, chúng tôi làm việc vừa xong, rủ nhau đi chơi phố. Nguyên-quán cao-hứng muốn vào tửu-lâu, tôi cũng hợp-ý ; bèn thuê xe đến ngay Đào-đào-quán ở trong tô-giới. Nguyên-quán cả năm không hay uống rượu, đã uống thì say, đã say hay hát. Hát không hiểu khúc, song tiếng trong mà cao ; cứ nghêu-ngao mấy câu cổ-phong, tự người ngoại-quốc nghe đã lấy làm kiêu-điệu lắm ; cho nên ngày ở Quế-lâm, thi tốt-nghiệp rồi, Nguyên-quán say rượu tay gõ miệng hát, anh em đồng-học đều khen là danh-ca. Chiều hôm ấy, rượu ngà-ngà, Nguyên-quán cũng đứng dạy mà hát. Cách phòng có một người khác, tên là Lưu-mỗ, là người Trực-lệ, hiện làm quan võ coi lính ở Quảng-tây, nghe Nguyên-quán hát, bèn vào phòng, chào nói tên họ, rồi hỏi Nguyên-quán : « Tôi nhớ năm xưa có gặp Quí-hữu một lần ở tại Đông-kinh nước Nhật ». Nguyên-quán nói : « Lâu ngày không nhớ cho rõ ». Khách lại hỏi : « Vừa nghe Quí-hữu hát ấy là điều gì » ? — Nguyên-quán nói : « Ấy là một điệu đặc-biệt ở phương nam ». — Khách nói : « Nghe tiếng bi mà tráng, nhiều hơi khẳng-khái, Nam-phương có điệu hát đến như thế ru ? » — Nói rồi, liền gọi thằng hầu lấy bút giấy, xin Nguyên-quán viết bài hát cho mà xem. Nguyên-quán cầm bút viết ngay.

Bài hát dịch ra như sau này :

« Trượng-phu không hay sé gan bẻ
« cột phù cương-thường ;

« Hà-tất tiêu-dao bốn bể, luân-lạc
« tha-hương.

« Trời nam nghìn dặm thẳm ; mây
« nước một mầu sương.

« Học không thành, công chẳng
« lập, trai-trẻ bao lâu mà đầu bạc ;
« trăm năm thân-thể bóng tà-dương.

« Vỗ tay mà hát, nghiêng đầu mà
« hỏi, trời đất mang-mang, ai là tri-kỷ

« lại đây cùng ta cạn một hồ-trường.

« *Hồ-trường ! hồ-trường ! ta biết rót* « *về đâu ?*

« *Rót về đông - phương, nước bể* « *Đông chầy xiết, sinh cuồng-lạn ;*

« *Rót về tây-phương, mưa Tây-sơn* « *từng trận chứa-chan ;*

« *Rót về bắc-phương, ngọn bắc-* « *phong vi-vụt, đá chạy cát dương ;*

« *Rót về nam-phương, trời nam mù-* « *mịt, có người quá chén như điên* « *như cuồng.*

« *Nào ai tỉnh, nào ai say, chỉ ta ta* « *biết lòng ta hay ;*

« *Nam-nhi sự-nghiệp ở hồ-thỉ, hà-tất cùng-sầu đối cổ cây.* »

Xem viết rồi, Lưu - quân vỗ vai Nguyên-quân mà nói : « Phải, phải rồi, anh là một người học-trò trong nhà trường ở Đông-kinh năm xưa. Các anh là người có chí ra học ngoại-quốc, tôi đã nghe người bạn thuật truyện đầu đuôi ; vậy anh có bằng tốt - nghiệp chưa ? Đã vào trường Cao-đẳng chưa ? Anh ở đây mà làm gì ? » — Nguyên-quân nói : « Chúng tôi là người lưu-lạc, nào được như các ngài sẵn có học-tư hoặc tư-phí, hoặc quan-phí, cứ tuần-tự mà học cho đến ngày tốt-nghiệp. Chẳng qua nay đây mai đó, là cái học-hiệu thiên-nhiên của chúng tôi. Từ khi phải li Nhật mà về Thượng-hải, những lần-lữa cho qua ngày ; rồi nữa bỏ đây mà đi cũng chưa có mục-đích gì cả. » Nguyên-quân lại lấy tiếng Nhật mà kể truyện đầu - đuôi hai người chúng tôi phải li Nhật, và quang-cảnh chúng tôi hiện ở đây.

Lưu-quân nói : « Các anh đã đi ra ngoài, lúc vô-sự, chỉ nên vào trường mà học-tập cái tri-thức về thực-nghiệp ; nếu bỏ phí thì giờ thực là đáng tiếc. Không nói chi việc xa, cứ kể việc làm-ăn. Cổ-nhân có câu nói : « Thi đỗ ba trường, một đời không đói ». Ở trong nội-địa Trung- quốc chúng - tôi này, phàm học-trò đã có bằng tốt-nghiệp, đi đâu cũng có việc làm. Như cảnh các anh bây giờ, chưa có việc gì làm cũng nên định một cái chỗ đứng cho vững, để làm tư-bản sinh-nhai. Địa-vị các anh không như địa-vị chúng tôi, nếu các anh cứ đông, tây, nam, bắc lông - bông cả năm, quen - biết rộng, nghị-luận cao, cũng không bổ - ích gì cho các anh cả Này tôi hiến-kế cho các anh : Tiếng nói Trung-quốc mỗi nơi một khác, cho nên chính người trong một tỉnh mà quan trên cũng khó biện-biệt được. Các anh khai ngay tên là một người trong tỉnh nào, lĩnh quan-phí mà vào học. Lúc vào trường chỉ biết việc học, chẳng còn nghe đến chuyện ngoài. Lúc có bằng tốt-nghiệp sẽ ra làm việc mà lập công, ấy là cái lập-cước của các anh đấy, cái đạo sinh-hoạt của các anh đấy. Tôi hiện làm quan ở Quế-lâm, trong bạn đồng-liêu cũng lắm người khá ; các anh có nghe, để tôi giới-thiệu vào học-đường Quảng-tây, nếu không được quan-phí thì chúng tôi giúp cho cũng tiện. Quảng-tây về phủ Thái-bình, có huyện Tư-lăng là đất tiếp-giáp với Quí-quốc, tiếng nói khác mà dọng nói hơi giống nhau. Các anh nhận là người Tư - lăng là phải ». Chúng tôi chưa kịp trả lời ; Lưu-quân lại nói : « Tôi coi các anh như anh em ruột, không nên khách-khí, nghĩ thế nào, các anh cứ nói thẳng ». — Nguyên-quân đứng lên nói : « Chúng tôi đương khi lưu-lạc, được Tiên-sinh chỉ đường mê-muội, mở lòng ấm-tí, thực cảm ơn vô-cùng. Hồi nghỉ năm trước, quan Đốc - trưởng Y-học đã tí-hộ tôi một phen ; sau nhân việc ý-ngoại, tôi phải bỏ học ; công không thành, đức chưa báo, bên lòng cảnh-cảnh đến nay chưa quên. Vì thế nghe lời Tiên-sinh nửa cảm nửa thương, vừa mừng vừa sợ ». — Lưu-quân nói :

« Tôi mong cho các anh đảm-nhậm được việc phận-sự mình là đủ. Còn việc ý-ngoại, ai mà liệu được. Phàm người ta làm hết phận-sự mình tức là báo-đáp tri-kỷ, hà-tất phải lo sa. Các anh cứ nghe lời tôi là phải. Hôm nay đã tối, xin hẹn ngày mai, 10 giờ sáng, các anh lại nhà trọ tôi nói chuyện. » Lưu-quân nói rồi, bắt tay chúng tôi mà cáo-biệt.

Tôi với Nguyên-quân về nhà trọ rồi, cứ nghĩ lời Lưu-quân nói, thêm ngao-ngán cho cái tiền-đồ mình, đã trải mấy lần tìm đường lướt sóng, mà nay hãy còn lênh-đênh trong sông khổ bến mê ; ở đời không sợ hoạn-nạn, chỉ lo hư-sinh. Như mình đã bôn-đông tẩu - tây, ăn cay uống đắng, có phải là sợ hoạn-nạn đâu, chỉ sợ chí lớn tài hèn, chiếc thân lưu - lạc ; rồi đây chẳng làm nên công-trạng gì, đem nắm xương tàn, gửi với cỏ cây nơi đất khách, nhân - sinh đến thế thời cũng đáng thương cho đời lắm thay ! Hai người cứ ngơ-ngẩn nhìn nhau, ngổn - ngang trăm mối, tiền-đồ chưa quyết ra làm sao. Nguyên-quân lại nói : « Chúng ta đã đến cái địa-bộ này, Nam, Bắc, Đông, Tây đi đâu mà không được. Thôi ! Tôi với anh, kể từ hôm nay vi-thủy, hẹn 4 năm nữa chỉ là một người học-sinh ; còn nghĩa bằng-hữu, tình cố-quốc, hãy để một bên, 4 năm sau ta sẽ định. » Thương-nghị rồi, chuông đã 5 giờ, chúng tôi đi nghỉ.

Sớm hôm sau, đúng 10 giờ chúng tôi đến chỗ Lưu-quân đã hẹn. Vừa đến, Lưu-quân đưa ngay ra một cái điện-tín, mà bảo chúng tôi rằng : « Này cái điện tôi sẽ gửi cho một người đương-đạo mà giới - thiệu cho các anh, còn chờ các anh ý-quyết thế nào để tôi sẽ gửi đi ». — Chúng tôi nói : « Xin phụng-giáo, chúng tôi đã quyết. » Lưu-quân gọi người hầu đem đi phát-đệ cái điện-tín ấy, và lưu chúng tôi lại mà nói chuyện. Lưu-quân bằng trạc tuổi chúng tôi, mà thái-độ ra vẻ trưởng-giả ; tính trầm-mặc, hay quả-quyết, có cách quân - nhân, không ra người văn-sĩ ; hoạch một kế hay nói một lời gì, cũng giản-lược, không hay văn-sức ; còn nhớ lời Lưu-quân bảo chúng tôi rằng : « Các anh đã tự-hứa là chí-sĩ, tôi xin trung-cáo các anh một lời : xưa nay chí-sĩ hết hô-hào, lại than-khóc, lao-khổ tinh-thần, tiêu-tụy thân-thể, rồi kết-cục lại chết về chí, nào có ích gì cho ai. Nhân-sinh ở đời phải bỏ những cái phiền-não vô-ích, mà tìm đường tiến-tu, học được một nghề, làm nổi một việc, ấy là cái khoái-lạc của người ta ở đấy. Còn cứ nói cho thật cao, bàn cho thật rộng, mà chung-qui làm không nên việc gì, như thế gọi là « hiếu-danh-chí-sĩ». Xem lời ngôn-luận, biết người cao-thượng, mà tinh-thần hoạt-bát là dường nào !

Cách 2 hôm nữa, Lưu-quân đến chỗ chúng tôi trọ, cho xem một cái phúc-điện, lời điện như thế này :

« Cứ điện chuẩn-y cho vào học, xin sức cho học-sinh phải đến ngay ».

Rồi lại đưa cho chúng tôi 120 đồng bạc, một cái công-văn cho quan sở-tại, và mấy cái thư gửi - gấp cho mấy người ở Quảng-tây, Lưu-quân lại nói : « Hành-trình lộ-phí tôi đã liệt ra một cái giấy khác, các anh cứ dở mà xem. Nay tôi có việc cần phải đi, xin chúc các anh đi đường được an-hảo ». Chúng tôi đang muốn nói lại, thì Lưu-quân liền gạt lời mà nói : « Không cần ngại phải khách - khí, nay tôi với phải xuống thuyền bây giờ. Các anh cũng nên thu - xếp hành-lý ; hậu-hội còn nhiều ».

Chúng tôi tiễn Lưu-quân ra bến tầu, các bạn của Lưu-quân ở Thượng-hải cùng đi tiễn có vài mươi người. Lưu-quân lên thuyền chừng nửa giờ, thì thuyền kéo neo. Chúng tôi ra về, không nói được câu gì nữa.

Các bạn đọc bài du-ký này thấy Lưu-quân có hẹn với tôi một ngày « hậu-hội » tưởng có ngày nào người hiệp-khách lại đến cho chúng tôi cảm-tạ chăng ? Tuy - nhiên, từ ngày cáo-biệt cho đến ngày tôi thảo bài du-ký này, thực chưa đến ngày hậu-hội. Có chăng 2 năm sau khi chúng tôi đã vào học - trường Quảng - tây, có tiếp cái danh-thiếp của Lưu-quân từ Bắc-kinh gửi đến, liên-liên hai chữ « Bình-An ». Đáng kính thay ! đáng trọng thay ! thật không có ngày nào mà tôi nỡ quên được !

(*Còn nữa*)

NGUYỄN BÁ-TRÁC

BÀN GÓP VỀ VẤN-ĐỀ CẢI-LƯƠNG HƯƠNG-CHÍNH

Nam-định le 28 Septembre 1920

Nam-phong Chủ-bút Phạm Tiên-sinh

Thưa ngài,

Nay tôi có bài bàn về việc cải-lương hương-chính gửi lên để ngài xem. Những lời nghị-luận của tôi cũng tự biết là những câu tầm-thường cả, chẳng có gì là ý-kiến đích - đáng đâu. Nhưng « ngu-giả thiên-lự tất hữu nhất đắc », cho nên cũng mạo-muội mà gửi lên đây, để ngài xem, hoặc có câu nào có thể bổ được vào những nơi khuyết-điểm về việc cải-lương hương-chính được chăng. Bài này năm 1918 tôi đã gửi tặng một quí-quan cai-trị, nhưng tiếc vì ngài lại ở trong hạt Trung-kỳ. Nay tôi thấy dư-luận về việc cải-lương nhiều, nên tôi lại gửi lên ngài.

Tôi thiển-nghĩ việc hương-thôn thì có 4 điều cần nhất : 1° tài-chính chung dân ; 2° việc thu nộp sưu-thuế ; 3° ngôi - thứ ; 4° tuần-phòng, 4 điều ấy chỉnh-đốn lại được, thì việc gì cũng dễ cả. Còn việc tục-lệ là việc không cần, họ sẽ tự-cải về sau.

Vậy, nơi hương-thôn không phải là không có tiền đâu. Đan-cử như một khoản lúa sương ; như làng độ 500 mẫu ruộng, mà thường-thu độ 0$50 một mẫu thì 500 × 5 = 250 $ 00. Còn rộng chung-dân để ra để tiêu việc dân có hoa-lợi, như làng có công-điền thì lại càng nhiều lắm. Về các tỉnh miền trên thì khí ít ruộng, tài-chính khí khó một tí, còn các tỉnh miền dưới ruộng nhiều thì lại càng dễ lắm. Phỏng không kể lúa sương và hoa-lợi ruộng, trong làng cóp - nhặt lại khoản này khoản khác, thì một năm cũng có thể thu được kha-khá. Nếu không chỉnh-đốn lại, để những tiền ấy tiêu vào việc công-ích, như mở hội buôn, hội kỹ-nghệ, hội học, mà chỉ cho kỳ-dịch tiêu đi, thì đã vô-ích dã đành, mà lại là cái ngòi cho họ lập bè - đảng kiện-cáo nhau rồi thù-hằn nhau, sinh ra trộm-cướp, và không ai biết thương ai nữa. Nếu trước nhất mà tài-chính chỉnh-đốn lại được thì cơ hưng-vượng ở hương-thôn độ trong 5, 3 năm sẽ trông thấy ngay. (Như chỉnh-đốn lại, mà cần phải đủ tiền chi-tiêu việc công, như riêng một khoản lúa sương, phỏng tăng lên 1 $ 00 hay 8, 9 hào một mẫu, hẳn các điền-hộ cũng bằng lòng, vì khi cấy-gặt cùng thuế-má không phải những-nhiễu gì cả). Sau nữa đến việc thu nộp sưu-thuế, cũng lại là cái ngòi sinh ra kiện-cáo nhau, vì cũng do có cái tài-lợi ở đấy. Trong 2 việc ấy minh - bạch rồi, đến việc ngôi - thứ

Hội kỷ-niệm Đại-Pháp Dân-quốc ở Hà-nội

Rạp các quan ngồi coi điểm binh

Kỷ-niệm-đài
dựng ở trước cửa nhà Hát Tây

[illegible] lúc điểm-binh và gần
[illegible] cho các quan võ

cũng cần lắm. Vì họp-tập trong một làng mấy trăm người ở với nhau, không có kẻ trên người dưới cho phân-minh thì thế nào cho thương-yêu với nhau được. Trong một làng cũng vi như trong một nhà, một nước, cũng phải có tôn-ty, có trật-tự mới được, mà lại khó hơn trong một nhà, một nước nữa, là trong một nhà đã có thiên-luân in vào trong óc người ta từ lúc lọt lòng ra, mà trong một nước đã có pháp-luật ràng-buộc người ta. Nay trong một làng thì thường có làng chẳng có một tí gì cả, chỉ một hai chữ tục-lệ mồm mà phân-định với nhau thôi, thì sao thương-yêu với nhau được. Trong ba việc ấy là việc rất cần ở trong hương-thôn; rồi đến việc tuần-phòng. Nếu không tuần-phòng cẩn-thận, thì những cái kết-quả việc chỉnh-đốn vừa nói ở trên, nếu tinh ra được lợi lộc gì thì lại vào tay trộm cướp mất cả, thì cũng không có thể sinh-tồn được. Vậy 4 việc ấy tôi tưởng là việc rất cần trong hương-thôn.

Những việc ấy nếu chỉnh-đốn rồi, sẽ nên nói đến tục-lệ. — Về việc tục-lệ, thì ý-kiến của tôi lại khác với ý-kiến nhiều người đã bàn đến xưa nay. Nhiều người thì chê hương-thôn hay tham miếng ăn, mà ý-kiến tôi thì khác. Vì tôi thấy những người hương-thôn thì phần nhiều người nghèo cực-khổ lắm, thậm-chí đến có nhiều người cả đời, nếu không có tục-lệ thì không được miếng cao-lương nào vào mồm; nếu những tục-lệ ấy bỏ đi, thì không phải là có lòng thương đến kẻ nghèo nơi hương-thôn vậy. Những việc ham-mê về ăn-uống là việc rất tầm-thường trong xã-hội, đường-đường chính-chính ai cũng biết như thế. Nhưng phàm sự có kinh lại phải có quyền, ở nơi hương-thôn ngày nay, chưa nên trách dân những điều ấy vội, hãy làm cách nào cho dân nghèo cho đủ miếng mà ăn, và cho những người hào-cường cho ra con người có ít nhiều học-thức, thì những điều ăn nống ấy chẳng bắt họ cải họ cũng tự-cải đi, việc gì mà phải cần những điều chưa cần vội. Và lại tài-chính hương-thôn chỉnh-đốn lại được, thì tiền công-dân cũng có bớt ra một khoản để chi-tiêu vào dấy cũng không sao, việc gì mà ai phải đóng-góp. (Đó là nói những tục-lệ thường, còn hoang-phí lắm thì đã có chỉ-dụ cấm. Duy có 1, 2 điều thực không thể kham được thì cũng nên bỏ đi. Tôi cũng có nói rõ trong bài bàn). Còn như bảo rằng tại miếng-ăn phần-biếu mà sinh ra kiện-cáo nhau, thì không phải lỗi tại miếng-ăn phần-biếu đâu, là lỗi tại ngôi-thứ. Phần-biếu tuy không đáng là bao nhiêu, nhưng thể-diện ở dấy nhiều, là một cái lễ-nghi phải như thế. Như Lỗ-hầu không biếu phần-trở cho Đại-phu mà đức Khổng-Tử đi, thì có vị phần-trở đâu. Nay nhỏ-nhặt ở hương-thôn không có miếng thịt biếu, có phải là vị miếng thịt đâu, là vị lệ-ngạch phải như thế.

Lại ý-kiến tôi nghĩ, việc chỉnh-đốn hương-thôn thì lại cần một điều này nữa, là khi đã cải-cách rồi thì lại phải có người giỏi mà duy-trì mới được, vì việc thủ-thành cũng không phải là dễ. Muốn cho có người thủ-thành thì tất phải là người có học-thức mới được. Người học-thức bây-giờ lấy ở đâu ra cho có? Lấy ở người phú-quí và đã có lịch-duyệt ra chăng? Không được, ai chịu về nơi hương-thôn làm chi, tất là phải « dĩ kỳ nhàn nhi-trị-kỳ-nhàn », lại ở kỳ-dịch mà thôi, mà kỳ-dịch lại không phải là bọn có học. Vậy nên, phải cần cho họ học. Học mong tiến-thủ cao-xa thì không phải đến họ, chỉ học cho biết luật-lệ, biết những việc hiện thi-hành bây-giờ, và ít nhiều luân-lý là đủ. Muốn cho họ chăm học, và họ tự buộc lấy mình mà học thì xin Chính-phủ mở cho kỳ

khảo kỳ-mục, là cái tôn-chỉ cho họ học để bước vào con đường tôn-trọng họ đang sùng-bái xưa nay, thì tôi chắc chẳng bao lâu những kỳ-mục sẽ ra con người có ít nhiều học-vấn cả, mà việc cải-lương hương-chính cũng mong thủ-thành được.

Những ý-kiến hèn-mọn của tôi như thế, đã kể cả trong bài của tôi, nay tôi lại tóm tắt lại đây, xin ngài lấy ý-kiến cao-minh của ngài suy-xét, xem có được câu nào thiết-dụng, thì ngài bàn bổ vào những nơi khuyết-điểm việc cải-lương, thì dân cũng được nhờ ngài lắm.

Nay kính

NGUYỄN NHƯ-NGỌC

***

Nơi hương-thôn Bắc-kỳ ta, các điều cần nên chỉnh-đốn, thì không gì bằng hương-chính. Vì nhiều điều tệ-đoan làm chậm mất cả sự văn-minh tiến-hóa, chỉ được một vài điều tục-lệ còn do-khả mà thôi.

Hoặc có kẻ bảo rằng quan-hệ đến văn-minh tiến-hóa thì không phải tại con nhà hương-thôn đâu, những người ấy chẳng qua chỉ chăm việc cầy ruộng nuôi tằm, mà cung binh-lương thuế-khóa thôi, còn việc văn-minh khai-hóa thì do ở các con nhà phú-quí và các con nhà ở nơi thị-thành, có lịch-duyệt mà gây-dựng nên, rồi những người ở hương-thôn chỉ chịu cái ảnh-hưởng mà tiến-hóa thôi.

Than ôi! Nói như thế là lầm, phàm người trong xã-hội đều có một cái chức-trách riêng với quốc-dân.

Lấy nhân-số mà so-sánh, một vạn người sinh-trưởng ở trong hương-thôn thì độ một người sinh-trưởng ở nơi thành-thị và phú-quí thôi. Nay một vạn người từ-chối, không chịu chức-trách gì, thì một người gánh-vác làm sao cho nổi!

Nay muốn cho dân ta chóng tiến-hóa lên được, thì chỉ bằng chỉnh-đốn lấy hương-chính mà gây lấy con nhà hương-thôn cho ra con nhà có học-thức, cử-động cho trúng-lý. Tìm những cách mà ngăn-cấm những tệ-đoan là những sự tham-nhũng, kiện-cáo, thù-hằn, là những điều ở hương-thôn ta ngày nay rất chìm-đắm vào trong vực sâu biển thẳm, mà không tỉnh-ngộ được, để đem lòng thương yêu nhau mà cùng nhau mưu đường sinh-hoạt, thì họa-may mới chóng bước chân vào nơi tiến-bộ được.

Nay xin kể những hiện-tình tệ-đoan nên chỉnh-đốn như sau này.

I. — Nói về những món tiền trong làng thu được, mà kỳ-dịch hà-lạm đi, và tệ-đoan về việc thu nộp sưu thuế mà sinh ra kiện-cáo thù-hằn.

1° Trong dân thì thường có công-điền công-trí, hay công-cố (là ruộng để tiêu việc công-dân), làng không có công-điền thì cũng có tư-điền công-trí (hạt nào ít ruộng lắm thì mới không có mà thôi). Thứ ruộng ấy là để tiêu việc công-dân, hoặc cấp cho lính, làm ruộng học-điền, hay là bút giấy cho chức việc trong làng, hoặc để làm đạo-điền, tư-điền;

2° Sông ngòi đầm chuôm, mỗi năm cũng bán được ít nhiều lợi tôm, cá;

3° Lúa sương, làng thì mỗi mẫu mỗi vụ thu độ một bó hoặc một gánh, hoặc tiền thì 5, 6 hào, tùy phong-tục từng làng khác nhau;

4° Khi gặt lúa rồi bán đồng không cho người nuôi vịt (lợi này nơi có nơi không);

5° Hoặc khi có việc tiêu chung, thì bổ nhân-suất hay bổ điền-mẫu;

6º Tiền thu vào khi mở hội ;

7º Tiền cheo ;

8º Tiền bán ngôi-thứ ;

9º Tiền thu nộp sưu thuế thừa.

Đại-khái như chính-cung thuế ruộng, nhiều làng có tục tính « nhất tam qui nhị » (là gồm cả hạng nhất hạng ba tính như hạng nhì), thì mỗi mẫu ước chừng thành chính-cung độ 1$70 hay 1$80 (số đó là ước chừng thôi, vì mỗi tỉnh thuế cao hạ khác nhau), lại tạp-tiêu (là tiền tiêu vặt chung dân), phụ-sưu (là tiền ruộng phải chịu cho sưu), tiền nhật-báo, tổng-sư, sưu thập-nhật và tiền nộp thay cho thuế đò, chợ v. v., cả thảy phỏng độ 2$30 hay 2$40 chi đấy. Như khoán nộp và không chi hết còn thừa, số thừa ấy là để tiêu việc chung dân.

Cũng có làng không có phụ-sưu, nhất là làng ít ruộng hay có công-điền quân-cấp, hay có ruộng riêng để nộp sưu, những làng ấy thì không có phụ-sưu. Cũng có làng nghèo quá, cùng-đinh siêu-tán, thường phải bổ thêm cho nội-đinh.

Trong 8 khoản trên, phàm xuất nhập là ở trong tay người đàn anh. Ruộng công thì tìm cách chia nhau mà cấy mà bán, có làng xâm-chiếm hết, có làng gần hết ; tiền thì nhân tiêu việc công ít, khai ra nhiều, không tiêu việc gì thì chia tay nhau, bảo là thu-trữ (là giữ cho dân) ; lúa sương cũng thế. Các đàn em chẳng biết đấy vào đâu ; phỏng có một hai người đàn em có gan, nhân khi việc công-tiêu mà đòi bởi lắm, mà lại được người đàn anh thu-trữ ấy bụng-giạ hợi khá thì đành tính-toán trả lại dân, nhưng mấy khi đã trả ngay, hoặc làm văn-tự nợ, hay cầm đất cầm nhà cho dân, chẳng qua viết làm cớ mà thôi, chớ khi nào đã dám lấy hay là đã nỡ lấy. Những món tiền ấy chẳng mất cũng như mất.

Như thế đã là bậc đàn anh tử-tế ; còn hạng không ra gì nữa, quen thói hà-hiếp, mặc-kệ hỏi, không thèm tự-hạ với ai là người không phải là đảng mình, đành muốn lên quan mà tính thì lên.

Bấy giờ mới tìm bè tìm đảng : đảng này bới nhau là hà-lạm món này ; đảng kia bới nhau là hà-lạm món kia ; hà-lạm thì có thực, nhưng chẳng có một tí chi là chứng-tá tờ-bồi minh-bạch cả, làm cho ai không phải đắp cùng chăn cũng có thể bảo là vu cả được.

Bởi vì ở hương-thôn xưa nay thường phần nhiều việc gì cũng nói mồm với nhau thôi, chẳng có tờ chữ gì. Kẻ hà-lạm đã khôn lại ngoan, bấy giờ mới tìm đường tìm cách để gỡ mình, thà mất ở ngoài chớ không chịu trả cho làng, mà chịu thua lựa kẻ khác.

Đã giắt nhau đi kiện là can-hệ đến thể-diện mình, kẻ được người thua, về ăn-ngồi với nhau nơi đình-trung không yên, khích-bác nhau, thậm-chí đến đánh chửi nhau mà lại đi kiện, hoặc tìm cách này cách khác mà hại nhau, hoặc có khi lấy ra đến nhân-mạng. Cũng có kẻ đến khuynh-gia bại-sản, mà không thôi ; có nhà thù-hằn để mãi đến đời con đời cháu mà chưa hết ; quên cả đường khôn lẽ phải, mất cả nghĩa đồng-bào mà không tưởng gì đến đường sinh-hoạt.

Truy-nguyên cái họa-căn, thực là ghê-gớm !

Còn khoản thứ 9 thì cái họa-căn cũng chẳng kém gì những khoản trên. Tục-lệ dân thì phải có tạp-tiêu, là khi phải lên đồn xuống phủ, đò giang ăn uống, việc này việc khác, thì những chức-dịch như chánh phó tổng, tiên thứ chỉ, chánh phó lý, phần-thu giáp-mục, trương-tuần, trương-xóm, xã-đoàn hay khán-thủ, gặp ai thì người ấy phải ứng-biện, đến kỳ bổ-thuế, thì sẽ tính mà bắt ruộng trả lại. Nhưng

phỏng người nào ứng độ 1 $ 00, thì tính thành 3,4 đồng ; quan-viên không ứng-biện, thì cũng muốn chấm-mút vào một hai tí mới chịu tính, loanh-quanh mãi không tính xong, gần đến kỳ phải nộp mới tính được, vì còn gán-gấp với nhau mãi. Thường có khi đem sổ bổ - thuế mà trình phủ huyện quan, phủ huyện quan sợ không kịp thuế, cũng phải nhắm mắt mà liều cho chữ « y-bổ » cho xong, cho kịp thuế. Cũng có ông không kịp xét, không biết thực-hư thế nào, không dám cho chữ, cứ truyền miệng « cho về như sổ bổ mà thu ».

Tựu-trung sổ bổ bao giờ thì cũng trừ chính-cung, khấu tạp-tiêu đi rồi, vẫn còn dư được ít nhiều, làng to thì một hai trăm, làng nhỏ thì bảy tám chục, bốn năm chục chi đấy, chỉ có làng nào nhỏ quá và nghèo quá, cùng là quan-viên được nhiều người tử-tế hay bè-đảng nhiều, dua - đảng nhau lắm, mới không có thừa mà thôi.

Tiền thừa ấy bảo để chữa đình chùa cầu cống, nhưng chẳng chữa gì, nhiều làng chỉ vào túi kỳ-dịch cả. Các quan-viên ai không có thể vào hạng « bỏ túi » được, bấm lưng còn dư được bấy nhiêu, thì nhất là suất sưu mình không đóng, hoặc ai vườn đất ít, thì thuế cũng không đóng nốt. Cũng có anh cường-hào còn ăn chặn lý-trưởng nốt.

Còn lý-trưởng thì lại tệ hơn kỳ-dịch, là quyền thu trong tay mình. Tuy rằng kỳ-dịch ký sổ bổ giao cho mình thu để nộp Nhà nước, trả tạp-tiêu, còn thì trả dân để công-chi ; nhưng lệ xưa nay, không ai có đặc-quyền chuyên-chủ riêng việc giữ tiền, thì lý-trưởng cứ thu giữ cho dân cũng được. Số thuế thu vẫn dư như thế, mà sưu thuế có đủ đâu, năm nào cũng thiếu, các quan phủ huyện muốn cho xong chức-trách mình, thấy thiếu thì bắt lý-trưởng và một hai người kỳ-dịch nào có máu mặt phải vay để nộp cho xong.

Cũng nhiều nơi hễ không có phủ huyện quan bầu-lĩnh thì họ không cho vay, cho nên thường phủ huyện quan phải ký bầu-lĩnh. Khi hết hạn không trả được, có đám cứ người có, bắt bầu-lĩnh phải trả, rồi bầu-lĩnh sẽ thưa người vay trả sau. Lại có đám nó tìm cách dan-giối mà vỗ bầu-lĩnh, thành ra quan dân phải thưa kiện nhau, mà quan-ngại đến cả việc cai-trị.

Cũng có làng, phủ huyện quan sợ lý-trưởng tiêu mất thuế, phải sức cho kỳ-dịch nào có lực thì kèm với lý-trưởng mà làm thuế. Nhưng lý-trưởng thì có đồng-triện, có quyền biên phiếu thu thuế, mà người kỳ-dịch thì có chữ quan cho làm thuế, cũng có quyền thu thuế.

Nghề lý-trưởng làng nào đã phải quan phủ huyện bắt kỳ-dịch làm thuế kèm, là anh ấy đã có tai - tiếng rồi, chắc ngửi hơi bạc cũng chết ngạt, mà túi thì tất thủng, cho nên thuế vẫn thiếu. Còn tệ nữa là lý-trưởng thu non đi từ trước, đến kỳ thuế, có lẽ nào thu được hai lần, cho dù có kỳ-dịch làm thuế kèm mà vẫn thiếu.

Đến kỳ nộp thuế đã gấp, phủ huyện lại phải bắt người kỳ-dịch làm thuế kèm ấy đi vay, rồi sẽ tính với lý-trưởng sau : thuế gấp đến nơi, mỗi đồng ngày lãi bốn năm su cũng phải vay. Khi viết văn-tự thì họ bắt viết cả gốc lãi làm một, rồi lại đoan là lãi y lệ Nhà-nước. Thực tình như thế, nhưng lúc túng thì bao nhiêu mà chẳng gật, và không thế thì họ không cho vay (lệ các nhà ở tỉnh, phủ, huyện cho vay thuế thường thế). Khi đã kết văn-tự rồi, bút sa gà chết, nếu có sòng-phẳng thì cũng bớt được ít nhiều. Sau về lý-trưởng và kỳ-dịch tính-toán không xong, lại sinh ra kiện. Lại một tệ nữa là : sổ bổ cả chính-cung và tạp-tiêu các khoản phỏng độ 2$30 mà lý-trưởng đi thu ở ngoài thì thường đến 2$70 hay 2$80, ai không bằng lòng

nộp như thế thì không thu nữa. Đến khi thuế thiếu, thì trình với phủ huyện quan rằng người ấy thiếu thuế, đi vay nộp bù, rồi bắt người ấy trả lại sau.

Tiền ra khỏi cửa tiền đẻ, đã vay là phải có lãi, cứ lệ 4,5 su một ngày mà tính, thì thành ra lại nặng hơn lý-trưởng thu. Những người điền-hộ phải trả như thế cũng biết là trái phép ; nhưng phần nhiều điền-hộ xưa nay đã từng trải cách đi kiện, đã trót thì cũng chịu đi cho xong. Lý-trưởng mà làm được như thế thì năm sau mới có lợi.

Còn ai muốn nộp như lý-trưởng, thì lý-trưởng chỉ biên trống rằng sưu thuế cùng tạp-tiêu vụ hạ hayvụ đông đã nộp xong. Nhà-nước dẫu đã đặt ra cái sổ gọi là sổ xuyên - không (*quittance à souche*), minh-bạch từng khoản (sổ ấy cũng tỉnh có tỉnh không) ; nhưng lý-trưởng không chịu biên vào sổ ấy, nói giối quanh là bỏ quên, biên tạm giấy trắng cũng được. Cũng có làng giao cho phần-thu, thu rồi nộp cho lý-trưởng, nhưng cái tệ-đoan thì phần-thu cũng như lý-trưởng.

Cái tinh-tệ này mà kể ra, ai không trải qua, thì bảo là không có lẽ thế. Nhưng có nhiều làng thực như thế. Vì tính người điền-hộ nước ta phần nhiều người nhu - nhược, và phần nhiều người đã trải việc đi kiện là hại, và lại phần nhiều nghèo, mỗi người có độ năm ba mẫu ruộng cũng nghĩ rằng một đồng không thông đi kiện, xong việc thì thôi, nếu bới dở ra kẻ được kiện 14 quan năm, kẻ thua kiện 15 quan chẵn, thà rằng nhịn cho xong; nhịn mày cho tốt tao, cho nên nhiều làng lý-trưởng mới làm được như thế. Tệ này cũng tùy mặt điền-hộ mà bắt-nạt, chớ không phải ai cũng thế đâu; ấy là đối với người có ruộng. Còn kỳ-dịch với nhau, kẻ có ăn người không có ăn, ganh-tị nhau, lại sinh ra kiện. Phàm đã một lần đến công-môn, là năm bảy lần nữa theo ngay.

Ôi ! Chỗ hương-thôn thì thường do tiêu liều sưu thuế, rồi ra kiện ra hà-lạm của dân, hoặc do hà-lạm của dân rồi ra kiện ra tiêu liều sưu thuế, rồi đến túng thế phải vay, lại thành ra mắc kiện nợ. Các viên-hình nha-môn thì chỉ thường-thường những các thứ kiện ấy mà thôi.

Cái tinh-tệ kể ở đoạn này, làng nào dàn anh và lý-trưởng giỏi thì mới không đến nỗi ấy mà thôi, còn phần nhiều như thế.

Việc quân-cấp công-điền. — Như làng nào có công-điền thì mỗi ba năm một lần quân-cấp. Đại-khái làng có nội ngoại đinh 150 người, mà công-điền độ 400 mẫu, thì làm thế nào cũng để lại một ít làm công-điền công-cố ; còn thì chia cho dân-đinh mỗi người được độ hơn hai mẫu chi-đấy. Tuy thế, nhưng bò gầy bò béo, có được đều đâu, phỏng như dàn anh thì chỗ tốt, mà dàn em thì chỗ xấu, hoặc đầu gò cuối đống, bờ sông mé đường, thì cũng chẳng ăn-thua gì ; có làng lại dàn anh ăn nhiều, mà dàn em ăn ít; lại có làng cấp đều, nhưng về thôn giáp, các dàn anh lại cấp lại kẻ nhiều người ít không quân, tuy rằng quân-cấp mà chẳng quân chút nào. Ba năm sau lại đến kỳ cấp điền, trong làng ai có con cháu đã lớn, đến tuổi thành-đinh, thì lệ làng phải cấp ruộng cho, như con cháu dàn anh thì tùy lệ trình dầu rượu chi-đấy thì cấp cho ngay ; mà con cháu dàn em thì dù đến tuổi cũng mặc-kệ, dân cũng không cấp cho, hoặc phải lễ-lạt ít nhiều thì mới được, thường-thường sinh ra kiện - cáo tại thế, làng nào dàn anh tử-tế lắm, mới khỏi sự ấy mà thôi.

Làng nào mà có công-điền thì dân-đinh được nhờ nhiều lắm, vì ba năm một lần quân-cấp, không phải mất

tiền mua mà có ruộng cấy. ai lúc trước giầu có, trung-gian suy-bại, nhờ làng có công-điền, thì cũng không đến nỗi thiếu-thốn lắm. Lại một điều lợi nữa, là sưu-thuế thực dễ lắm.

II. — Nói về những khoản chi-tiêu trong làng và những công-hiệu các khoản chi-tiêu ấy ra thế nào.— 1º Chi-tiêu công cho trương-tuần khán-thủ, hay tuần-phu ; 2º chi tiền đò-giang cơm-nước cho kỳ-dịch tổng-lý đi việc công hay đi nộp sưu-thuế ; 3º chi tiền thế lương-điền cho linh, là những làng không có hay không đủ lương-điền thì cấp tiền ; 4º Tiêu làm hay chữa cầu-cống đê-điều, khai sông lấp ngòi hay làm chữa đình chùa miếu-mạo, nhà thờ bên giáo, sắm các đồ thờ cúng tô tượng đúc chuông ; 5º là hội-hè.

Trong 5 khoản ấy thì khoản thứ nhất nhiều làng bạc-đãi tuần-phu quá, đêm hôm đi tuần canh trộm cướp trong làng ngoài đồng, cùng hầu-hạ kỳ-dịch lên đồn xuống phủ, mà cả năm như người trương-tuần làng nào hậu-đãi thì hoặc bạc được mươi mười hai đồng, hoặc lúa thì được 25 hay 30 gánh, mà làng bạc-đãi thì bạc bảy tám đồng, hoặc lúa thì 15 hay 20 gánh, hoặc có làng hơn kém cái số ấy một ít. Tuần phu thì kém đi một nửa. Than ôi ! tuần-phu phải trách-nhiệm ngày đêm trong làng ngoài đồng, mà quanh năm chỉ được hưởng lợi-lộc có thế, hoặc lại cuối năm có làng mỗi nhà cho được mỗi đầu trâu hay mỗi nóc nhà là hai tiền nữa, thì đã được là bao nhiêu, mà chịu cái trách-nhiệm nặng-nề như thế, thì khi nào họ chịu canh giữ hết lòng cho khỏi trộm cướp được. Hoặc làng nào ít ruộng quá thì cái sương-túc cũng cho tuần-phu cả. Những làng như thế là ít lắm. Hoặc có làng tiếng rằng cho tuần-phu, mà dân anh cũng có một ít vào đấy.

Khoản chi-tiêu thứ hai, thì tệ-đoan không thể nói hết ra được, đại-khái đã kể ra điều thứ nhất. Còn khoản chi-tiêu thứ ba và thứ bốn thì không kể, vì sự hà-lạm những khoản ấy khí khó ; duy có khoản thứ năm là tiền về đình đám hội hè, xưa nay đã nhiều người bàn đến, kêu thế nọ thế kia, một rằng vào đình các con em phải đóng góp nhiều, hai rằng vào đám các kỳ-dịch hà-lạm đi mất nhiều, những điều ấy thì cũng có thực không oan.

Nhưng vào đình vào đám, cùng lễ-bái bên đạo, là việc tôn-giáo của xã-hội, hễ thấu đạo-tôn thì nhân-tâm hồi-cổ, phong-hóa càng hay, duy không nên quá tin những sư nhảm-nhí, hay quá sa-sỉ mà hại cho dân em phải đóng góp nhiều ; giá mà làng nào muốn mở hội, cứ người nào giầu-có ứng ra, hay lấy vào của công dân, khi xong việc rồi, thu được bao nhiêu lại hoàn vào đấy, thì tưởng cũng không thiệt gì. Những người đi lễ-bái thường hay xin thẻ xin dấu, cũng phải mất cho người in vài ba xu. Đại-khái như hội Phủ-giầy hay đền Sòng, khách thập-phương đến lễ bái hàng vạn con người, một ngày thì biết bao nhiêu mà kể, lại còn tiền thập-phương cúng đèn-nhang nữa, kể một vài đồng, người răm ba hào, tính ra biết là bao nhiêu. Đền Sòng và Phủ-giầy là nơi danh-thắng không kể, nhưng các đền khác thì thường cũng có các khách thập-phương cúng lễ và xin thẻ xin dấu cả, cũng có thể có tiền được, chẳng được nhiều mà thôi, chỉ kỳ-dịch không tử-tế, tư-tiêu đi nhiều, cho nên kẻ đóng góp vẫn phải đóng góp, mà kẻ lợi vẫn lợi.

Còn như đầu năm khai-xuân, yến-lão, kỳ-thần, sóc-vọng, hay thượng-hạ điền, quanh năm cũng nhiều tuần-tiết, tiêu cũng tốn tiền thực, hoặc là của công, hoặc là của tư, cho nên

thường thường kêu là bày ra mà ăn uống.

Thai ôi ! những việc ấy cũng không toàn-tệ hay toàn-lợi, vì rằng như việc yến-lão thì là việc hay, khuyên con thảo mà vui lòng già, đạo làm con hiếu ai cũng muốn cho cha mẹ thỏa lòng, dù mất hết phát-phu mà được vui lòng cha mẹ thì hẳn cũng không tiếc. Nên những nhà phú-quí thì bầy ra những thượng-hạ-thọ, còn nhà nghèo thì phải nhờ dân thôn bày ra yến-lão để bậc lão nghèo mình cũng như bậc lão giầu người ; tiếc vì lệ ấy lại làng có làng không, mà lại năm có năm không. Như khai-xuân thì trong làng họp lại với nhau mà vui buổi xuân-nhật ; thượng-hạ-điền là theo cổ, nhờ việc làm ruộng tế ông Thần-nông ; kỳ-thầu và sóc-vọng là tế bản-thổ thành-hoàng.

Ôi ! Cái khoản chi-tiêu cả hội-hè, đình-đám và các điều đã kể trên này, thì một năm cũng tốn tiền thực. Trừ cái chủ-nghĩa tôn-giáo ra không kể, còn thì cũng nên biết cho rằng ai cũng một thân-thể ấy, ai cũng một tì-vị ấy, nói ra là xấu về miếng ăn, nhưng cũng xin biết cho rằng như những nhà phú-quí và những nhà nơi thị-thành, quanh năm ăn-mặc sung-sướng, nào cao-lương, nào gấm-vóc, mắt thường nom sắc đẹp, tai thường nghe tiếng vui. Còn những nhà nơi hương-thôn thì cả năm dầu tắt mặt tối, còn lúc nào đem của tốt ra mà mặc, còn lúc nào tìm miếng ngon mà ăn, chẳng qua chỉ mặc nâu sồng, chịu nhịn thèm nhạt quanh năm, nhân được có lệ-ngạch nào thì mới nhờ đấy mà bồ-dưỡng thần tì-vị, nhờ được lễ-bái nào thì mới nhờ đấy mà mới lòe-loẹt mớ đỏ xanh, tai mới được nghe tiếng reo hò, mắt mới được nhìn bóng cờ quạt. Những ngày ấy mới là ngày được thư-thả, giải được trong trí khôn, và là ngày hả gan mát ruột cho những kẻ nghèo nơi hương-thôn. Nay nhất-giai chê trách cả, thì tưởng cũng không phải là lẽ công. Nếu hương-chính mà chỉnh-đốn lại được, không cho kỳ-dịch hà-lạm những tiền công-dân đi, và không phí về việc kiện-cáo gì, để những tiền ấy mà gây dựng nên việc công-ích, nào mở hiệu buôn, hội kỹ-nghệ, nào dựng nhà học, để cho con nhà nghèo có nghề-nghiệp làm ăn, và các thiếu-niên có nơi mà học-tập, thì việc gì mà chẳng nên. Rồi tính ra một khoản để mà chi vào việc đình-đám hội-hè thì tưởng việc gì mà chẳng được. Duy quá sa-sỉ thì không nên, vả cũng đã có Chỉ-dụ cấm.

Duy có điều này nên trách ; là nhiều làng trong đình-đám hội-hè, lệ-ngạch cứ phải làm cỗ-bàn bánh-chái, cắt lần lượt nhau, hoặc như là chứa đương-cai, thì điều ấy thực là tệ, kẻ nọ ganh người kia, mỗi ngày một to hơn mãi lên, thực là vô-ích quá, thiệt-hại rất nhiều. Cũng có làng thì tiền làm bánh-chái đã có của công, nhưng người chứa đương-cai phải làm thì chịu tiền phí-tổn, có người lại bày vẽ ra cơm rượu cho người phụ giáp đến làm thì cũng tốn lắm, mà thành ra lệ-ngạch bắt-buộc nhau, ta thường gọi là nợ miệng, lệ ấy thì nên bãi đi. Trừ những tiền ấy chi-ngoại, còn thì cũng không điều gì đáng trách lắm.

III. — Bàn về việc hiếu-hỉ làm cỗ bàn, việc ngôi-thứ cùng vọng ngôi-thứ. — Những việc hiếu-hỉ nơi hương-thôn, làm nên mâm-cao cỗ-đầy, năm bảy ngày linh-đình mà gia-chủ cũng không thiệt gì, hoặc có đám nào thiệt thì thiệt cũng không mấy, có người dám chắc như thế, thì có thể tin được không ? Nguyên là nơi hương-thôn có lệ mừng phúng lẫn nhau, tuy mời đến ăn uống, nhưng chẳng ai ăn không uống không, kẻ giầu hoặc tình-nghĩa thân, thì mừng phúng nhau mươi lăm

đồng bạc, vài ba chục, cùng một hai thúng gạo, con lợn, hũ rượu, kẻ nghèo hoặc tình-nghĩa sơ thì cũng mừng phúng nhau một vài quan, hay năm bảy tiền, chẳng có cũng chung nhau một hai quan, hay một vài đồng bạc, cũng là có ý giúp đỡ nhau khi có công việc. Lúc mình có việc lại mong người ta giúp lại mình. Cho nên những nhà có việc xong rồi qui-tính lại thì không mấy khi lỗ, hoặc có lỗ, là cũng có ít nhiều nơi phong-tục mừng phúng ít-ỏi thì mới lỗ mà thôi. Còn thường đám lại lãi cũng nên. Lại có nơi làm nhà chưa xong, đang dở-giang đã ăn mừng để lấy tiền làm nốt. Còn như bất-hạnh đám nào có lỗ, như việc hiếu thì cũng còn rẻ hơn công thuê công mượn, vì nhà có việc thì phải có người giúp đỡ, cứ kể tiền công thuê mượn trong một đám hiếu nhà giầu thì mất ít ru ? Cho nên thế nào cũng còn rẻ hơn công thuê. Ở hương-thôn thì không có lệ lấy công, người đến giúp thì chỉ ăn cơm mà thôi, không có lẽ cơm nhà việc người trong một đình-đám khó nhọc mấy ngày, cho nên gia-chủ phải có chén rượu nhạt gọi là bữa ăn, và là có ý cảm ơn người đã có công đến giúp mình ; còn người phúng viếng thì đã có tiền chẳng ai ăn không (có làng có lệ một người mà đi ăn cỗ đến hai bận là hai lượt mời, ăn cỗ chung dân chung giáp, rồi lại ăn cỗ riêng về phần mình, nhưng bận nào cũng phải có mừng phúng riêng, mừng phúng chung dân chung giáp thì ít, còn mừng phúng riêng phải hậu ; tuy mừng phúng hai ba lần nhưng người tử-tế thì ăn một, chớ không ai ăn hai).

Việc hiếu-hỉ thì nhiều nơi có lệ các con ganh tị nhau cỗ bàn, và nhiều nơi có lệ phần biếu các quan-viên nặng-nề; cái lệ ấy hủ-bại nên bỏ đi. Còn thì có đám hiếu này tiêu hết mấy trăm, đám hỉ kia tiêu hết mấy nghìn, kỳ-thực thì họ chỉ tính cái tiền chi ra mà không tính cái tiền thu vào, chẳng qua là có ý khoe-khoang rằng mình làm được đình-đám to-tát như thế mà thôi. Ở hương-thôn thì chỉ được việc hiếu là có lòng giúp đỡ nhau nhất, nghe tin là chạy đến, kẻ giúp của người giúp công, tùy gia-chủ phong-kiệm, hễ gia-chủ muốn bày giờ, thì người mua chịu lợn, kẻ mua chịu gạo, đâu vào đấy cả, nhiều cách giúp đỡ nhau hơn nơi thị-thành.

Hoặc có kẻ nói rằng : *tử đắc táng vi vinh*, can gì phải làm linh-đình, nhưng do ở tôn-giáo phải có tuần nọ tiết kia, và nhà phú-quí muốn cho tráng-quan-chiêm cho nên thế. Xét như các lẽ đã kể trên này, thì cũng không phải là toàn-hại, nhưng quá ư sa-sỉ thì không nên, và cũng đã có Chỉ-dụ cấm.

Vọng ngôi-thứ. — Như việc vọng ngôi-thứ thì thực khó phân-giải, điều ấy chẳng ai có chủ-nghĩa gì cần, mà nhiều người thiệt-hại thực to, nhất là những làng nhiều dân-đinh thi tốn kém đến một hai trăm bạc, có làng nào ít dân-đinh hay thuộc về dân xóm phe, tính thì còn đỡ một tí.

Tục hương-thôn phải cốt là quan-viên, là tôn-trọng địa-vị, không phải người hơn mình sai khiến mình, mà được sai khiến người kém mình, khỏi phải phu-đài tạp-dịch. Muốn làm quan-viên thì phải cho người biết mình vào bậc nào, cho nên phải có bữa cỗ gọi là *vọng*. Việc này ở hương-thôn bỏ đi cũng khó, hoặc tỉnh-giảm cách nộp tiền nong in-ít đi thì hơn.

Ngôi-thứ. — Ngôi-thứ cũng là việc hệ-trọng nơi hương-thôn. Hạng nhất là chức-sắc Triều-đình hay là khoa-mục, ai có chức-sắc mà lại có khoa-mục là hơn nhất, rồi đến tổng-lý là người đã có công gánh-vác việc dân, người nào hơn nhất cả mà dân tín-

phục hơn thì bầu làm tiên-chỉ, hay hương-trưởng, về thôn về giáp thì bầu làm giáp-chỉ. Người kém người tiên-chỉ là thứ-chỉ. Tiên-chỉ là người đàn anh nhất, nhưng không có quyền với việc quan, mà cũng nhiều làng không đoạt được nổi quyền tổng lý, vì tổng lý thì thân quan. Duy lúc tế-tự là làm đầu đứng chiếu giọc, đơn từ thì ký đầu, cũng có làng có một hai người công-lao hay chức-tước xít-xoát nhau, không bầu được ai làm tiên-chỉ, khi có tế-tự, thường sinh ra đánh nhau và kiện cáo. Nhiều làng có lệ quan-viên tam-bàn (bàn nhất, bàn nhì, bàn ba) là hạng tôn-trọng, ai chức-phận mình đáng được ngồi những bàn ấy, mà chưa vọng, tự-tiện dám ngồi, cũng lôi-thôi.

Binh lính thì có làng có lệ « đi binh về binh », thì khi về làng cứ chức-phận mình đã được, như đội, cai, bếp, v. v. mà ngồi, lại có làng « đi binh về hộ », là khi đi là lính, khi về là dân, thì chỗ ngồi lôi-thôi lắm, không cam-tâm với nhau cũng sinh ra kiện ; chỉ có nơi hương-ẩm thời thượng-xỉ, là hễ ai hơn tuổi thì ngồi trên, không kỳ bạch-đinh hay chức-tước. Lệ ấy thực hay mà không lôi-thôi gì với nhau.

Đó là chỗ ngồi, còn phần biếu, cao nhất là thủ, rồi đến nọng, bả-vai, đến thịt và chân giò v. v.

Có làng nhiều dân-đinh quá, chia nhau một con lợn, thì phần biếu quan-viên dưới chỉ độ miếng thịt bằng ba ngón tay. *Miếng thịt làng bằng sàng thịt chợ*, nếu thiếu phần ấy thì bảo là khinh mình, đã bỏ vào đấy mấy chục mấy trăm ngay. Tuy miếng thịt là nhỏ thật, nhưng thể-diện to, kia Điển-Cương Cổ-Trị ngày xưa cũng vì quả đào, trách chi hương-thôn miếng thịt.

Ôi ! việc ngôi thứ trong làng cũng là việc rất can-hệ, tụ họp mấy chục gia-tộc và mấy trăm con người trong một nơi, nếu không có thứ-tự phân-minh và tương-xử với nhau cho có lễ-nhượng, thì làm sao mà tương-an với nhau, mà cùng nhau mưu việc sinh-tồn được.

Phong-tục ta xưa kia thuần-phác, ở với nhau thực có lễ phép, trên kính dưới nhường, ít lâu nay đổi-bại, chỉ những ganh nhau danh-lợi nhỏ mà sinh ra kiện-cáo thù-hằn mà ngôi-thứ cũng vì đấy không có thứ-tự nữa. Điều này thực cũng là điều can-hệ nơi hương-thôn, nếu muốn mau chỉnh-đốn hương-chính thì cũng không có thể bỏ-nhãng qua được.

Lệ-ngạch nơi hương-thôn tưởng nên chỉnh-đốn những điều cần như sau này :

1° Mỗi làng phải có một quyển sổ chi-thu mà biên những tiền xuất-nhập :

Thu hoa-lợi ruộng công-tri ;
Thu hoa-lợi sông ngòi ;
Thu hoa-lợi đồng vịt ;
Thu tiền sương ;
Thu tiền cheo ;
Thu tiền sưu thuế còn thừa ;
Thu tiền mở hội hè còn thừa ;
Thu tiền bán ngôi thứ ;
Thu tiền bồ nhân-suất và điền-mẫu.

2° Mỗi làng nên chọn một hai người giầu đặt làm chức thủ-quĩ. Chỉ người ấy được quyền thu phát tiền của trong làng mà thôi. Thu được bao nhiêu phải biên cho minh-bạch, mà phải có giấy tang-chứng về việc ấy phân-minh, sổ ấy phải đóng giấu giáp (*paraphe*), và kỳ-dịch một năm mấy kỳ phải hội lại mà xem-xét minh-bạch, xong phải trình quan trên cho chữ làm bằng.

3° Mỗi đến gần cuối năm, kỳ-dịch nên họp lại mà bàn về việc chi-tiêu năm sau, những khoản nào nên chi

bao nhiêu, thì phải có quan trên chuẩn-y làm bằng. .

4º Mỗi làng nên đặt số tuần-phu cho đủ tuần-phòng trong làng ngày đêm, cùng các nơi có hoa-lợi và đường quan-hào. Việc tuần-phòng thì nên cắt phó-lý làm đầu chuyên-trách. Hễ thiết-phát ra làng mình hay làng láng-giềng, mà không tận-lực phó-cứu, thì không gọi là hết trách-nhiệm được. Lại nên tăng lương cho tuần-phu cùng xã-đoàn, khán-thủ, hoặc phó-lý cũng cho nữa, để đủ ăn trong một năm mà không phải làm việc gì khác.

5º Việc sưu thuế phải nên tìm cách cho khỏi thiếu và khỏi chậm: phỏng làng độ 2000 $ sưu thuế, thì xét trong làng có người nào giầu-có để ký-quĩ được đủ số ấy thì cho bầu làm chức thu nộp sưu thuế, hoặc một người không đủ thì chia khu, kíp ra thì đặt 3,4 người cũng được. Hoặc không có tiền ký-quĩ thì ký-quĩ ruộng. Nếu ký-quĩ thì người điền-chủ vẫn được quyền cầy cấy ruộng ấy, nhưng không được phép cầm bán hay cho ai mà thôi. Việc thu nộp sưu thuế thì chỉ người ấy được đặc-quyền thu nộp mà thôi. Muốn cho khỏi chậm thì số chính-cung năm ấy xin cho kỳ-dịch biết trước, để hội-bổ trước đi ba bốn tháng để thu dần.

Muốn cho người thu nộp sưu thuế khỏi thu lạm, thì khi kỳ-dịch hội-tính bổ xin chữ quan, xongnên yết ra ở đình một hạng thuế là bao nhiêu, sưu là bao nhiêu cho minh-bạch, ở nhà lý-trưởng và các chức-dịch cùng người thu nộp sưu thuế, mỗi nhà cũng nên dán một bản cho mọi người cùng biết. Người thu nộp sưu thuế phải ký-quĩ chịu trách-nhiệm nhiều, thì cũng nên xin cho tiền phụ-cấp mỗi mẫu là bao nhiêu, hoặc như lệ tỉnh Nam-định cho thu mỗi mẫu là 0$10; tiền ấy là tiền vãng-phản thu nộp sưu thuế, còn chức-phận thì cũng xin cho như lý-trưởng.

Sự nộp sưu thuế cũng xin cho người thu nộp sưu thuế được phép ký-nạp tại kho dần trước kỳ thuế, phỏng thu dần được bao nhiêu mà muốn ký-nạp cũng cho, kẻo phòng khi xảy ra trộm cướp. Khi bắt-đầu thu nộp sưu thuế, thì cả dân phải canh-phòng cho cẩn-thận. Nếu xảy ra thì cả các hạng kỳ-dịch và tuần-phu phải trọng-trách, mà người thu nộp sưu thuế thì phải đền.

Nếu sưu thuế mà người thu nộp sưu thuế không bồi được, thì bản ruộng ký-quĩ mà bù vào.

6º Muốn cho dân hương-thôn có nhân-cách, thì chi bằng dạy cho có học, trừ các cách học tiến-thủ cao-xa ra không kể, còn thì bắt học luật-lệ và các cách-thức việc cai-trị hiện đang thi-hành, cùng học thêm một ít nghĩa-lý; như thế thì cũng đã hơi có học-thức, thì việc cư-xử trong làng cũng không đến nỗi rối-loạn lắm.

Như muốn cho việc học ấy công-hiệu, thì nên xin cùng Chính-phủ mở cho kỳ khảo của kỳ-dịch, hễ ai trúng kỳ khảo ấy thì mới được làm kỳ-dịch, và mới được làm tổng-lý. Và sự sa-vọng của dân ở hương-thôn thì chỉ đến kỳ-dịch là cùng, mà tất phải là kỳ-dịch mới được.

Tổng-luận. — Than ôi! Sự tham-nhũng, kiện-cáo, thù-hằn ở hương-thôn ta ngày nay thì thực một ngày một bành-trướng mãi, như nước thủy-triều vậy: cử-mục mông-mênh, mà không có bờ đê chi phòng-cự cả, khiến cho những người am-hiểu tình-thế hương-thôn thấy mà phải hàn-tâm. Nay muốn cho khỏi cái họa-căn ấy, thì các khoản tiền-nong trong hương-thôn phải làm thế nào thu-chi cho minh-bạch, người nào được quyền thu, thu vào để đâu? Người nào được quyền chi, chi ra việc gì? Hoặc thu chi phải có chữ quan sứ chuẩn-y không được hồ-đồ hàm-hỗ, thì mới,

mong khỏi cái họa-căn ấy được. Vì tiền-tài là lợi-căn, mà lợi là họa-căn rất kịch-liệt ; nếu biết dùng cho phải đạo thì hương-thôn cũng nhờ đấy mà hưng-vượng, mà không biết dùng cho phải đạo thì hương-thôn cũng bởi đấy mà tồi-tàn. Tiền-tài ở hương-thôn ta một năm xuất nhập cũng nhiều, nếu lấy đấy mà mưu việc công-ích như mở hội thương-mại, hội kỹ-nghệ, hội học thì việc gì chẳng nên; nếu để đấy mà gây sự thù-hằn, thì dân nào chẳng hại. Còn muốn cử-động cho trúng-lý thì tất phải có học, học việc cần nơi hương-thôn thì chỉ bằng luật-lệ, để tri-pháp ủy-pháp, không dám làm càn, mà cũng không đến nỗi dùng càn hoàng-kim làm hắc thế-tâm mà chậm mất cả sự văn-minh tiến-hóa.

Việc làm-ăn đã đích-đáng thì việc tuần-phòng không cần cũng không được. Những phường đạo-kiếp chỉ chực nơi nào tuần-phòng trễ-nải thì kiếm-ăn, cứ hiện-tình ở hương-thôn ta bây giờ thì nhiều nơi thực sơ-sài, người có của thường không biết cách gì mà giữ được. Mà không may có chỗ nào mất cướp, thường nhiều nơi không dám trình báo, vì sợ như câu tục-ngữ nói mất một cướp lại hóa hai, tổng lý thì cũng muốn cho khỏi lôi-thôi đến mình. Nhiều nơi ai không ở gần đấy thì vẫn tưởng là yên, nhưng lắm lúc cướp-bóc tứ-tung mà không biết. Sự tuần-phòng sơ-lược ở hương-thôn bây giờ, một là không có người làm đầu chuyên-trách ; hai là tuần-phu lương ít, phải đi kiếm thêm việc khác mà ăn ; ba là tuần-phu ít không đủ người mà tuần-phòng. Nếu tuần-phòng cẩn-thận thì trộm cướp còn thiết-phát vào đâu được, hoặc thiết-phát ra ở nơi nào thì tất cũng bắt được. Đại-khái cướp ở làng A, thì phải đình-trú ở làng B mà chia tang ở làng C hay làng D. Bốn làng ấy mà tuần-phòng cho cẩn-thận thì thoát đi đâu, chẳng làng nọ cũng làng kia bắt được. Vả lại làng nào có kẻ nghịch, thì kẻ có trách tuần-phòng đã biết trước rồi, giò-xét phải ra, chỉ muốn dung-ẩn đi cho nhau thì được, không thì thoát đi đằng nào.

Cái tệ-đoan bàn trong bài này là trích-lược những điều cần mà thôi, còn những điều nhỏ-nhặt thì không bàn đến. Những tệ-đoan ấy hoặc có làng đã cải-lương rồi, hay có nhiều người học-thức, hay những đàn anh đứng đầu thì không kể, còn không thì chẳng mấy làng mà không có.

Vậy ta nay là kỳ-dịch, ta hãy xét trong làng ta, hoặc có điều nào đáng để cho người ta gọi là tệ-đoan, thì ta nên tự-cải đi, họp nhau lại mà sửa-đổi việc dân ta ; điều gì xét ra là có ích, mà ta không có thể sửa-đổi một mình được, thì ta xin-nài Chính-phủ giúp ta, vì chắc là Chính-phủ cũng mong cho ta tử-tế, mong cho ta sửa-đổi tệ-đoan ta đi.

Trong làng ta, khoản tiền-tài đã minh-bạch, ngôi-thứ đã phân-minh, tuần-phòng đã cẩn-thận, tất ta phải tưởng đến đường sinh-hoạt, ta hẳn bảo nhau mà chăm nghề-nghiệp, ruộng-nương, buôn-bán, mà cho các con em ta học-hành, tất chẳng bao lâu mà ta sẽ nên một dân-tộc đứng-đắn giầu-có chẳng sai, mà sự văn-minh khai-hóa cũng không ai bảo là vì ta mà chậm được. Hoặc có kẻ nói rằng : « Hoặc Chính-phủ có cầm cân nảy mực cho thì mới được, chớ để cho kỳ-mục sửa-đổi lấy, thì không bao giờ nên, vì lòng tham dạ muốn là thế-nhân thường-tình, không phải là bậc hiền-nhân quân-tử thì đã ai tránh khỏi được điều ấy đâu. Huống chi cái lợi xưa nay, mà thốt-nhiên nhả ra là rất khó lắm, trừ có bắt-buộc nhả ra thì mới thực-tình nhả ra mà thôi, còn chẳng qua là ép-uổng giối-trá che mặt thế-gian

đó mà thôi. Vả lại dân ta đã là dân có học đâu mà tự-cải đi được ; sợ gào lắm thì giát cổ, nói lắm thì mỏi mồm, vô-ích hoàn vô-ích, phi Chính-phủ cầm cân nẩy mực cho thì không khi nào nên được. »

Nếu như thế thì ta hãy trông ơn Chính-phủ.

Nam-định NGUYỄN NHƯ-NGỌC

VIỆT - NAM PHONG-SỬ'

(*Nguyên Bố-Chính sung Trung-kỳ Tư-vấn Nghị-trưởng* NGUYỄN VĂN-MẠI *tiên-sinh soạn*)

Quốc-sử là cái gương phong-tục, chính-trị, thổ-địa, nhân-dân, triều-đại của tổ-quốc ta, mà những lời phong-dao chính là cái tinh-thần trong gương quốc-sử để người ta soi chung mà làm giám-giới về đời sau. Song phong-dao nước ta thường hay tán-mạn ở ngoài quốc-sử, chưa có ai biên-tập lại mà so-sánh với quốc-sử, và kê-cứu cho tường sự-tích. Vậy đọc quốc-sử mà không xét đến phong-dao, thời có khi còn khuyết - điểm nhiều, mà không biết được cái quốc-túy của nước nhà vậy.

Nay bản-quán mới tiếp được một quyển « Việt-Nam phong-sử » *của quan Phó-bảng nguyên Bố-chính sung Trung-Kỳ Tư-vấn nghị-trưởng,* NGUYỄN VĂN-MẠI *tiên-sinh soạn ra, trong quyển ấy biên-tập được trăm câu ca-dao chia làm 100 chương, chương ca-dao nào cũng khảo-cứu các sự-tích trong quốc-sử, dã - sử và ngoại-truyện, tiểu-thuyết nước ta để làm chứng-cớ, dẫu có truyện viện-dẫn cũng chưa được đích-sác cho lắm, song ý ngài cốt lấy phong-dao làm chính-văn, mà lấy quốc-sử làm truyện-chú, thời không những khiến người đọc phong-dao mà tường được cả sự-tích, lại khiến người càng tường sự-tích quốc-sử lại càng ngẫm thú-vị câu phong-dao là cao-xa, khảo-cứu cũng đã tường-tận.*

Song những truyện ngài chú-thích toàn bằng hán-văn cả, chưa có thể lục đăng được hết, vậy bản-quán xin tóm dịch đại-ý mà lược đăng sau này.

ĐÔNG-CHÂU cẩn-chí

I

Non cao ai đắp mà cao ?
Sông sâu ai bới ai đào mà sâu ?

Đó là khen non sông nước Nam ta khai-thác tự đời Hồng-bàng đến nay, cao sâu hiểm-cố, ở về phương nam châu Á này rất là tốt-đẹp.

II

Trứng rồng lại nở ra rồng,
Liu-điu lại nở ra dòng liu-điu.

Nòi-giống nước ta là tổ tự vua Lạc-long sinh ra trăm trứng, nở ra trăm trai, con rồng cháu tiên thực là một giống hoàng-chủng quí-tộc, khác với giống Chàm giống Thái và các giống mán mèo.

III

Chàng về, thiếp một theo mây,
Con thơ để lại chốn này ai nuôi ?

Thơ này ý-giả là lúc bà Âu-cơ với vua Lạc-long chia con cùng từ-giã nhau.

IV

Sông sâu suối hiểm làm vầy,
Ai xui em tới chốn này gặp anh?
Đào tơ sen ngó xanh-xanh,
Ngọc lành phải giá gái lành phải duyên.
Cho hay tiên lại gặp tiên,
Phượng-hoàng há dễ đứng chen với gà.

Bà Tiên-dung khi gặp ông Chử Đồng-Tử ở bãi Tự-nhiên (thuộc Hưng-yên), giai-ngẫu thiên-thành mà phối-hợp với nhau điều theo tộc-loại.

V

Đêm khuya thiếp mới hỏi chàng,
Cau khô ăn với giầu vàng xứng không?

Nước ta có sự tích khi mới sinh ra giầu cău tự đời vua Hùng-vương. Câu thơ này là lời vợ chồng hỏi bỡn nhau.

VI

Tạnh trời mây cuốn về non,
Hẹn cùng cây cỏ chớ còn trông mưa.

Ông Đổng Thiên-Vương giẹp xong Ân-tặc, rồi bay lên mây biến đi mất. Đó là thành-công giả-khứ mà dân còn trông ơn mãi.

VII

Mênh-mông góc bể bên trời,
Những người thiên-hạ nào người tri-âm ?
Buồn riêng thôi lại tủi thầm,
Một duyên, hai nợ, ba lầm lấy nhau.

Vua Thục An-dương-vương gả nàng Mị-Châu cho chàng Trọng-Thủy là con Triệu-Đà, sau vì mắc lừa chàng rể mà đến nỗi mất nước. Đó là lầm vậy.

VIII

Có con phải khổ vì con,
Có chồng phải gánh giang-sơn nhà chồng.

Nàng Cù-thị lấy vua Triệu Minh-vương để được con là Hưng, sau nối ngôi là Ai-vương. Cù-hậu (người Tầu) muốn đem con về Tầu không ở lại gánh vác giang-sơn họ Triệu bị ông Lã-Gia chém chết.

IX

Thương chồng nên phải gắng công,
Nào ai xương sắt, da đồng chi đây ?

Bà Trưng-Vương là đàn bà vì chồng báo thù, đánh đuổi Tô-Định, thực là gan vàng dạ sắt.

X

Ru con, con ngủ cho lành,
Cho mẹ gánh nước rửa bành con voi.
Muốn con lên núi mà coi,
Coi bà quản-tượng cưỡi voi bành vàng,

Bà Triệu-Ẩu cưỡi voi giẹp giặc Ngô, dân bấy giờ đàn ông đi lính, đàn bà cũng vui lòng phục-dịch theo việc quân.

XI

Nước lã mà vã nên hồ,
Tay không mà nổi cơ-đồ mới ngoan.

Nước ta sau bà Trưng-Vương lại có vua Lý Nam-Đế hay độc-lập xưng-hùng, chống nhau với nhà Lương.

XII

Gáo vàng đem múc riếng tây,
Khôn ngoan cho lắm tớ-thầy người ta.

Người nước ta như là Lý-Tiến, Lý-Cầm sang làm quan ở bên Tầu, dẫu rằng tài giỏi thật, song người thời ấy vì như gáo vàng mà đem múc riếng làng khác, thời cái giá-trị ấy đối với nước Nam ta làm sao?

XIII

Chim chích mà ghẹo bồ-nông,
Đến cơn nó mổ lạy ông tôi chừa.

Chiêm-thành là nước nhỏ ở đời Lý, Trần, hay ra quấy-nhiễu, đó là không biết lượng xứ mình, nên chỉ bị vua Lý vua Trần chinh-phục.

XIV

Cóc kêu dưới vũng tre ngâm,
Cóc kêu mặc cóc tre dầm mặc tre.

XV

Thương thay thân-phận con rùa,
Trên đình hạc cưỡi dưới chùa đội bia.

Hai chương này là nói dân nước Nam khi nội-thuộc Tầu bị lắm nỗi lầm-than áp-chế, mà không biết khống-tố về đâu.

XVI

Của đời muôn sự của chung,
Tranh nhau một tiếng anh-hùng mà thôi.

Giang-sơn đâu anh-hùng đấy. Mười hai ông Sứ-quân đều cát-cứ để tranh-hùng lẫn nhau. Nên chi khởi ra vua Đinh Tiên-Hoàng nhất-thống độc-lập.

XVII

Xem trên trăng bạc trời hồng,
Dạo miền sơn-thủy, bẻ bông thái-bình.

Vua Đinh Tiên-Hoàng nhất-thống giang-sơn, cảnh-tượng thái-bình, rõ-ràng như thanh-thiên bạch-nhật.

XVIII

Ban mai xuống tắm bể đông,
Đạp lấy con rồng nổi lên chín khúc.
ta rô hời !

XIX

Loạn chuồn-chuồn là loạn kim-xoa,
Bên bay mở cửa, bên qua sông luồn,
ta rô hời !

XX

Trèo rắn đi đâu,
Vuốt râu ông hùm,
Ta rô hời !

Ba chương này là lời mục-đồng dụ-bí, khi ông Đinh Tiên-Hoàng còn chơi tắm ở Long-đàm, bầy ra trận giả : 10 trận rồng, 20 trận bươm-bướm, 30 trận rắn.

XXI

Con cóc nằm ở bờ ao,
Lăm-le lại muốn đớp sao trên trời.

Đỗ-Thích nằm mộng thấy *lưu-tinh nhập-khẩu* mà dám manh lòng thoán-thí, giết vua Đinh Tiên-Hoàng. Đó là chê không biết danh-phận.

XXII

Nước trong khe suối chảy ra,
Mình chê ta đục mình đà trong chưa?

Ý là lời chê Lê Hoàn cướp ngôi nhà Đinh là bất-chính, chớ đừng vội trách Nguyễn Bặc mà tự bảo mình là trong-sạch.

XXIII

Lầm-dầm khấn vái phật trời,
Xin cho cha mẹ sống đời nuôi con.

Bà Đặng-thị đẻ ra vua Đại-Hành, nhưng nằm mộng biết là không được kịp hưởng lộc của con.

XXIV

Con ai đem bỏ chùa này,
Nam-vô-di-Phật con thầy thầy nuôi.

Bà Phạm-thị đẻ ra vua Lý Thái-Tổ ở chùa Tiêu-sơn (Bắc-ninh), ông sư Lý Khánh-Văn nhận làm con nuôi.

XXV

Ta trong cây khế ta ra,
Mình còn cạnh khế chi ta hỡi mình.

Vua Lê Ngọa-Triều ăn quả khế mà trong có hột mận (*Lý*), bèn sai người giết cả họ Lý. Thế mà có ông Lý Công-Uẩn hầu ở bên cạnh vẫn không ngờ.

XXVI

Tu đâu cho bằng tu nhà,
Thờ cha kính mẹ ắt là chân-tu.

Đời Lý, đạo Phật thịnh-hành. Người ta bảo rằng gốc chân-tu là cốt ở thờ cha kính mẹ.

XXVII

Nực cười châu-chấu chống xe,
Tưởng rằng chấu ngã ai rè xe nghiêng.

Ông Lý Thường-Kiệt đem quân sang đánh châu Ung, châu Liêm nhà Tống mà thắng trận, thực là võ-công đệ-nhất nước Nam ta.

XXVIII

Tới đây hỏi khách tương-phùng,
Chim chi một cánh bay cùng nước-non.

Đời Lý, đời Trần, mới có thương-thuyền các nước đến buôn bán ở Vân-đồn (Quảng-yên), còn dùng cột buồm để chạy thuyền, đường hàng-hải buôn bán mới ra từ đấy.

XXIX

Dầu ai sang-cả mặc ai,
Thân này nước chảy hoa trôi xá gì !

Nàng Mị-Ê là vợ vua Chiêm-thành bị vua Lý Thái-Tôn bắt đem về, đến sông Phủ-lý, bèn nhảy xuống sông mà tử-tiết.

XXX

Mở mương, mương chạy lên rừng,
Ta hay mương chạy ta đừng mở mương.

Vua nhà Lý bắt được Nùng Trí-Cao, lại tha cho về, sau Nùng Trí-Cao lại chiếm đất châu Quảng-nguyên làm phản. Người ta mới chê vua Lý dung-dưỡng kẻ khấu-thù là lầm vậy.

XXXI

Tiếc thay cây quế trong rừng,
Để cho thằng mán, thằng mường nó leo.

Đời Lý mở-mang về đường thượng-du, hay đem các nàng Công-chúa gả cho các tù-trưởng, để làm kế cơ-mi. Người ta mới tỉ-nghĩ mà than tiếc như vậy.

XXXII

Trời mưa, trời gió lông-bông,
Cha con ông Sùng đi gánh phân trâu.
Đem về trồng bí, trồng bầu,
Trồng hoa, trồng quả, trồng trầu, trồng cau.

Người nhà nông ham về cách bón-sới mà làm nên giầu-có, nên người ta mới gọi là ông Sùng (Thạch-Sùng). Cách bón-sới nghiệp nhà nông khởi ra từ đó

XXXIII

Hoa thơm, thơm lạ thơm lùng,
Thơm cành, thơm rễ, người trồng cũng thơm.

Vua Lý Huệ-Tôn thấy con gái người thuyền-chài họ Trần có sắc đẹp mà lấy, rồi cả họ Trần cùng được hiển-quí. Đó là chê vua Huệ-Tôn say đắm về sắc hoa.

XXXIV

Một ngày dự mạng thuyền rồng,
Còn hơn muôn kiếp ở trong thuyền chài.

Ông Trần Thái-Tôn được vào hầu cận trong cung bà Chiêu-Hoàng, đó là con nhà thuyền-chài mà được dự thuyền rồng, cơ tiếm-thiết manh ra từ đấy.

XXXV

Vì ai nên nỗi sầu này,
Chùa Tiên vắng-vẻ tớ thày xa nhau.

Vua Lý Huệ-Tôn bị phế, ra ở chùa Chân-Giáo, sau phải thắt cổ mà chết. Đó là vì mưu-mô Trần Thủ-Độ cả.

XXXVI

Trách người quân-tử bạc-tình,
Chơi hoa rồi lại bẻ cành bán rao.

Trách vua Trần Thái-Tôn lại đem bà Chiêu-Hoàng mà gả cho Lê Phụ-Trần.

XXXVII

Bạn vàng lại gặp bạn vàng,
Long, lân, qui, phượng, một đoàn tử-linh.

Một đoàn kim-chi ngọc-diệp họ nhà Trần lấy lẫn nhau, nên ví như trò tứ-linh vậy.

XXXVIII

Chim quyên đào đất ăn giun,
Anh-hùng lỡ vận lên nguồn đốt than,

Than tiếc cho ông Trần Khánh-Dư là người anh-hùng mà bị cách, lên ở núi Chí-Linh đi bán than. Sau ông lại được phục-chức, đánh phá quân nhà Nguyên ở Vân-đồn.

XXXIX

Đàn kêu tích tịch tình tang,
Ai đem Công-chúa lên thang mà ngồi.

Nàng Huyền-Châu công-chúa nhà Trần bị gả cho chúa Chiêm-Thành. Khi chúa Chiêm-Thành chết, nàng sắp phải lên hỏa-dàn tuẫn-táng. Cung-nhân lấy làm than tiếc. May có Trần Khắc-Chung vào đánh lừa lại đem về được.

XL

Tiếc thay hột gạo trắng ngần,
Đã vo nước đục, lại vần lửa rơm.

Nàng Huyền-Châu công-chúa bị nhơ nước đục với chúa Chiêm-Thành, lại bị tro rơm nhem-nhuốc với Trần Khắc-Chung. Nên người mới lấy làm than tiếc.

XLI

Dã-tràng xe cát bể đông,
Nhọc nhằn mà chẳng ra công-cán gì.

XLII

Con liu-điu dại lắm con ơi,
Luống công xe cát sóng dồi lại tan.

Hai chương trên này là tiếc cho nhà Trần đắp đê ở xứ Bắc-kỳ là thất-sách.

XLIII

Bao giờ cá chép hóa rồng,
Đền ơn cha mẹ ẵm bồng ngày xưa.

Nước ta ở Vạn-Bờ có thác Long-Môn, cá vượt qua đó thì hóa rồng. Đời nhà Trần mới thi tam-giáp, ai thi đỗ ví như cá hóa rồng. Đó là lời kỳ-vọng cho người đi thi vậy.

XLIV

Gà què ăn vần cối say,
Hát đi hát lại tối ngày một câu.

Nhà Trần thiết-yến quần-thần ở nội-điện, vua tôi say rượu thường dắt tay nhau mà hát. Dẫu rằng vui hưởng thái-bình, song nhiều điều phương-hại về luân-thường, nên tỉ như là gà què ăn vần vậy.

XLV

Ai mua con quạ bán cho,
Đen lông, đen lá, bộ dò cũng đen.

Hà Ô-Lôi người đen như quạ, vì hát hay, vua Trần Thuận-Tôn yêu

dùng quá, nên nó loạn-dâm cả trong cung-phủ, người ta đều tức cả, mà không dám nói, nên có câu ca này.

XLVI

Mẹ gà, con vịt chắt-chiu,
Mấy đời mẹ ghẻ nâng-niu con chồng.

Vua Trần Nghệ-Tôn phó-thác vua Thuận-Tôn cho Hồ Quí-Ly là họ ngoại để phò-tá. Nên người ta chê vua Nghệ-Tôn phó-thác phi-nhân, khác gì mẹ gà con vịt vậy.

XLVII

Kiến leo cột sắt sao mòn,
Tô-vò sây tổ, sao tròn mà sây.

Hồ Quí-Ly đắp thành Tây-đô ở Thanh-hóa, định mưu tiếm-đoạt, người ta ví như tò-vò sây tổ tất không được lâu bền.

XLVIII

Chàng về Hồ, thiếp cũng về Hồ,
Chàng về Hồ Hán, thiếp về Hồ Tây.

Vợ ông Cống-sinh đời nhà Trần khuyên chồng không nên theo Hồ Hán-Xương về Tây-đô, nên theo ở Cố-đô nhà Trần ở Tây-hồ. Nghĩa khứ-tựu rất là phân-minh vậy.

XLIX

Chim khôn lánh bẫy lánh dò,
Người khôn lánh chốn ô-đồ mới khôn.

Đời Nhuận-Hồ có ông Hoàng-mi tiên-sinh ẩn ở đồng Na-sơn (Thanh-hóa) không chịu theo Hồ Hán-Xương, người ta khen là bực cao-ẩn đời ấy.

L

Trách chàng Từ-Thức vụng suy,
Đã lên cõi thọ về chi cõi trần.

Từ-Thức từ-biệt nàng Dáng-Hương mà về là chửa đoạn hết được trần-duyên vậy.

LI

Đường vô xứ Nghệ rành-rành,
Non xanh nước biếc như tranh họa-đồ.
Ai vô xứ Nghệ thì vô!

Vua Lê Thái-Tổ khởi nghĩa ở Lam-sơn (Nghệ-an), thiên-hạ rủ nhau nô-nức về theo.

LII

Voi ăn trong núi trong dì,
Voi ra uống nước voi đi giữa đường.

Đời Lê Thái-Tổ mới khởi cái lệ cống voi sang Tầu. Thực là đời cảnh-tượng thái-bình, con voi cũng tự-do thỏa-thích.

LIII

So ra ai kém ai đâu,
Kẻ xe chỉ thắm người xâu hạt vàng.

Đời vua Lê Thánh-Tôn lập ra tao-đàn, vua tôi xướng-họa, ganh nhau câu thơ cẩm-tú, giọng hát châu-cơ, không ai chịu kém ai cả. Hoặc cho là bởi sự-tích ông Từ Đạo-Hạnh, ganh nhau với ông Đại-Điển mà có câu thơ này.

LIV

Sáng trăng trải chiếu hai hàng,
Bên anh đọc sách, bên nàng quay tơ.

Lời vợ chồng khuyên nhau đều cần chức-nghiệp.

LV

Chẳng tham ruộng cả ao liền,
Tham vì cái bút cái nghiên anh đồ.

Thời ấy chuộng học khoa-cử.

LVI

Nhất vui là hội chùa Thầy,
Vui thời vui vậy chẳng tày vui em.

Trai gái nhân khi hội chùa mà ve-vãn nhau.

LVII

Lênh-đênh qua cửa Thần-phù,
Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm.

Đó là nói nơi hải-khẩu hiểm-ác, bây giờ đã bồi thành ra huyện Kim-sơn.

LVIII

Vì rằng bác mẹ chẳng sinh,
Đem con bán phố Vạn-ninh cho rồi.

Người Tầu hay mua trẻ con đem về Tầu. Đời Lê Hồng-Đức đã nghiêm-cấm mà không xiết, nên hãy còn cái thảm-trạng lưu-li như vậy.

LIX

Tằm sao tằm chẳng ăn dâu,
Tằm đòi ăn ruộng ăn trâu ăn nhà.

Đời Lê Thái-Tôn đánh gia nặng thuế bãi dâu, nên dân-sự mới than như vậy.

LX

Gánh vàng đi đổ sông Ngô,
Đêm nằm mơ-tưởng đi mò sông Tương.

Đất Bắc-kỳ nước ta vì Hồ Quí-Ly, Mạc Đăng-Dung mà hụt mất đất giáp-giới Quảng-yên và Lạng-sơn về nước Tầu, nên quốc-dân mới lấy làm tiếc. Hoặc có nghĩa cho là dùng đồ Tầu nhiều quá mỗi năm mất biết bao nhiêu là của bỏ đi.

LXI

Đời vua Thái-Tổ Thái-Tôn,
Con dắt, con bế, con bồng, con mang.
Bò đen húc lẫn bò vàng,
Hai con húc chắc dâm quàng xuống sông.
Thằng bé chạy về bẩm ông,
Bò đen nó đã xuống sông mất rồi,

Lời ca trẻ mục-đồng về thời Lê, Trịnh, còn nghĩa chửa được tường.

LXII

Ngọn đèn thấp-thoáng bóng trăng,
Ai đem người ngọc thung-thăng chốn này?

LXIII

Vẩn-vơ dứng gốc cây mai,
Bóng mình lại nghĩ bóng ai mình lầm!

LXIV

Nhớ ai lơ-lửng đầu cầu,
Lược thưa biếng chải, gương tàu biếng soi.

Ba chương trên này là lời ca nhạc-phủ trong cung về triều nhà Lê.

LXV

Ngày đi trúc chửa mọc măng,
Ngày về trúc đã cao bằng ngọn tre.
Ngày đi lúa chửa chia vè,
Ngày về lúa đã đỏ hoe đầy đồng.
Ngày đi em chửa có chồng,
Ngày về em đã con bồng con mang.

Lời kẻ chinh-phu, phải đi viễn-thú lâu ngày mới được về

LXVI

Ai ôi giữ chí cho bền,
Dầu ai xoay hướng xoay nền mặc ai.

Mạc Đăng-Dung tiếm-quốc lên ngôi, những bậc tiết-nghĩa không chịu qui-phục.

LXVII

Ai lên phố Cát Đại-đồng,
Hỏi thăm có Tú có chồng hay chưa?
Có chồng năm ngoái năm xưa,
Năm nay chồng vắng như chưa có chồng.

Phố Cát Đại-Đồng thuộc Tuyên-quang.

LXVIII

Kéo quân qua cửa Hùng-quan,
Chim muôn tiếng hót, hoa ngàn thức đưa.

Nhớ ai ngơ-ngẩn, ngẩn-ngơ,
Nhớ ai, ai nhớ, bây giờ nhớ ai ?

Hùng-quan thuộc Tuyên-quang. Gia Quận-Công là Võ Văn-Uyên cùng với em là Mật, chiếm giữ thành Đại-Đồng, chống nhau với quân nhà Mạc để phù nhà Lê. Chương trên là nói thác ý thăm vợ, chương giữa là nói việc điệu-binh, mà ngụ ý nhớ vua Lê vậy.

LXIX

Bên sông vắng-vẻ một mình,
Có ông ngư-phủ biết tình mà thôi.

Truyền rằng có ông Nguyễn Nghi đi thi qua sông Lỗ-hiền (Thanh-hóa) nghe thấy người Ngư-phủ hát câu ấy, đến lúc vào trường theo ý ấy mà làm, quan-trường phê là thần-cú.

LXX

Chớ khinh chùa Tích không thờ,
Mà đem xôi oản cúng nhờ gốc cây.

Thơ này ví chùa Tích như nhà Lê, gốc cây như nhà Trịnh, chớ thấy nhà Lê suy mà vội theo nhà Trịnh.

LXXI

Thế-gian đặt bẫy cho mình,
Oan ơi! e ức bản-tình mình không!

Thương Thái-tử Lê Duy-Vĩ bị giết oan vì Trịnh-Sâm.

LXXII

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây,
Nào ai vun-sới cho mày, mày ăn ?

Nói Chúa Trịnh lộng quyền mà không nhớ đến gốc nhà Lê vậy.

LXXIII

Thuyền câu lơ-lửng đã xong,
Thuyền chài lơ-lửng uổng công thuyền [chài.

Thuyền câu là ví họ Trịnh, thuyền chài là ví nhà Lê. Vua Trần-Tôn nhà Lê bấy giờ chỉ đi bơi thuyền chơi ở Tây-Hồ mà không biết nghĩ đến việc nước.

LXXIV

Em đừng thấy lính mà khinh,
Lính-binh thống-chế ba dinh một dòng.

Cuối Lê, binh Tam-phủ kiêu-hạnh, có người do lính xuất-thân mà làm quan to.

LXXV

Bão-bùng ngành ngọn sơ dư,
Chim không nơi đỗ dật-dờ phương nao?

Đời Lê-qui loạn-lạc, nhân-dân siêu-tán, ví như chim vỡ tổ.

LXXVI

Khoan-khoan, hỡi ả chèo đò,
Ới anh cầm lái dặn-dò trước sau!

Đời cuối Lê, Tây-sơn nổi loạn, ở Bắc-hà thì vua Lê bôn-bá, ở Nam-kỳ thì chúa Nguyễn khai-cơ, những người hiền-sĩ không biết theo dàng nào, nên mới dặn-dò bảo nhau cầm lái phải biết đường xu-hướng. Người xứ-sĩ trong Gia-định có câu thơ rằng :

Chẳng đặng thẳng lèo tranh trước gió,
Chi bằng mái một giữ khoan-khoan.

cũng là ý ấy vậy.

LXXVII

Đời vua Vĩnh-tộ lên ngôi,
Cơm gạo đầy nồi, trẻ chẳng ăn cho.

Đời vua Lê Thần-Tôn dân-gian được mùa phong-phú, đến đời Chiêu-Thống mất mùa kém đói, nhân-dân mới nhớ lại lúc thịnh-thời.

LXXVIII

Gió đưa cây cải về trời,
Rau răm ở lại chịu lời đắng-cay.

Vua Lê Chiêu-Thống và bà Hoàng-

thái-hậu chạy sang Tầu, bà cung-phi là Nguyễn Thị-Kim không theo kịp, nên đọc thơ này để tự-tỉ: rau cải ví như bà Thái-hậu, rau răm ví như mình phải chịu cay đắng.

LXXIX

Hỡi Nhược-nhược ? trăng khuya đã mọc, độ nước đã lên, chèo sang bên ghềnh, bới năm ba chổ, họa may trời hộ, đặng cá ông voi, tiền ngỏ đầy doi, gạo năm ba thúng !

Nhược là giống cá bể, kẻ ngư-nhân cũng đặt tên con là Nhược. Đây là lời gọi bảo con cứ yên-phận tự-túc, chớ không cầu-cạnh chi với đời. Người này chắc là người ẩn-dật tránh loạn Tây-sơn vậy.

LXXX

Bao giờ rồng đến nhà tôm,
Rồng leo cây ngải, thời con rồng vàng.

Họ Trịnh được mả phát-tích ở vực Tôm, đến khi Trịnh Sâm đem quân vào Nghệ (乂 tức là cây Ngải 艾) là lúc đã suy, đó là lời sấm nói về họ Trịnh có lúc hưng, lúc suy vậy.

LXXXI

Tưởng là chị ngã em nưng,
Chẳng hay chị ngã, em mừng em reo.

Trịnh Tùng tranh-cướp lấn binh-quyền của anh là Trịnh Cối, rồi sinh ra hiềm-khích đánh nhau, nên người ta chê như vậy.

LXXXII

Dẫu xây chín cấp phù-đồ,
Chi bằng làm phúc cứu cho một người.

Thái-tử Lê Duy-Vĩ phải Trịnh Sâm giết oan, oan-hồn tác-quái, Trịnh Sâm phải lập đàn cúng Phật để nhương-trừ, nên người nước mới trách rằng xưa kia sao không làm phúc mà cứu cho một người.

LXXXIII

Mẹ cho năm quả bí vàng,
Mười quả bí bạc ra đường nuôi quân.
Cơm ăn rượu uống cho say,
Dịp-dàng mà đánh trong này cho tao.
Bao giờ tao kéo quân vào,
Hội-đồng chư tướng rồi tao sẽ dùng.

Trịnh Ninh đem quân vào chống nhau với Nam-Triều chúa Nguyễn. bỏ nhiều vàng bạc ra để thưởng quân-sĩ. Trịch Tạc sinh lòng nghi-ngờ vời Trịnh-Ninh về, còn quân-sĩ ở lại chỉ rượu-chè dong-chơi mà thôi.

LXXXIV

Tiếc công gánh gạch Bát-tràng,
Xây hồ bán-nguyệt cho nàng gieo chân.

Trịnh chúa Sâm bắt dân-phu gánh gạch Bát-tràng xây bờ hồ Tây, để làm chỗ cho nàng Đặng Thị-Huệ ra chơi bơi thuyền, nên dân oán-thán.

LXXXV

Đục còn nên giữ lấy tông,
Quốc đà long cán còn mong nỗi gì.

Con trưởng Trịnh-Sâm là Tông (棕, tức là Trịnh Khải), con thứ là Cán (榦) Sâm muốn lập Cán nối ngôi, nhưng không xét Tông là con trưởng nên lập.

LXXXVI

Một mình vừa chống vừa chèo,
Không ai tát nước đỡ nghèo một khi.

Khi Trịnh Tôn bị quân Nguyễn Huệ đuổi, thị-vệ bỏ tan cả, chỉ có một mình chạy ra bờ sông, gặp một chiếc đò nát, vừa chở vừa chạy sang Bắc-ngạn.

LXXXVII

Chàng về Vạn-Vạc chàng ôi !
Con chàng bỏ đó ai nuôi cho chàng.

Ông Nguyễn Nho-Quang đỗ trạng làm đến tể-tướng, có đức-vọng, dân yêu-mến. Khi trí-sĩ về làng Vẫn-Hà, dân hãy mong nhớ.

LXXXVIII

Đầu cha lấy làm chân con,
Mười bốn năm tròn hết số thời-thôi.

Nguyễn Huệ kỷ-nguyên là Quang-Trung 光中, con là Quang-Toản kỷ-nguyên là Cảnh-Thịnh 景盛. Chữ Quang 光 thời chữ tiểu 小 ở trên, chữ cảnh 景 thì chữ tiểu 小 ở dưới, hai cha con truyền nối vừa được mười bốn năm.

LXXXIX

Ai đem con sáo sang sông,
Nên chi con sáo sổ lồng sáo bay.

Nguyễn Chỉnh phong tước là Bằng-Quận-công, 鵬郡公, người ta gọi là con sáo. Vì Nguyễn Huệ bỏ Chỉnh ở Nghệ-an, nên Chỉnh lại ra Bắc-hà mà làm lừng-lẫy.

XC

Đi cùng bốn bể chín chu,
Về ngồi trong bếp chuột chù cắn chân.

Nguyễn Huệ bỏ Chỉnh ở Bắc-hà mà về trong Nam, dân Bắc-hà oán Chỉnh lắm, nên khi Chỉnh chạy theo Huệ, có người đem gạch đá ném theo. Chỉnh nói rằng: « Ta đi khắp bốn bể không ai dám chống ta, đứa nào lại dám cả gan thế. »

XCI

Trách lòng Biện-Nhạc tứ-linh,
Làm cho con gái thất-kinh hãi hồn.
Trách lòng Biện-Nhạc nhiễu điều,
Làm cho con gái lắm điều phiền lo.

Tứ-linh là quân-hiệu của Nguyễn Nhạc, thủy-quân hay trit khăn nhiễu điều, khi ra Bắc-hà rất là những-nhiễu.

XCII

Tiếng ai than khóc nỉ-non,
Là vợ chú lính trèo hòn Cù-mông,

Núi Cù-mông ở tỉnh Phú-an, Tây-sơn đóng ở đó, bắt tận-dân vi-binh, nên những người phải đi lính oán-thán.

XCIII

Đô-đốc tam thiên đô-đốc,
Chỉ-huy bát vạn chỉ-huy,
Trung-úy, vệ-úy, chẳng kể làm chi,
Cai-đội, phó-đội lấy tàu mà trở.

Đời Tây-sơn bán quan-tước lấy tiền rất nhiều, nên lại có câu rằng: « Mười quan thời đặng tước hầu, năm quan tước bá ai hầu thua ai. »

XCIV

Rủ nhau đi gánh nước thuyền,
Quang dứt chĩnh vỡ gánh liền xuống sông.

Thời ấy nhiều người su-phụ theo Tây-sơn, người ta ví như đi gánh nước mà không ra gì. Quang đứt là ám-chỉ Quang-trung, chĩnh vỡ là ám-chỉ cống Chỉnh, đều bị phá-hoại cả.

XCV

Măng dang nấu cá ngạnh nguồn,
Đến đây nên phải bán buôn mửa vui.

Khi đức Thái-Tổ Gia-Dụ trấn Thuận-hóa, nhân-dân nhiều người vào theo, dẫu ăn măng dang cá nguồn, cũng lấy làm vui thú.

XCVI

Rồng nằm bể cạn phờ râu,
Mấy lời anh nói dấu đầu hở đuôi.

Ông Trần Đức-Hòa biết ông Đào Duy-Từ là bậc Ngọa Long Gia-Cát, tiến lên vua Hi-Tôn Nam-triều. Lời ca này là lời người Bắc-hà chê ông Đào Duy-Từ theo về Nam-triều là nông-nổi.

XCVII

Thương anh, em cũng muốn vô,
Sợ truông nhà Hồ, sợ phá Tam-giang.
Phá Tam-giang ngày rầy đã cạn,
Truông nhà Hồ Nội-tán cấm nghiêm.

Truông nhà Hồ tức là Hồ-xá, thuộc Quảng-trị, chỗ này rậm-rạp nhiều quân hung-đồ tụ họp. Phá Tam-giang thuộc huyện Quảng-điền ở Huế, đời vua Hiền-Tôn có ông Nguyễn Khoa-Đăng làm nội-tán dẹp yên quân giặc, lại khơi sông để cho tiện thuyền bè đi lại, nên người ta mới ca-tụng như vậy.

XCVIII

Nhà-bè nước chảy phân hai,
Ai về Gia-định Đồng-nai thời về.

Sông Mê-công đến Cao-miên chảy rẽ làm đôi, phân làm Tiền-giang Hậu-giang, chảy vào Nam-kỳ ; Nhà-bè là một nơi ở về dưới Sài-gòn. Dân bấy-giờ nô-nức vào Nam-kỳ để theo đức Cao-hoàng.

XCIX

Đố ai quét sạch lá rừng,
Để anh khuyên gió gió đừng rung cây.

Trải cơn loạn-lạc như trận gió rung cây, biết bao giờ cho bình-tĩnh được, đó là lời thương đời loạn.

C

Vái trời cho chóng gió nồm,
Cho thuyền Chúa Nguyễn thẳng buồm chạy ra.

Đức Cao-Hoàng nhân khi Nam-phong lại đem quân ra để thu-phục Phú-xuân, dân bấy giờ cứ ngóng trông chiều gió mà mong-mỏi lắm.

VĂN-UYỂN

HÁT NÓI

(Thượng-thư Dương Văn-Trì)

I

Hồng tuyết

Hồng-hồng, tuyết-tuyết, mới ngày nào chưa biết chi chi, mười lăm năm thấm-thoắt có xa gì, ngảnh mặt lại đã tới kỳ tơ-liễu. *Ngã lãng du thời quân thượng thiếu* 我浪遊辰君尙少[1], *quân kim hứa giá ngã thành ông* 君今許嫁我成翁[2]. Cười cười nói nói tương-phùng, mà bạch-phát hồng-nhan chửng ái-ngại. Riêng một thú thanh-xuân đi lại, khéo ngây ngây dại dại với tình. Đàn ai một tiếng dương-tranh!

II

Nói hớt

Miễu

Thà cám từ thửa sơ-sinh,
Lớn lên nói hớt như ranh làm gì ?

Ngó lui ngó tới, có một người nói hớt nỗi thời-danh ; hớt truyện người rồi lại hớt truyện mình, cất miệng nói đã dành câu nói hớt. Hớt

(1) Lúc ta đi chơi phiếm thì nàng còn nhỏ.
(2) Nay nàng đi lấy chồng thì ta đã nên ông.

đâu có hớt, Chua như chanh, cay như ớt, rẻo như xôi ; lại pha thêm nửa ngọt nửa bùi, góp khôn dại hơn vui làm một tiệc. Ai nghe hớt biết chăng chẳng biết ; truyện nhân-tình sao xiết thị-phi ; còn nghe nói hớt làm chi !

III

Tặng cô đào Cần

Miễu

Tiễn ai chi liễu giành đình ?
Bận ai chi mối tơ tình vương chơi ?
Chắc ai đã nhớ đến lời,
Biết ai đã nhớ đến người xa-xa ?

Lại Miễu

Xin ai đừng có quên ai,
Bức hồng-cân đó là lời cựu-minh.
Chiêm-bao lần-quất quế-đình,
Nhớ ai ai có biết tình cho ai ?

Nói

Tình-thư một bức, hỏi tình-nhân rằng có nhớ hay quên ? Khách má-hồng vừa mới bén hơi duyên, lúc tương-ngộ lại thêm phiền tương-biệt. *Quân khứ lưu-tình Tô-thủy nguyệt* 君去留情蘇水月(1), *Khách qui tần-vọng Nhị-hà vân* 客歸頻望珥河雲(2); ai nhớ ai luống những tần-ngần, để quạt ước gương nguyền chờ-đợi đó. Hỏi thăm lối phù-dung vườn cũ, hẹn hoa này chờ phụ với đông-quân. Nào ai ngăn dón vườn xuân !

IV

Sợ vợ ghen với cô đào Oanh

Miễu

Gớm cho cái nợ tình đời,
Đem gương tố-nữ đổi người phong-huê.
Tin xuân thổ thẻ đi về,
Mảng vui oanh nói mà e liễu hờn.

Nói

Gượm xin thưa lại, hỏi tình-quân rằng phải thế hay không ? Buổi tân-trì chưa vướng lục lấy hồng, mà phòng trong đã Hà-đông sang-sảng tiếng. Ngắm về anh-hào coi cũng mến, kia đố-hoa(3) còn để truyện ngày xưa ; chén khuyên chàng ngảnh mặt làm ngơ, đừng liễu cợt trăng mờ chi thóc-mách. Một mai hỏi tiểu-thư mượn sách, giật mình về nỗi khách đa-mang. Nước đời được mấy Thúc-lang !

V

Tặng cô đào góa chồng

Miễu

Nghe đàn nhớ lão Chung-kỳ,
Vợ mi ở đó mi đi mô chừ ?
Sớm khuya xe tấu phụng thờ,
Góa chồng cũng thể như chưa có chồng.

Lại miễu

Lấy ai làm kẻ đồng-tâm ?
Lấy ai làm kẻ tri-âm với nàng.
Đêm khuya luống những bàng-hoàng,
Người đi đâu vắng mà đàn còn đây ?

Nói

Nhân vong cầm lại, nhớ chàng Hai mà hỏi lại cô Hai ; tiện đây hỏi một đôi lời, đàn-bản ấy cùng ai tơ phiếm cũ ; *Hồng phấn kỷ nhân vi quả-phụ* 紅粉幾人爲寡婦(4), *bạch đầu nan lão Trác Văn-quân* 白頭難老卓文君(5) ; thế thì khi gió gác lúc trăng sân, chừng bạch-tuyết dương-xuân còn tưởng nhớ. Ngồi gượng lại hát chơi lúc nữa, có trách chi tang-trở xôm

(1) Chàng đi lưu tình ở bóng trăng trên bến sông Tô-lịch.
(2) Khách về hằng trông mây ở trên sông Nhị-hà.
(3) Đố hoa là ghen với hoa. Xưa có người chồng hay ngắm hoa đào, vợ ghen chặt cây đào đi.
(4) Gái hồng-phấn mấy người chịu ở góa.
(5) Nàng Trác Văn-quân khó chịu ở già đến đầu bạc.

Bình-khang [1]. Xưa nay nghề nghiệp thế thàng!

VI

Chơi hát ngâu-hứng

Ngó lui ngó tới, có một người phong-nhã nổi thời-danh ; bấy lâu nay tình lại gặp tình, lời nguyện-ước vẫn đinh-ninh vàng đá. *Tiên-lang nhất ngộ tằng tương-hứa* 仙郎一遇曾相許 [2], *quế-điện phiên-hương kim kỷ hồi* 桂殿飄香今幾回 [3], nợ tình-tình rầy lắm chị em ôi! đã dan-díu chót vay rồi phải trả. Khi đón gió, khi chờ trăng, khi xem hoa, khi bẻ lá, diệu đồng-tâm nấn-ná biết là bao. Một mảnh tơ ông tạo-hóa hay trêu, duyên đằm-ấm lạt chen vào cay ngạt. Mặn không mặn mà nhạt thời không nhạt, gần không gần mà xa cũng không xa. Có chăng ta biết sự ta!

THƠ CA CŨ

Thơ của cụ Yên-Đỗ

Tặng Hà-nam Đốc-học Trần

Ai rằng ông dại với ông điên?
Điên dại sao ông biết lấy tiền?
Cậy cái bảng vàng cheo nhị-giáp,
Khiếp thằng mặt trắng lấy tam-nguyên.
Dấu nhà vừa thoát sừng trâu đỏ,
Phép nước xin chừa móng lợn đen.
Chỉ cốt túi mình cho nặng chặt,
Trăm năm mặc kệ tiếng chê khen.

Mùa hè tự than

Tháng tư đầu mùa hạ,
Tiết trời thực oi-ả.
Tiếng pế kêu thiết-tha,
Đàn muỗi bay tơi-tả.
Nỗi ấy biết cùng ai.
Cảnh này buồn cả dạ!
Biếng nhắp năm canh trầy,
Gà đã sớm giục-giã.

Vịnh chợ Đồng

Tháng chạp hai mươi bốn chợ Đồng,
Năm nay chợ họp có đông không?
Giở trời mưa bụi còn hơi rét,
Nếm rượu tường-đình được mấy ông?
Hàng-quán người về nghe xáo-xác,
Nợ-nần năm trước hỏi lung-tung.
Năm ba ngày nữa tin xuân tới,
Phảo trúc nhà ai một tiếng đùng.

Con vịt

Cũng đủ lông xương cũng đủ da,
Chẳng ra ngan ngỗng chẳng ra gà.
Co chân vùng-vẫy miền trăng bạc,
Ngảnh cổ ăn chơi chốn hải-hà.
Đội đức càn-khôn sinh trứng mãi,
Nhờ lò tạo-hóa nở con ra.
Tiếng tuy rằng thấp gan không bé,
Sấm sét ù-ỳ cũng chẳng xa.

Vũ Xuân-Trác sao-lục

---

(1) Xóm ả-đào.
(2) Đã có gặp chàng tiên một lần mà hứa với nhau.
(3) Nay đã vin cành quế là đã đỗ nên bao lâu rồi.

THƠ CỦA ÔNG TÚ-XƯƠNG

Vị-hoàng hoài-cổ

Nô-nức đi chơi đất Vị-hoàng,
Ấy nơi phong-vận chốn nhiều quan.
Trời kia xui khiến sông nên bãi,
Người khéo xoay ra phố cả làng.
Khua vỗ trống chuông chùa vẫn vắng,
Xi-xào tôm tép chợ gần tan.
Việc làng quan lớn đi đâu cả,
Chỉ thấy năm ba bác khán bàn.

Gần tết than việc nhà

Bố ở một nơi con một nơi,
Bấm tay tháng nữa hết năm rồi.
Văn-chương ngoại-hạn quan không chấm,
Nhà-cửa giao canh nợ phải bồi.
Tin bạn hóa ra người thất thố,
Vì ai nên nỗi chịu lầm vôi.
Ba mươi mốt tuổi đà bao chốc,
Lặn suối trèo non đã mấy hồi.

Mừng ông cử Bùi cưới vợ kế.

Một sớm ơn vua chiếm bảng vàng,
Lam-kiều lối cũ lại lần sang.
Câu văn Hán Tống hay ghê gớm,
Quyền truyện Phan-Trần thuộc cháo tran.
Gỗ tốt nỡ đem trồng cột dậu,
Chim khôn sao khéo đỗ nhà quan.
Làng nho ai lại hơn ông cả,
Có dễ ông nay sướng nhất làng.

Ngẫu-hứng

Sấp-sỉ ba mươi mấy tuổi đầu,
Trăm năm tính đốt hẳn còn lâu.
Vì dù thi đỗ làm quan lớn,
Thì cũng nhà to cưới chị hầu.
Đất nọ vẫn thường hay có trạch,
Bể kia nhiều lúc cũng trồng dâu.
Hôm nay dỗi-dãi buồn tình nhỉ,
Thử xuống hàng Thao đập ngón chầu.

Đi lạc đường

Một mình đứng giữa quãng trơ-vơ,
Có gặp ai không để đợi chờ.
Nước biếc non xanh coi vắng-vẻ,
Kẻ đi người lại dáng bơ-vơ.
Hỏi người chỉ thấy non xanh ngắt,
Đợi nước càng thêm tóc bạc phơ.
Đường đất xa khơi ai mách bảo,
Biết đâu mà ngóng đến bao giờ !

Vũ Xuân-Trác sao-lục

DỊCH THƠ TÀU

Dịch thơ « Bạch-đầu » của Trác Văn-Quân

譯卓文君白頭詩

皚如山上雪

Trắng sao như tuyết đầu non,

皓如雲間月

Sáng sao như mặt trăng tròn trên mây.

聞君有兩意

Nghe chàng có ý riêng tây,

故來相決絕

Rứt tình nên phải tới đây ngỏ lời.

今日杯中會

Hôm nay chén rượu vui mời,

明日御上溝

Ngày mai chừng đã tới ngoài Ngự-câu.

躡蹀溝上頭

Đầu khe một bước một sầu,

溝水西東流

Dưới khe nước rẽ đôi đầu đông tây.

淒 淒 重 淒 淒

Lạnh-lùng thêm lạnh-lùng thay,

嫁 娶 不 須 啼

Gả chồng lấy vợ chớ hay oán thầm.

願 得 同 心 人

Mong sao được bạn đồng-tâm,

白 頭 不 相 離

Đến khi đầu bạc ôm cầm cùng nhau.

Xuân-mai ĐẶNG NGỌC-THỤY
Học-sinh trường Trung-Học

THI CA MỚI

Cảnh lụt huyện Gia-bình

Thời này nào phải buổi vua Nghiêu,
Mà lụt ta đây nước vẫn nhiều.
Chan-chứa khắp nơi đồng trắng sóa,
Mông-mênh như bể nước trong veo.
Dập-dềnh ngoài cửa thuyền cùng mảng,
Lồm-ngồm trên sàn chó với heo.
Cảnh lụt khá thương dân hạt-hạ,
Loài người há phải giống tre-pheo !

PHẠM HUY-TOẠI
Tri-huyện Gia-bình (Bắc-ninh)

Húi đầu (1)

Xưa kia ta vốn gọt đầu,
Tóc dài mới tự bên Tầu đời Minh.
Nay Tây ngắn tóc coi xinh,
Nghĩ ra mới biết cũ mình rằng hay.
Rủ nhau cắt tóc từ rầy,
Ghi niềm phục-cổ là ngày duy-tân.
Mới từ kẽ tóc mới dần,
Buồng tim gân óc lần lần mới đi.
Những người vụng chẳng hay suy,
Thấy hơi lạ mắt rầm-rì nhỏ to.
Nào bồi chọc nào chụi đô,
Nào người ốm nào thày tu thày già.
Tha-hồ kẻ nói vào ra,
Việc ta đã định ý ta chẳng ngờ
Mừng nay tổ chấy khỏi sờ.
Mừng không ai cứ từ giờ mừng đi !

Mừng ông đồ Tri-chỉ hạ thọ.

Thọ trăm tuổi cũng chưa bao ta,
Thọ sáu mươi đâu đã nên đời.
Mừng ông có cái hơn người,
Chơi thì chơi vậy mà chơi có chừng.
Thủa trai trẻ đủ từng thứ nghiện,
Rượu trà hay nha-phiến cũng hay,
Trải bao ngày tháng tỉnh say,
Năm năm mươi tuổi chừa ngay đến giờ.
Nào há phải nước cờ phải bí,
Bị phải mưa nỗ-chí hay sao.
Gan tráng-sĩ khi anh-hào,
Muốn cho thiên-hạ trông vào làm gương.
Lại biết tinh trà thương tổn phế,
Cũng thội chừa tự chế mới ra.
Mạn sen là nụ vối nhà,
Lá non liên-tử lá già ô-long.
Thật xứng đáng hiệu ông Tri-chỉ,
Chỉ còn nhiều ý-nghĩa nên suy.
Chúc ông lên cõi kỳ-di,
Để xem chừa những chi chi nữa nào !

Tùng-sơn PHẠM HUY-HỒ

Thơ thọ

Trăm năm xuân-thọ, làm cái mọt già vở xanh. Năm nay tôi hành-niên sáu mươi, có hai bài « Sơ-độ tự-thuật », anh em vợ con trong nhà có nối theo cả, nhưng cũng hủ-lậu lắm. Vậy xin đăng vào báo-quán để các quan-viên trong làng nho ta ông nào có lòng hạ-cố, sửa-sang lại cho, thì tôi được cảm ơn lắm lắm

(1) Bài này tác giả làm tự năm 904, hồi bấy giờ nước ta còn ít người húi đầu

I

Năm kềnh ta tính tuổi ta chơi,
Thấm-thoắn xuân này đã sáu mươi.
Nghề hủ trái tai ai chuộng đến,
Gánh buôn đủ mặt chợ chưa rồi.
Thơ nhân lúc hứng ngâm còn sinh,
Rượu sẵn hàng quen hết lại mời.
Đủng-đỉnh sông Tô miền nước biếc,
Gió trăng riêng chiếm một kho trời.

II

Chén xuông dủ-dỉ với trăng già,
Sao cái xuân-xanh chóng thế mà ?
Dạo ấy non-sông còn sợi tóc,
Tuổi này sương-tuyết nhám mầu da.
Gặp duyên nọ phải nhờ con sách,
Ngắm cảnh càng thêm thẹn vẻ hoa.
Ngất-ngưởng làng nho vai đóng lão,
Văn-minh ngày ngóng lũ bê-ba.

***

Xá-đệ Ninh-bình Đốc-học họa

Tháng bụt ngày tiên đủng-đỉnh chơi,
Cõi trăm năm mới sáu lần mươi.
Mặc ai danh-lợi đua chen thấy,
Trên cõi văn-minh tuổi tác rồi.
Bể hoạn xuông tình nhiều lúc hứng,
Đêm xuân có rượu mấy khi mời.
Non quên trăng gió nhàn thêm thọ,
Chung-đỉnh vui chung hưởng lộc trời,

Học-đệ Ấm-sinh Thúc-hoạch họa

Gặp nhau cùng hỏi tuổi nhau chơi,
Cùng kém hơn nhau chỉ một mươi.
Tóm kể văn-chương ba độ biến,
Trải xem dâu bể mấy phen rồi.
Vườn thơm chuyện vẫn như hoa nở,
Tiệc thọ mừng không đợi thiếp mời.
Trăng gió còn nhiều khi xướng-họa,
Thơ lưng lưng túi chén nghiêng trời.

Chuyết-kinh Đặng-thị học-bộ.

Khéo dê con gậy lối tình chơi,
Lụ-khụ làm như cụ tám mươi.
Trong bụng chỉn nhiều châu ngọc hão,
Trên đầu già nửa tuyết sương rồi.
Thơ lên mặt thánh đưa người họa,
Rượu thích tay tiên kén kẻ mời.
Gạn nước sông Tô nưng chén thọ,
Có chăng gì nó vì em trời.

Phó-thất Bùi-thị học-bộ.

Ngồi dúm đầu dâu tính tuổi chơi,
Sáu mươi coi ngỡ bốn năm mươi,
Bởi không hầu trẻ nên tơ mãi,
Nếu có quan sang cũng tếch rồi.
Sách cũ nhàn nương thềm gió ngợi,
Chén xuông riêng nể chị trăng mời.
Tiệc mừng muốn gọi cô đầu hát,
Để chúc ông thêm đội tuổi trời.

Tử-tế-đẳng bái họa.

Dưới màn hầu chuyện lúc vui chơi,
Danh-giá làng nho biết mấy mươi.
Quốc-trái hẳn không ai nhắc đến,
Công-sưu gần đúng lệ nhưng rồi.
Gương lồng tóc tuyết hoa sen bóng,
Chén lựa thơ mân rượu kính mời,
Cõi thọ nay mừng cùng biết tuổi,
Mười năm một tiệc đội ơn trời.

Hạ-đình tú-tài LÊ ĐÌNH-HUYẾN.

THỜI-ĐÀM

Hội Kỷ-niệm Đại-Pháp Dân-quốc ngũ-tuần. — Ngày 11 tháng này, tất cả nước Pháp, tất cả thuộc-địa, cùng các nơi có người Pháp ở, đều mở hội kỷ-niệm ngày lập chính-thể Dân-quốc Đại-Pháp và ngày đình-chiến. Ở đất Đông-Pháp này, trong các thành-phố lớn, các tỉnh-lỵ nhỏ, các quí-quan cùng người bản-xứ đều vui mừng ngày quốc-hội một vẻ rực-rỡ trương-hoàng.

Ở thành-phố Hà-nội, trước cửa nhà Hát tây (*Théâtre Municipal*), có lập một tháp kỷ-niệm tạm-thời do tay một nhà mỹ-thuật có tiếng là ông BOUDON đặt kiểu và dựng lên. Tháp như hình cái bia, mặt trước có hình người đàn-bà, tức là Dân-quốc Đại-Pháp, trên có con gà sống, cũng là biểu-hiệu của Đại-Pháp.

Các báo đã kể tường về chương-trình ngày Hội ở các nơi, vậy bản-chí không thuật lại làm gì; dưới đây chỉ xin bàn qua về chủ-nghĩa ngày Hội và kể lược-sử chính-thể Dân-quốc ở Đại-Pháp thế nào.

Bên Âu-tây, cái lý-tưởng về dân-chủ chính-thể đã có từ cổ-thời Hi-lạp, La-mã; song ấy là về phần khảo-cứu, xin để những nhà sử-học xét. Ta chỉ nên biết rằng nước Pháp là một nước trọng nhân-quyền, dân-tình hiếu tự-do, dân-quyền, bình-đẳng; cho nên đương đời vua Lộ-dịch thập-lục (Louis XVI), là ông vua nhu-nhược, lại nhân cái tệ-đoan của các tiền-quân di-truyền lại, nên sinh ra việc Cách-mệnh. Đó là cái khởi-điểm của chính-thể Dân-chủ. Sự đó tất-nhiên phải thế, vì khi nào trong xã-hội có việc biến-cách, tất là chính-thể nhất-tân; chính-thể mới ấy phải thuận dân-tình, hợp dân-tâm, trái lại cựu-chính-thể. — Chính-thể Dân-chủ ở nước Pháp phải lập ba lần, đến lần thứ ba này mới vững-bền, và tới bây giờ vừa đầy năm mươi năm, tức là thọ được ngũ-tuần vậy.

Nay ta kể truyện về lần thứ ba, vì hội kỷ-niệm này là thủ-nghĩa ở « Đệ-tam thứ Cộng-hòa » (*La 3e République*) mà ra.

Năm 1870, ở trong thì dân-tình đang náo-động do những nguyên-nhân từ trước, mà vua Nã-phá-luân đệ-tam thì thi nhiều chính-sách vụng-về; ở ngoài thì đang chinh-chiến với Đức-bang, bị nhiều phen tổn-hại; Hoàng-đế phải hàng ở Sedan ngày 2 tháng 9, hoàng-hậu phải trốn sang Anh-quốc. Nhân-dân kéo nhau lũ-lượt đông-đô: « Diệt quân-chủ! lập dân-quyền! Dân-chủ vạn-tuế! » Rồi sấn vào nhà Hạ Nghị-viện (*Palais Bourbon*), làm rất dữ-rội; cái quang-cảnh chẳng khác gì ngày 14 tháng 7 năm 1789 là ngày phá ngục Ba-sĩ-đích (*La Bastille*). — Lúc bấy giờ ông GAMBETTA lên diễn-đài xin dân-chúng yên để cho các đại-biểu bàn-bạc, nhưng dân không chịu lui. Sau ông với ông JULES FAVRE tuyên-cáo rằng sẽ lập một chính-phủ tạm-thời, và sắp-sửa tuyển dân-chủ ở nhà Thị-sảnh (*Hotel de Ville*); bấy giờ dân-chúng mới chịu lui. Dân-chủ lập ngày mồng 4 tháng 9 năm 1870. Từ đấy đến nay trong 50 năm lần-lượt các ông sau này lên làm Giám-quốc: THIERS, MAC MAHON, JULES GRÉVY, SADI CARNOT, CASIMIR PÉRIER, FÉLIX FAURE, EMILE LOUBET, ARMAND FALLIÈRES, RAYMOND POINCARÉ, PAUL DESCHANEL và ALEXANDRE MILLÉRAND, là hiện-thời Giám-quốc.

Trong việc lập dân-chủ chính-thể lần thứ 3 này, có hai điều nên nhớ:

1/ Một là lúc bấy giờ Dân-quốc cố hết sức chỉnh-lý lại quốc-lực, tu-tạo lục-quân hải-quân, đặt vững cuộc đồng-minh để thông-tình giao-hiếu với các nước châu Âu, khoáng-trương thế-lực ở các xứ thuộc-địa như Algérie, Đông-Pháp ta, Tây Phi-châu, v. v... đặt luật phổ-thông cưỡng-bách giáo-dục, cưỡng-bách binh-dịch, v. v..; nói tóm lại là gây ra cơ-sở vững-vàng một dân-quốc tự-chủ vậy.

2/ Hai là trận năm 1870-1871, nước Pháp mất hai châu Alsace-Lorraine, coi như một cái tang chung trong nước, đau-xót vô-cùng, trong hơn bốn mươi năm trời cử-quốc đều đinh-

ninh một bụng khôi-phục báo-thù. Chợt năm 1914, nước Đức hung-tàn, gây ra chiến-họa, định diệt Pháp mà bành-trướng quyền-lực ra khắp thế-giới. Hay đâu, nước Pháp sẵn căm-tức trong lòng, lại lo cứu nhân-loại, càng nghĩ đến danh-dự mà cái lệ-khí anh-hùng từ xưa lại càng thêm oanh-liệt, trải qua một phen đau lửa trong bốn năm trời, quân bạo-ngược lực nhược thế suy, châu Á-tản Lô-liên lại về nước Pháp.

Cái ngày sử-ký chép để muôn đời ấy, cái ngày đình-chiến quân Đức phải hàng, Đức-hoàng và hoàng-tử phải trốn sang Hà-lan, quân đồng-minh kéo vào hai châu Lô-Á, cái ngày lớn-lao ấy, là ngày 11 tháng 11 năm 1918.

Hai ngày mồng 4 tháng 9 năm 1870 và 11 tháng 11 năm 1918, khắc trên bia kỷ-niệm kia còn mãi-mãi về sau ở trong sử-ký, khiến cho muôn đời, ai là dân Pháp, ai là kẻ chịu ơn nước Pháp, cũng phải ghi-nhớ trong lòng.

Nói tóm lại, nước Pháp sở-dĩ có hai ngày rực-rỡ ấy cũng là bởi cái thế-lực của chính-thể Dân-chủ trong 50 năm trời vậy.

Tháng năm vừa rồi, quan Thống-soái Foch diễn-thuyết cho học-sinh trường Công-nghệ đại-học (Ecole Polytechique) có nói rằng:

« Ta dám quả-quyết, không ngại-ngùng gì mà tuyên-cáo lên rằng trong cuộc chiến-tranh vừa rồi, Chính-phủ này, tức là Chính-phủ Dân-chủ, là có thế-lực hơn cả, vì Chính-phủ này đã biết đem hết quốc-lực ra mà lợi-dụng vậy ». (*Je déclare sans hésitation quece gouvernement, la République, est dans la guerre le plus fort parce que c'est celui qui met en œuvre le plus de forces nationales.*) Xem thế thì biết cái thế-lực của chính-thể Dân-chủ ở Đại-Pháp to-tát và vững bền biết là dường nào !

Cõi Đông-Pháp ta cũng các thuộc-địa khác cũng là nhờ chính Dân-chủ cộng-hòa lần thứ ba của nước Pháp, mà đã mở mang được như ngày nay, có cái quang-cảnh thịnh-vượng như thế này. Vậy nhân ngày hội kỷ-niệm, quốc-dân ta cũng nên đồng-thanh mà hô chúc : « Đại-Pháp Dân-quốc vạn-tuế ! ». — Biên-xa.

∴

Quan Toàn-quyền và quan Phó Toàn quyền mới. — Quan Toàn-quyền Long cùng các quan theo hầu ngài đã xuống tàu về Pháp tự trung-tuần tháng này. Trong khi ngài vắng thời quan Thống-đốc Nam-kỳ Le Gallen lên quyền thay ngài. Chức Phó Toàn-quyền thời trong khi quan Monguillot về nghỉ vắng, quan Robin là chánh tòa Quan-lại và tòa Chính-trị ở Phủ Toàn-quyền lên quyền thay.

Hai quan Toàn-quyền và Phó Toàn-quyền mới đều là hai tay lịch-luyện, làm quan tại Đông-Pháp đã lâu năm, chính-sự dân-tình đã thuộc lắm, thật không còn ai xứng-đáng bằng. Quan Le Gallen thời đã từng làm Công-sứ nhiều tỉnh lớn ở Bắc-kỳ, nhất là tỉnh Hà-đông, có tiếng là một tay giao-thiệp khéo, cai-trị giỏi, vả lại am-hiểu tình-tình người Nam-Việt. Ngài đã làm Thống-sứ Bắc-kỳ ít lâu rồi mới về Thống-đốc Nam-kỳ. Ngài là con rể quan cố Phó Toàn-quyền Broni, dân ta chắc nhiều người còn biết tiếng.— Quan Robin thời trước khi về đồng-lý phủ Toàn-quyền, đã làm Công-sứ tỉnh Thanh-hóa lâu năm, chính-tích rất đáng khen, dân-tình thật cảm-phục. Ngài có tiếng là người cương-trực mà lại sở-trường về khoa pháp-luật: ngài vốn đã có bằng luật-khoa tiến-sĩ, thật là một bậc trưởng-quan xuất-sắc vậy.

Đông-Pháp ta được hai quan Le Gallen và Robin cầm quyền cai-trị thời cái chính-sách khai-hóa của hai quan Toàn-quyền Sarraut và Long chắc không đến nỗi bị đình-đốn mà có lẽ lại phát-triển thêm ra vậy. Thật là may cho dân ta lắm.

Giữa lúc hai ngài lên trọng-nhậm tại phủ Toàn-quyền, bản-chí xin có lời kính chúc quan Toàn-quyền Le Gallen và quan Phó Toàn-quyền Robin. (Bản-chí đương cố xin ảnh hai ngài để in vào báo).

∴

Hương-thôn cải-lương tạp-lục. — Ngày nay vấn-đề cải-lương các nơi hương-thôn, trên tự chánh-phủ, dưới đến quốc-dân đâu đâu cũng nghị-luận đến, thật là một vấn

để thiết-thời vậy. Bản-chí trên kia đã đăng một bài của ông NGUYỄN NHƯ-NGỌC bàn kỹ về việc cải lương nên thế nào. Nay phụ mục tạp-trở này để đăng mấy bài vụn-vặt cũng thuộc về vấn-đề ấy, gọi là giúp thêm ít tài-liệu cho các nhà nghị-luận vậy.

I

Bài tựa sách «Cải-lương hương-tục» của ông Hoàng Hữu-Đôn.— Ông HOÀNG HỮU-ĐÔN, tri-huyện Bình-lục (Hà-nam) có soạn một tập «Cải-lương hương-tục» đã đăng trong bản-chí số 37. Nay ông định in riêng ra thành sách, có nhờ bản-chí chủ-bút làm bài tựa, xin trích-lục như sau này :

«TỰA. — Ngày tháng sáu năm nay, quan huyện Bình-lục Hoàng Hữu-Đôn có lại-cảo cho tôi một tập để là «Sách cải-lương hương-tục» để đăng vào báo *Nam-phong*. Tôi đọc qua một lượt, thấy nhiều điều bàn có ích, bèn vội-vàng cho in vào báo, để cống-hiến cho những nhà để tâm về việc cải-lương ở các chốn hương-thôn. Nay quan huyện Hoàng lại muốn in riêng ra thành sách, để truyền-bá cho rộng hơn, có bụng yêu nhờ tôi làm bài tựa, tôi không dám từ-chối.

«Tôi thiết-tưởng việc cải-lương ở nơi hương-thôn ta bây giờ là một việc rất cần. Nhưng cải-lương có hai đường : một là hương-chính, hai là hương-tục, mà hương-chính cần phải cải-lương trước, nếu hương-chính tốt, hương-tục tự-khắc hay. Sao vậy ? Di-phong dịch-tục, cổ-lai vẫn cho là một việc rất khó, không thể một buổi làm nên, một ngày thành được, phải năm ấy tháng khác, mới mong sửa-đổi được ít nhiều vậy. Phong-tục ngày nay là kết-quả của mấy đời tập-quán từ trước, đã lâu ngày mới thành, thời cũng phải lâu ngày mới đổi được. Cho nên phàm sự cải-lương mà bắt-đầu ở phong-tục, thường hay chậm thành-công. Đến như chính-sự thời phải tùy thời-thế mà thay-đổi. Các nơi hương-thôn ta sở dĩ mang tiếng là những chốn hủ-bại là bởi chính-sự nát nhiều hơn là bởi phong-tục hư. Việc chi-thu không phân-minh, quyển kỳ-mục không định rõ, tuần-phòng sơ-lược, đạo-lộ không chăm, kẻ trên thời công tư lẫn-lộn, người dưới thời phải trải mặp-mờ, đó là mấy cái nguồn tệ lớn làm ngăn-trở sự tiến-hóa ở các chốn nhà quê. Chớ những tục như đình-đám ma-chay, ăn khao ăn vọng, miếng thịt miếng xôi, mâm cao cỗ đầy, thời tuy cũng có nhiều điều dở đáng bỏ thật, nhưng chưa phải là những trở-lực to cho sự tiến-hóa vậy. Bởi thế nên nói rằng việc cải-lương cần ở hương-chính trước.

«Nay muốn cải-lương hương-chính thời phải làm thế nào ? Theo ý riêng tôi thời việc cải lương không qua năm khoản như sau này :

«1. — Chỉnh-đốn các hương-chức, nghĩa là trong dân cử ra những người nào để thay mặt dân mà trông-nom việc công, giao-thiệp với quan, mỗi người đều có chuyên-trách, người ngoài không được can-thiệp vào ;

«2.— Chỉnh-đốn việc tài-chính, nghĩa là các khoản chi-thu công trong dân phải lập sổ-sách phân-minh, giao người quản-lý, không được hồ-đồ lẫn-lộn, phải đặt lệ nghiêm rằng : *phàm tiền công-ngân chỉ được chi-tiêu việc công-ích*.

«3.—Chỉnh-đốn việc sưu-thuế. Dân-thôn giao-thiệp với Nhà-nước, trọng nhất là việc sưu-thuế, sự thu sự nộp phải cho chắc-chắn phân-minh, ủy người chuyên-trách, để khỏi những tệ hà-lạm thiếu-thốn, vay-mượn lôi-thôi.

«4.— Chỉnh-đốn việc tuần-phòng. Dân có *an-cư* thời mới *lạc-nghiệp* ; trong dân-gian không gì trọng bằng việc tuần-phòng. Tuần-phòng không những là giữ sự gian-phi ở trong, phòng sự trộm-cướp ở ngoài; lại cần phải cứu-cấp những khi tai-nạn, trông-nom các việc vệ sinh ; phải người chủ-trương, cho đâu vào đấy, không nên coi thường hư-ứng, tắc-trách.

«5. — Chỉnh đốn việc giáo-dục. Giáo-dục là then-chốt của sự tiến-hóa. Muốn cho dân hay tục tốt, cần phải dạy học cho nhiều, không những dạy con trẻ, phải dạy cả người lớn. Vậy làng nào ít ra cũng phải có một trường sơ đẳng cho trẻ con đến học, một lớp giảng thuyết cho người lớn lại nghe, và bao nhiêu những người có dự việc vào hương-chính, đều phải biết đọc biết viết chữ quốc-ngữ.

« Ấy là phác-họa cái chương-trình cải-lương cốt-yếu ở mấy điều như thế. Nếu mấy điều ấy mà chỉnh-đốn được cả, thời hương-chính đã hoàn-bị, lo gì hương-tục không cải lương?

« Nhưng việc cải-lương là phận-sự của dân đã đành, mà cũng là nghĩa-vụ của các quan có trách thân-dân vậy. Quan huyện Hoàng chắc cũng nghĩ như thế, nên mới soạn ra sách cải-lương này, trước là giúp các đàn-anh trong dân phòng theo đó mà sửa-đổi chính-sự trong làng mình, sau là giục-giã các bạn đồng-liêu trong quan-giới nên gia-tâm chấn-chỉnh mọi việc cho nhân-dân được nhờ. Quan huyện làm việc này không phải là không ti-ích cho xã-hội vậy.

« Nay sách cải-lương này phải coi như một cái « dự-án », nghĩa là một bản thảo, để tùy-nghi mà châm-chước, không phải là một cái mẫu cứ như thế mà theo được. Các nhà nhiệt-thành về việc cải-lương nên nhân đấy mà sửa đổi, hoặc thêm, hoặc bớt, cho hợp với phong-tục và dân-tình mỗi nơi vậy.

« Tôi ước-ao rằng trên tự các quan phụ-mẫu, dưới đến các bậc đàn-anh, một lòng một dạ mưu-tính việc ích-lợi cho dân, bỏ lòng tư-kỷ mà làm việc công-ích, thời vấn-đề cải-lương lo gì không giải-quyết, con đường tiến-bộ còn chi mà trở-ngại. Mong lắm ! mong lắm !

« Nay tựa.

« Ngày mồng 6 tháng 10 năm Khải-định thứ năm

« Hàn-lâm-viện Trước-tác

« Nam-phong tạp-chí chủ-bút

« Lương-ngọc PHẠM-QUỲNH

« Viết tại Nam-Phong-báo quán ở Hà-nội »

***

II

Việc cải-lương ở mấy xã Thái-bình. — Thời-đại ngày nay là thời-đại văn-minh, nhân-quần bây giờ là nhân-quần tiến-hóa, bất-cứ tôn-giáo nào, cách sùng-thượng tuy có khác mà cũng trong một chí-lý cả. Tôi nay là bọn truy-lưu, lâu quen mùi thuyền-vị, ngoài mũ ni nào biết sự ai, nhưng tôi thường vãng-cảnh chùa Bộ-la, thấy ở đàng trước cảnh ấy có sở nghị-hội hàng xã, mỗi tháng ba kỳ hội-thương việc công-ích ; trong làng có đọc báo Nam-Phong, báo Trung-bắc và báo Thực-nghiệp ; trong Nghị-hội lại có kính treo những lời Thánh-dụ ; cho nên làng ấy xếp đặt việc gì cũng theo cách văn-minh cả. Tôi mới biết rằng báo-quán là một lợi-khí để truyền-bá sự cải-lương, đuốc văn-minh soi rạng miền Nam bể Bắc, chuông cảnh-tỉnh khua vang ngõ hẹp hang cùng, làm cho người trong trúc-viện, thân dẫu xuất-gia, cũng phải động lòng yêu nước, dẫu người mặc áo già-sa chưa được dự hội Khai-trí, nhưng đem lòng từ-bi phổ-tế mà đối với nhân-quần, vẫn ước-ao rằng khắp trong nước làng nào cũng mua báo đọc báo như làng Bộ-la, thời làng nào cũng được man lên đường tiến-hóa, cho khỏi phụ lòng Nhà-nước Bảo-hộ. Quí-hóa thay, mừng-rỡ thay ! Trên được có Thánh-quân ngự-thế, chỉnh-đốn quan-trường thời có chỉ-dụ khuyến-liêm, chỉnh-đốn dân-tục thời có chỉ-dụ cải-lương, lại đặt ra Hưng-quốc khánh-tiết để làm kỷ-niệm cho quốc-dân Dân ta được thấy những sự ấy nên vui-vẻ như mới ơn đội sắc-mạnh Triều-đình là phải, thế mà vâng lời Ngọc-chỉ thì chưa biết tuân theo, khi có tuân-lệ được thưởng-hàm thì kiệt-tài khánh-hạ, tiết kỷ-niệm nước mình chẳng nhớ, đi nhớ ông Giới-tử-Thôi, ông Khuất-Nguyên nước Tàu, thậm-chí đến tiết Trung-nguyên thì dùng những đồ minh-khí, đến sự hiếu-hỉ thì dùng những sự sa-hoa phí-tổn có trăm có nghìn, mà nói đến sự công-ích thì còn như tịch-diệt hư-vô cả. Tôi làm đệ-tử Phật đi lại đã và mươi chùa, mới thấy làng Bộ-la biết tuân lời Chỉ-dụ, biết tự-trị cải-lương, biết lấy các tiết kỷ-niệm làm chính-đáng, như là mồng 5 tháng 5 đổi sang mồng 2, mới rồi gặp tiết Cộng-hòa cũng thấy làng ấy dựng đèn, thi học-trò trường Pháp-việt thưởng giấy bút và thi các công-nghệ, hôm ấy rất là vui-vẻ. — Ngoại-giả lại thấy một làng Ô-mê thuộc về huyện Vũ-tiên cũng lấy tiết Hưng-quốc ấy mà thay vào tiết đoan-dương, còn các làng khác thì nguyên giữ tục cũ. Than ôi ! nhân-tâm như thế, phong-tục như thế, dẫu Thánh-thượng có lòng tử-dục lê-nguyên, Bảo-hộ sẵn lòng khai-hóa, quí-báo nhiệt-thành cổ-động, mà giấc ngủ còn say chưa tỉnh, biết bao giờ cùng ganh-đua nhau

lên đường tiến-bộ văn-minh, thực đáng tiếc quá.

Nam-định tỉnh, Giao-thủy huyện, Hội-khê-ngoại-xã tự-tăng :

Mai Tâm-Tĩnh *lai-cảo*.

III

Khánh-thành trường Pháp-Việt xã Ngô-khê, huyện Bình-lục, tỉnh Hà-nam (ngày 21 tháng 11 năm 1920). Bài diễn-văn của quan huyện Bình-lục.

« Trình các quan

« Ngày khánh-thành trường Pháp-việt hôm nay là một ngày rất vẻ-vang cho xã Ngô-khê, là một ngày đáng ghi-tạc nghìn thu trong chốn hương-thôn.

« Tôi được đến đây thay mặt dân-xã này mà bày-tỏ cái mục-đích giáo-dục của chúng tôi đã theo-đuổi mấy lâu nay, thì thật là cảm-động vô-cùng. Trước hết xin cảm ơn các quan đã có lòng hạ-cố đến chỗ thôn-giã này mà chứng-quả cái công-cuộc của chúng tôi, sau xin cảm ơn quan Đại-lý đã hết lòng giúp-đỡ cho chóng được thành-sự.

« Chúng tôi làm việc này, chẳng qua cũng theo cái mục-đích giáo-dục của quốc-dân mà Nhà-nước Bảo-hộ đã thi-hành trong nửa thế-kỷ này, để mà dìu-dắt người Việt-Nam mình lên đường tiến-hóa cùng nhân-loại. Chúng-tôi vẫn một lòng tuân theo cái chủ-nghĩa cao-thượng ấy, mà ra tay gánh-vác cái trách-nhiệm giáo-dục cho quốc-dân, để giải-phá cho khỏi chốn mê-thành ám-thất, dìu-dắt cho thoát nơi hang tối vực sâu, để cho người nước mình được trông thấy cái ánh sáng quang-cảnh của loài người. Vả lại sự ngu-giốt là một cái nhọt lớn trong xã-hội, một đám mây tối trong trời đất, hại cho dân-trí, hại cho nhân-quần, làm cho người đời khốc-hại, kể sao cho xiết ! Ta thử xét, biết bao người vì vô-học mà chịu khốn-khổ trong vòng lao-lung, chịu cay-đắng trong cuộc sinh-nhai, làm cho lương-tâm cũng phải mờ-tối, cương-thường cũng phải đảo-điên, khiến cho lòng người dễ phải tinh-dục mà nhọ đen, trí dân dễ phải ngu-giốt mà tản-thất ; cũng vì vô-học nên cái phẩm-giá của người cũng không biết tự-tôn tự-kính, cái danh-dự của người cũng chẳng biết mến biết thương, làm cho người ta thành đê-hạ, chịu nhục-nhằn, chẳng quí nhân-cách, chẳng trọng công-lý, sinh ra nhiều điều phi-pháp, nhiều việc bất-lương. Thương thay, sự vô-học thật là cái bi-cảnh trong xã hội !

« Chúng tôi vì nghĩa-vụ làm dân trong nước mà phải ra giải-thoát cái nạn lớn ấy cho quốc-dân.

« Đã đành rằng ngày nay nhờ ơn Nhà-nước đã hết lòng mở-mang việc học cho người mình, nhưng xem ra chỉ các chốn đô-hội mới được cái ơn giáo-hóa ấy mà thôi, còn những chốn thâm-sơn, những nơi cùng-cốc, thì còn mờ ám biết bao, mà chính những nơi ấy là chỗ nguồn gốc trong xã-hội, thì lại cần nên khai-hóa ra nhiều.

« Vả lại học-giới là một phạm-vi vĩ đại, rộng như bể cao như rừng, mênh mang mặt nước chân trời, không bờ không hạn, dẫu xả thân mà gánh vác suốt đời, cũng không hoàn-toàn được, cho nên đã làm dân trong nước, thì ai cũng nên chịu một phần trách-nhiệm để mở mang cho loài người, nhất là những người chức-dịch quan-trường lại càng nên thập-phần chú-ý.

« Vì các lẽ ấy, nên chúng tôi không quản những sự khó khăn, chẳng ngại những điều ngăn trở, mà quyết chí dựng lên cái trường nhỏ này, trước là để làm gương cho các xã, sau để khuyến lệ những người thức-giả, để cùng nhau ra sức ma theo cái chủ nghĩa mở mang sự phổ-thông giáo dục cho quốc-dân.

« Chúng tôi lại mong cho các xã khác rồi cũng nhờ ơn quan trên cùng các quan phụ mẫu, cũng hồi-tưởng lại mà mở mang các trường sơ-học cho các xã để quốc-dân đều nhờ ơn giáo-dục, mà mở mặt cùng loài người cho khỏi thẹn cùng non sông đất nước, thì Việt-Nam tổ quốc mình há chẳng là vinh-dự lắm ru !

« Còn như cái việc chúng tôi làm đây thì không dám cầu đến sự khen chê công cán gì. Cái kết-quả ngày nay, ấy là cái thưởng của chúng tôi mong-mỏi từ ngày khởi công vậy.

« Chúng tôi xin mong rằng rồi ra Nhà-nước hoặc các quan Phủ Huyện mưu cùng thân-hào tổng lý mà xin phép bán vị-thứ hoặc quyên tiền, để mở cho cho các xã, mỗi xã một trường hương-học Pháp-việt, thì sự học của nước ta khi ấy mới hoàn-toàn được ; còn như bây giờ các trường huấn giáo đã bỏ, mà trường tổng-sư thì không thể nào cho con trẻ các xã đi học cho tiện được. Một trường tổng mà dậy học-trò chín mười xã, trẻ con đi mưa về nắng, qua sông cách đò, biết bao nhiêu nỗi phiền-lụy cho con em, thì dẫu có lòng ham học đến đâu cũng không thể mơ-tưởng được. Cái mục-đích nhỏ-mọn của chúng tôi, mà phân-giải đến thế cũng đã quá đáng rồi, vậy xin ngừng lại, mà xin cảm ơn các quan và xin chúc cho trường Pháp-việt xã này được đời đời trường-thọ. »

HOÀNG HỮU-ĐỒN

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI « KHAI-TRÍ TIẾN-ĐỨC »

Việc hội-quán. — Tự đầu tháng này đã bắt đầu rỡ nhà thư-viện cũ ở phố hàng Trống để dựng nhà Hội-quán của Hội ta. Ngày 25 Novembre, tòa trị-sự đã ký tờ giao-kèo với ông AVIAT lĩnh-trưng làm nhà, giá khoán là hai vạn sáu (26000 $) hết thảy, và hạn trong bảy tháng xong. Vậy thời đến cuối tháng sáu tây sang năm Hội ta sẽ có nhà vậy. — Nhưng xin nhắc lại để các hội-viên biết rằng hiện nay Hội ta vẫn chưa đủ số tiền, còn thiếu đến 5, 6 ngàn nữa. Xin các ngài hết sức cổ-động và giúm-giúp cho chóng thành công. Ông Thủ-quĩ đã có giấy gửi quyên các ngài, ngài nào có bụng giúp xin gửi tiền về mau cho.

Đơn xin vào Hội. — Trong tháng Novembre, Hội nhận được đơn những ông sau này xin vào Hội, hạn trong hai tháng ai có dị-nghị xin viết thơ về cho Hội biết.

A. *Xin vào chân chủ-trì.*

1. Ông Lê Văn-Trung, membre du Conseil du Gouvernement, Chợ-lớn.
2. — Trần Văn-Đại, tri-phủ Mỹ-đức, Hà-đông.
3. — Nghiêm Duy-Ninh, tri-huyện Phú-xuyên, Hà-đông.
4. — Ngô Đặng-Mai, secrétaire des Douanes, Ninh-giang, Hải-dương.
5. — Nguyễn Văn-Vũ dit Mộc, commerçant à Cốc-lếu (Lao-kay).
6. — Nguyễn Văn-Trử, Assistance Médicale, Cốc-lếu (Lao-kay).
7. — Võ Chuẩn, Président de la Société d'Encouragement aux Etudiants, Huế.
8. — Nguyễn Ứng, étudiant à l'Université, 38 Rue des Balances, Hanoi.

Ông Mai, ông Mộc và ông Trử, ba ông là do ông hội-viên Hà Dương-Quang, lại-mục Thụy-vi (Lao-kay) giới-thiệu.

— Ông Đặng Đức-Giục (Hà-đông) trước là thường-hội-viên, nay xin đổi ra chân chủ-trì.

B. — *Xin vào thường-hội-viên*

— Ông Đỗ Văn-Xước, phó-tổng làng Đại-gia, tổng Thụy-phú (Hà-đông). — Do ông hội-viên Nguyễn Thông-Phúc giới-thiệu.

Cải-Chính

Nam-Phong số 40, bài « Phật-giáo lược-khảo », trang 281, cước-chú, chữ *Lazare* in lầm, phải đọc là *Judas*.

東法全權黎哥連大人肖像

Cl. du Serv. Ciném. G. G.

Quan Toàn-quyền Le Gallen ngồi trong văn-phòng

Kỳ trước bản-chí đã có lời mừng quan LE GALLEN lên trong-nhậm chức Toàn-quyền thay quan Toàn-quyền LONG. Nay mới